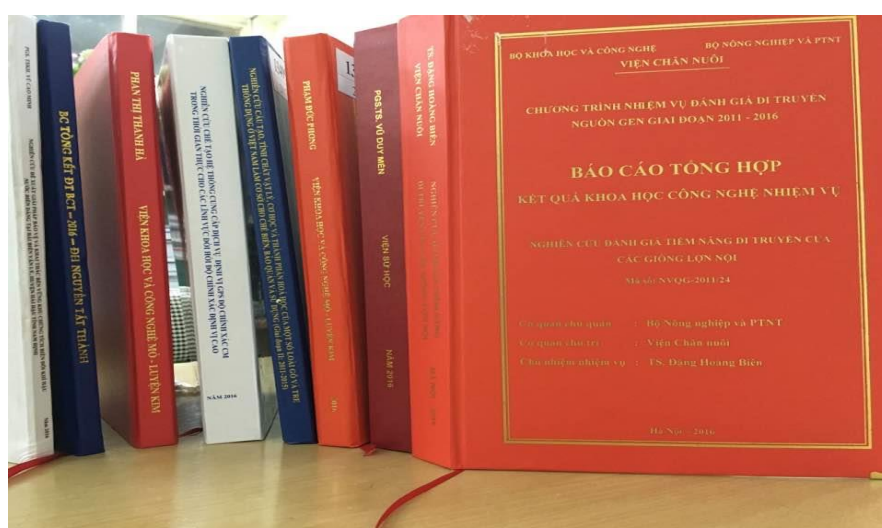


# THÔNG BÁO

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



**SỐ 8**  
**2021**



**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**(Định kỳ 1 số/tháng)**

**BAN BIÊN TẬP**

<i>Trưởng ban:</i>	THS. VŨ ANH TUẤN
<i>Phó Trưởng ban:</i>	ThS. Võ Thị Thu Hà ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh
<i>Ủy viên thư ký:</i>	ThS. Nguyễn Thị Thưa CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu CN. Nguyễn Thu Hà

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	ii
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	10
<u>Phụ lục</u> : Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	92

## LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

**CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

***Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội***

**ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: [quanly@vista.gov.vn](mailto:quanly@vista.gov.vn)**

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

**GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

① 74479.1-2020. ② Nghiên cứu đề xuất một số khu vực có thể phục hồi và tái tạo hệ sinh thái rạn san hô phục vụ du lịch sinh thái biển Khánh Hòa/ Võ Sĩ Tuấn, TS. Nguyễn Văn Long; CN. Phan Kim Hoàng; ThS. Thái Minh Quang; ThS. Phan Thị Kim Hồng; ThS. Mai Xuân Đạt; ThS. Phạm Sĩ Hoàn; ThS. Phạm Bá Trung; CN. Hứa Thái Tuyên; TS. Hoàng Xuân Bền - Khánh Hòa - Viện Hải dương học Nha Trang, 2018 - 01/2015 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

③

⑥

⑦

⑧

⑨

⑩—Tổng quan về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, đa dạng sinh học ở vùng biển Khánh Hoà. Đánh giá hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô ở các khu vực có tiềm năng sử dụng cho mục tiêu du lịch sinh thái biển. Điều tra hiện trạng sử dụng và quản lý tài nguyên tại các khu vực tiềm năng. Phân tích các yếu tố tích cực và hạn chế liên quan đến phục hồi rạn san hô và phát triển du lịch sinh thái và đề xuất các khu vực có thể phục hồi và tái tạo rạn san hô nhằm sử dụng cho du lịch sinh thái. Xây dựng mô hình phục hồi, tái tạo rạn san hô với sự tham gia quản lý của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: KHA-2019-002

①	Mã tra cứu
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP  
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

<b>1. Khoa học tự nhiên .....</b>	<b>10</b>
<b>101. Toán học và thống kê.....</b>	<b>10</b>
10102. Toán học ứng dụng.....	10
10103. Thống kê.....	11
10199. Toán học và thống kê khác.....	12
<b>102. Khoa học máy tính và thông tin .....</b>	<b>12</b>
<b>103. Vật lý .....</b>	<b>13</b>
10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học .....	13
10302. Vật lý các chất cô đặc.....	14
10306. Quang học.....	14
<b>104. Hóa học .....</b>	<b>15</b>
10401. Hoá hữu cơ .....	15
10402. Hoá vô cơ và hạt nhân.....	15
10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân).....	15
<b>105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan .....</b>	<b>16</b>
10501. Địa chất học.....	16
10509. Các khoa học môi trường .....	16
10511. Khí hậu học .....	18
<b>106. Sinh học.....</b>	<b>18</b>
10603. Vi sinh vật học.....	18
10605. Hoá sinh; phương pháp nghiên cứu hoá sinh.....	18
10606. Sinh học phân tử.....	19

10615. Đa dạng sinh học .....	19
10616. Công nghệ sinh học .....	20
<b>2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....</b>	<b>21</b>
<b>201. Kỹ thuật dân dụng .....</b>	<b>21</b>
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải .....	21
20105. Kỹ thuật thủy lợi.....	22
20106. Kỹ thuật địa chất công trình .....	24
<b>202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin .....</b>	<b>25</b>
20202. Người máy và điều khiển tự động.....	27
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..	27
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông .....	29
20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác.....	29
<b>203. Kỹ thuật cơ khí.....</b>	<b>30</b>
20302. Chế tạo máy nói chung.....	30
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp.....	30
20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thủy .....	31
20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng.....	32
20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân .....	32
<b>204. Kỹ thuật hóa học .....</b>	<b>33</b>
20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung .....	33
20403. Kỹ thuật hoá dược .....	34
20404. Kỹ thuật hoá vô cơ .....	34
20405. Kỹ thuật hoá hữu cơ .....	35

<b>205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim.....</b>	<b>35</b>
20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen .....	35
20503. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim màu .....	36
20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...) .....	36
20513. Gỗ, giấy, bột giấy .....	37
20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp.....	38
20515. Vật liệu tiên tiến .....	38
<b>206. Kỹ thuật y học .....</b>	<b>38</b>
20601. Kỹ thuật và thiết bị y học .....	38
20603. Kỹ thuật phân tích mẫu thuốc .....	40
<b>207. Kỹ thuật môi trường.....</b>	<b>40</b>
20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất.....	40
20706. Kỹ thuật hàng hải, đóng tàu biển .....	40
<b>208. Công nghệ sinh học môi trường .....</b>	<b>41</b>
20801. Công nghệ sinh học môi trường nói chung.....	41
20802. Xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học; các công nghệ sinh học chẩn đoán (chip ADN và thiết bị cảm biến sinh học) .....	41
<b>209. Công nghệ sinh học công nghiệp .....</b>	<b>42</b>
20901. Các công nghệ xử lý sinh học (các quá trình công nghiệp dựa vào các tác nhân sinh học để vận hành quy trình), xúc tác sinh học; lên men ...	42
20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.....	43
<b>210. Công nghệ nano.....</b>	<b>43</b>

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất).....	43
<b>211. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống.....</b>	<b>44</b>
21101. Kỹ thuật thực phẩm.....	44
<b>299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác.....</b>	<b>46</b>
<b>3. Khoa học y, dược.....</b>	<b>47</b>
<b>301. Y học cơ sở.....</b>	<b>47</b>
30103. Miễn dịch học.....	47
30106. Mô học.....	47
<b>302. Y học lâm sàng.....</b>	<b>48</b>
30206. Huyết học và truyền máu.....	48
30211. Ngoại khoa (Phẫu thuật).....	48
30221. Ung thư học và phát sinh ung thư.....	49
30230. Y học thể thao, thể dục.....	49
<b>303. Y tế.....</b>	<b>50</b>
30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..).....	50
<b>304. Dược học.....</b>	<b>50</b>
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc....	50
<b>4. Khoa học nông nghiệp.....</b>	<b>51</b>
<b>401. Trồng trọt.....</b>	<b>51</b>
40102. Thổ nhưỡng học.....	51
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....	51
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả.....	55
40106. Bảo vệ thực vật.....	55
40107. Bảo quản và chế biến nông sản.....	55
<b>402. Chăn nuôi.....</b>	<b>56</b>



40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi.....	56
40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi.....	56
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi.....	56
40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác.....	57
<b>403. Thú y .....</b>	<b>58</b>
40304. Miễn dịch học thú y.....	58
<b>404. Lâm nghiệp .....</b>	<b>58</b>
40405. Giống cây rừng.....	59
40407. Bảo quản và chế biến lâm sản .....	59
<b>405. Thủy sản.....</b>	<b>59</b>
40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản.....	59
40503. Bệnh học thủy sản .....	60
40504. Nuôi trồng thủy sản .....	60
<b>406. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp .....</b>	<b>62</b>
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;. 62	
40604. Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp .....	62
<b>5. Khoa học xã hội .....</b>	<b>62</b>
<b>502. Kinh tế và kinh doanh .....</b>	<b>63</b>
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh 66	
50202. Kinh doanh và quản lý .....	68
50299. Kinh tế học và kinh doanh khác .....	70
<b>503. Khoa học giáo dục.....</b>	<b>71</b>
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. ..	71
50302. Giáo dục chuyên biệt.....	74
50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác .....	75

<b>504. Xã hội học .....</b>	<b>75</b>
50404. Dân tộc học.....	75
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội.....	76
<b>505. Pháp luật.....</b>	<b>78</b>
50501. Luật học.....	79
50502. Tội phạm học.....	81
50599. Các vấn đề pháp luật khác.....	82
<b>506. Khoa học chính trị .....</b>	<b>82</b>
50601. Khoa học chính trị.....	82
50602. Hành chính công và quản lý hành chính.....	83
50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị.....	85
<b>507. Địa lý kinh tế và xã hội.....</b>	<b>86</b>
50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị.....	86
<b>599. Khoa học xã hội khác.....</b>	<b>86</b>
<b>6. Khoa học nhân văn.....</b>	<b>87</b>
<b>601. Lịch sử và khảo cổ học .....</b>	<b>87</b>
60101. Lịch sử Việt Nam .....	87
60102. Lịch sử thế giới; Lịch sử từng nước, từng vùng; từng khu vực .....	87
<b>602. Ngôn ngữ học và văn học .....</b>	<b>88</b>
60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung .....	88
<b>603. Triết học, đạo đức học và tôn giáo .....</b>	<b>89</b>
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ .....	89

## THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

### 1. Khoa học tự nhiên

#### 101. Toán học và thống kê

77332. 08-2021. **Một số bài toán chọn lọc trong lý thuyết điều khiển và ổn định hệ phương trình phân thứ và suy biến có trễ/** GS.TSKH. Vũ Ngọc Phát, PGS.TS. Phan Thanh Nam; TS. Nguyễn Trường Thanh; TS. Mai Việt Thuận; ThS. Nguyễn Huyền Mươi - Hà Nội - Viện Toán học, 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển và cải tiến phương pháp hàm Lyapunov-Krasovskii và kỹ thuật LMI để giải bài toán ổn định, ổn định hữu hạn cho một số lớp hệ phương trình vi phân phân thứ có trễ. Nghiên cứu bài toán ổn định, ổn định hữu hạn thời gian cho một số lớp hệ phương trình vi phân/sai phân suy biến có trễ. Dựa trên các kết quả nhận được về bài toán ổn định, nghiên cứu ứng dụng giải bài toán điều khiển: ổn định hóa, tối ưu hóa, đảm bảo tối ưu giá trị điều khiển cho một số lớp hệ phương trình vi phân phân thứ và suy biến có trễ.

Số hồ sơ lưu: 17543

#### 10102. Toán học ứng dụng

76856. 08-2021. **Tính toán chính xác trong mô hình chuẩn và mô hình mở rộng/** TS. Lê Đức Ninh, TS. Đào Thị Nhung - Bình Định - Viện nghiên cứu khoa học và giáo dục liên ngành, 2020 - 03/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thực hiện các tính toán chính xác (tính các bộ đỉnh lượng tử trong khuôn khổ lý thuyết nhiễu loạn của lý thuyết trường lượng tử) cho các quá trình tán xạ quan trọng đang được đo ở máy gia tốc LHC (Large Hadron Collider). Tính toán này được thực hiện trong phạm vi của mô hình chuẩn (Standard Model, viết tắt là SM). Tính toán các bộ đỉnh lượng tử cho khối lượng các hạt Higgs boson và bề rộng phân rã của chúng trong mô hình siêu đối xứng NMSMM (Next-to-Minimal Supersymmetric Standard Model). Đây là mô hình mở rộng của mô hình chuẩn, thỏa mãn tính chất siêu đối xứng, là một trong những mô hình siêu đối xứng phổ biến nhất đang được nghiên cứu trên thế giới.

Số hồ sơ lưu: 17338

77342. 08-2021. **Phương pháp số giải một số phương trình và hệ phương trình vi phân phi tuyến nảy sinh trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ/** GS.TS. Đặng Quang Á, TS. Trương Hà Hải; TS. Ngô Thị Kim Quy; ThS. Hoàng Mạnh Tuấn; ThS. Nguyễn Quốc Hưng; ThS. Đặng Quang Long; ThS. Nguyễn Thanh Hùng - Hà Nội - Trung tâm tin học và tính toán, 2020 - 03/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu phương pháp số hữu hiệu giải một số bài toán cho phương trình và hệ phương trình vi phân phi tuyến nảy sinh trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ. Trong trường hợp định tính của bài toán chưa sẵn có cũng sẽ

thiết lập sự tồn tại và duy nhất nghiệm trước khi nghiên cứu phương pháp giải. Các bài toán nghiên cứu bao gồm: Phương trình vi phân cấp cao phi tuyến phát sinh từ cơ học và vật lý; Hệ phương trình vi phân phi tuyến (hệ động lực) phát sinh từ các lĩnh vực sinh học, dịch tễ, môi trường.

Số hồ sơ lưu: 17551

77370. 08-2021. **Phương pháp giải một số lớp bài toán cân bằng tách hai cấp và ứng dụng/** GS.TSKH. Lê Dũng Mưu, TS. Phan Tự Vượng; TS. Đặng Văn Hiếu; TS. Trần Đình Quốc; TS. Trần Việt Anh; TS. Lê Xuân Thanh; TS. Lê Hải Yến - Hà Nội - Viện Toán học và Khoa học ứng dụng, 2020 - 08/2018 - 02/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu những thuật toán mới và cải tiến những thuật toán đã có để thu được các thuật toán hiệu quả giải một vài lớp cân bằng tách hai cấp. Áp dụng các thuật toán thu được vào một số mô hình thực tế trong kinh tế và môi trường. Xây dựng các chương trình máy tính để thử nghiệm thuật toán nghiên cứu được và để giải một vài mô hình thực tế.

Số hồ sơ lưu: 17550

77620. 08-2021. **Nghiên cứu và phát triển các kĩ thuật giải bài toán hoạch định tuyến xe và các biến thể mới/** TS. Hà Minh Hoàng, PGS.TS. Nguyễn Xuân Hoài; TS. Đỗ Trung Kiên; TS. Bùi Quốc Trung; ThS. Phạm Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Minh Hải - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ, 2020 - 07/2017 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Giới thiệu tới cộng đồng OR các biến thể mới của VRP có nhiều ứng dụng trong thực tế là Vehicle Routing Problem with service level constraints, hierarchical vehicle routing with relaxed priority constraints, và các biến thể của bài toán với máy bay không người lái (drone). Thiết kế và phát triển các thuật toán để giải hiệu quả các biến thể này. Đóng góp cho các chuyên ngành các thuật toán tốt hơn các thuật toán cũ cho các biến thể cổ điển của VRP như Covering tour problem và một lớp rộng lớn các bài toán trong môi trường động.

Số hồ sơ lưu: 17647

### 10103. Thống kê

77481. 08-2021. **Một số phương pháp Xác suất trong Thống kê toán học/** PGS. TS. Hồ Đăng Phúc, TS. Nguyễn Văn Hạnh; TS. Bùi Quảng Nam; TS. Cán Văn Hào; ThS. Nguyễn Thanh Nga - Hà Nội - Viện Toán học, 2020 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thống kê toán học bằng cách áp dụng một số phương pháp xác suất như phương pháp phân bố xác suất ổn định và copula của vecto ngẫu nhiên ổn định, phương pháp phân tích sống sót, phương pháp mô hình dịch bệnh trên đồ thị ngẫu nhiên, phương pháp mô hình hỗn hợp bán tham số, từ đó xây dựng một số công cụ có tiềm năng giải quyết những vấn đề thực tế mang tính thời sự.

Số hồ sơ lưu: 17626

**10199. Toán học và thống kê khác**

77526. 08-2021. **Về Định lý cơ bản thứ hai của Lý thuyết Nevanlinna và Định lý không gian con Schmidt của Lý thuyết xấp xỉ Diophantus và các vấn đề liên quan.**/ PGS.TSKH. Trần Văn Tấn, TS. Vũ Văn Trường; TS. Nguyễn Thị Thu Hằng; TS. Bùi Khánh Trình - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2020 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cốt lõi của Lý thuyết Nevanlinna nằm ở hai định lý cơ bản, thứ nhất và thứ hai, nói về mối quan hệ giữa hàm đếm, hàm đặc trưng và hàm xấp xỉ. Định lý cơ bản thứ nhất cho ta một đẳng thức giữa hàm đặc trưng, hàm đếm và hàm xấp xỉ, và theo đó, đạt được một chặn dưới của hàm đặc trưng bởi hàm đếm. Ở chiều ngược lại của đánh giá, Định lý cơ bản thứ hai đưa ra một chặn trên cho hàm đặc trưng bởi tổng của các hàm đếm ứng với mỗi mục tiêu. Trong khi đẳng thức của Định lý cơ bản thứ nhất luôn đạt được do định nghĩa các khái niệm, thì Định lý cơ bản thứ hai mới chỉ được thiết lập trong không nhiều trường hợp. Chính vì lẽ đó, Lý thuyết Nevanlinna vẫn tiếp tục thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà toán học.

Số hồ sơ lưu: 17646

78308. 08-2021. **Hợp nhất mô hình mô phỏng kết cấu phân lớp có xét đến yếu tố vi mô/** PGS.TS. Nguyễn Xuân Hùng, TS. Thái Hoàng Chiên; TS. Ông Thanh Hải; TS. Hoàng Thị Thảo Phương; ThS. Nguyễn Duy Khương; KS. Châu Nguyễn Khánh; KS. Châu Nguyễn Khải - Hồ Chí Minh - Trường Đại học

Khoa học Tự nhiên, 2016 - 05/2015 - 05/2017. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và phát triển phương pháp giải tích đẳng hình học để hợp nhất mô hình và mô phỏng kết cấu phân lớp có xét đến yếu tố vi mô. Cơ sở lý thuyết dựa trên các mô hình cơ học liên tục hiệu chỉnh. Cơ sở hợp nhất mô hình hình học và phân tích dựa trên các hàm dạng B-Splines hoặc NURBS (Non Uniform Rational B-Splines). Mục tiêu là trang bị lời giải số có độ chính xác cao so với các công bố trước đây cho một lớp các bài toán có đặc trưng hình học cong và ứng xử cơ học phức tạp liên quan gián tiếp hoặc trực tiếp đến chiều dài nội (size effect) như: phá hủy dẻo, kết cấu không nén, ứng xử cơ học kết cấu tấm nhiều lớp, kết cấu tấm vật liệu có cơ tính biến đổi,...

Số hồ sơ lưu: 18009

**102. Khoa học máy tính và thông tin**

77285. 08-2021. **An toàn, bảo mật phần cứng: Phương pháp, công nghệ và ứng dụng/** PGS.TS. Hoàng Văn Phúc, ThS. Nguyễn Hữu Thọ; PGS.TS. Nguyễn Quốc Định; TS. Trịnh Quang Kiên; TS. Hoàng Minh Thiện; TS. Đỗ Thành Quân; TS. Vũ Hoàng Gia; TS. Nguyễn Văn Trung; TS. Nguyễn Ngọc Mai Khanh; TS. Ngô Xuân Thủy; GS.TS. Phạm Công Kha; GS.TS. Masimo Alioto; GS.TS. Sylvain Guilley; GS.TS. Kunihiro Asada; GS.TS. Kazuo Sakiyama; GS.TS. Koichiro Ishibashi - Hà Nội - Trường Đại học Kỹ thuật Lê Quý Đôn, 2019 - 08/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)



Nâng cao năng lực nghiên cứu trong nước về lĩnh vực an toàn, bảo mật phần cứng bằng thông qua chuyên gia tri thức về các phương pháp và công nghệ trong lĩnh vực này, đào tạo nhân lực chất lượng cao cho Việt Nam. Thực hiện hợp tác nghiên cứu tạo ra các sản phẩm khoa học công nghệ chất lượng cao, các giải pháp phù hợp với thực tiễn ứng dụng tại Việt Nam. Kết nối và xây dựng mạng lưới các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực an toàn, bảo mật phần cứng cũng như trong khoa học công nghệ nói chung. Ứng dụng có hiệu quả các giải pháp đề xuất vào thực tế tại Việt Nam, tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, góp phần vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Số hồ sơ lưu: 17515

77337. 08-2021. **Khung ngữ nghĩa hình thức cho kết hợp và kiểm chứng mô hình trong phát triển phần mềm/ PGS.TS. Nguyễn Việt Hà, PGS.TS. Phạm Ngọc Hùng; TS. Đặng Đức Hạnh; TS. Vũ Diệu Hương; TS. Võ Đình Hiếu; ThS. Chu Thị Minh Huệ - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ, 2020 - 05/2016 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xác định ngữ nghĩa cấu trúc và ngữ nghĩa thực thi cho mỗi DSML trong khung cảnh mô hình tham chiếu khái niệm mô hình hóa hướng khía cạnh (Aspect-Oriented Modeling - AOM). Xây dựng khung ngữ nghĩa tích hợp để kết hợp mô hình và dựa trên khung ngữ nghĩa như vậy, có thể lý giải và kiểm tra tính đúng đắn của hệ thống. Đề xuất một phương pháp hiệu quả cho kiểm chứng từng phần khung ngữ nghĩa hình thức nhằm giải

quyết bài toán bùng nổ không gian trạng thái. Cải tiến phương pháp kiểm chứng giả định, đảm bảo bằng cách chú trọng vào ngôn ngữ của các giả định nhằm xây dựng các giả định tối thiểu. Cài đặt bộ công cụ hỗ trợ kết hợp mô hình và kiểm chứng từng phần cho khung ngữ nghĩa hình thức nhằm minh chứng cho tính hiệu quả và khả năng áp dụng của các phương pháp đề xuất.

Số hồ sơ lưu: 17547

### 103. Vật lý

#### 10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học

73925. 08-2021. **Vật lý mới trong các mô hình bất đối xứng trái phải/ PGS. TS. Phùng Văn Đồng, TS. Nguyễn Thị Thúy; TS. Trần Đình Thám; ThS. Lê Đức Thiện; ThS. Nguyễn Chí Thảo; TS. Nguyễn Thị Kim Ngân - Hà Nội - Viện Vật lý, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu mô hình 3-N-M-1: Xây dựng mô hình và xác định các hệ quả về khối lượng neutrino, vật chất tối, lạm phát vũ trụ, bất đối xứng vật chất phản vật chất, các vật lý mới khác và so sánh thực nghiệm. Nghiên cứu mô hình 3-P-1-1: Xây dựng mô hình, xác định vật chất tối, khối lượng fermion và boson, tương tác, lạm phát vũ trụ, bất đối xứng số baryon, vật lý vị, quá trình vật lý mới và tín hiệu các hạt mới, so sánh với nghiên cứu trước và thực nghiệm. Nghiên cứu mô hình 3-3-1: Xây dựng mô hình, xác định các tương tác, đồng nhất hạt Higgs mô hình chuẩn, dòng trung hòa thay đổi số vị, trộn meson, rã meson, thực

nghiệm tìm kiếm vật lý mới và dàng buộc các tham số mô hình.

Số hồ sơ lưu: 16299

### 10302. Vật lý các chất cô đặc

72650. 08-2021. **Tổng hợp, nghiên cứu tính chất và khả năng quang xúc tác của vật liệu composite nền g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub> (g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub>/TiO<sub>2</sub>, g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub>/ZnO, g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub>/ZnWO<sub>4</sub>, g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub>/PbTiO<sub>3</sub>, ... )**/ PGS. TS. Đỗ Danh Bích, ThS. Lê Thị Mai Oanh; TS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Đào Việt Thắng - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo các mẫu g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub> bằng một số công nghệ chế tạo đơn giản khác nhau; chế tạo các mẫu composite trên nền g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub> (g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub>/TiO<sub>2</sub>, g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub>/ZnO, g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub>/ZnWO<sub>4</sub>, g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub>/PbTiO<sub>3</sub> ...) bằng một số phương pháp đơn giản như trùng hợp nhiệt, sol-gel. Nghiên cứu cấu trúc, hình thái bề mặt và đặc tính vật lý của các loại vật liệu chế tạo được, giải thích các hiệu ứng và hiện tượng vật lý xảy ra với các hệ mẫu. Nghiên cứu thử nghiệm hoạt động quang xúc tác của các vật liệu chế tạo được dưới tác dụng của ánh sáng khả kiến. Mối liên hệ giữa hoạt tính quang xúc tác của vật liệu với cấu trúc, điều kiện chế tạo cũng được nghiên cứu chi tiết trong đề tài này.

Số hồ sơ lưu: 15991

### 10306. Quang học

72649. 08-2021. **Nghiên cứu ảnh hưởng của pha tạp đến tính chất điện, quang và quang xúc tác**

**của vật liệu ilmenite titanate cấu trúc nano họ Ni<sub>1-x</sub>MxTiO<sub>3</sub> (M = Cu, Zn, Ag)/** TS. Lương Hữu Bắc, TS. Nguyễn Thanh Phương; TS. Nguyễn Anh Phúc Đức; ThS. Lê Viết Phương; ThS. Phạm Phi Hùng; ThS. Phí Văn Toàn - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2019 - 05/2016 - 01/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chế tạo và ảnh hưởng của pha tạp lên cấu trúc của vật liệu bột ilmenite titanates Ni<sub>1-x</sub>MxTiO<sub>3</sub> (M = Cu, Zn, Ag...) bằng phương pháp sol-gel. Nghiên cứu chế tạo màng mỏng vật liệu ilmenite titanates Ni<sub>1-x</sub>MxTiO<sub>3</sub> (M = Cu, Zn, Ag...) sử dụng phương pháp phun phủ nhiệt phân hỗ trợ siêu âm. Nghiên cứu ảnh hưởng của pha tạp lên tính chất điện, quang và quang xúc tác của bột và màng nano ilmenite titanates Ni<sub>1-x</sub>MxTiO<sub>3</sub> (M = Cu, Zn, Ag...) chế tạo được.

Số hồ sơ lưu: 15995

77042. 08-2021. **TiO<sub>2</sub> và ZnO đính Au cấu trúc nano ứng dụng cho quang xúc tác xử lý chất thải được chất và hữu cơ trong vùng tử ngoại khả kiến/** TS. Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, TS. Lê Hữu Phước; TS. Lê Vũ Tuấn Hùng; ThS. Nguyễn Thị Nhật Hằng; GS. TS. Jihperng Leu; PGS. TS. Nguyễn Trung Kiên; CN. Nguyễn Mạnh Quân; KS. Lê Trung Hiếu - Cần Thơ - Trường Đại học Y dược Cần Thơ, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo các hợp chất nano bán dẫn - nano kim loại, gồm: Au—TNAs, Au-TNWs/TNAs, Au- ZnO

NRs và Au-TiO<sub>2</sub> NPs cho các ứng dụng quang xúc tác hoạt động trong vùng UV-VIS. Nghiên cứu sự phân hủy của nhiều dược chất (kháng sinh) có nguy cơ cao và 1 chất thải hữu cơ trong môi trường nước nhờ vào quá trình quang xúc tác xử các vật liệu nano TiO<sub>2</sub>, Au-TiO<sub>2</sub> và AU-ZnO.

Số hồ sơ lưu: 17359

## 104. Hóa học

### 10401. Hoá hữu cơ

77555. 08-2021. **Nghiên cứu thành phần hóa học định hướng khả năng kháng khuẩn của một số loài thực vật chọn lọc ở Việt Nam/** TS. Lê Thị Hồng Nhung, TS.Nguyễn Tuấn Anh; PGS.TS.Thành Thị Thu Thủy; TS.Nguyễn Thị Thu Thủy; TS.Nguyễn Ngọc Thanh; ThS.Trịnh Thị Hải - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định tên khoa học, tạo tiêu bản và xây dựng cơ sở dữ liệu của 6 loài nghiên cứu ở các thời điểm, địa phương khác nhau. Tạo các dịch chiết bằng các dung môi có độ phân cực khác nhau; Đánh giá sàng lọc hoạt tính sinh học theo hướng hoạt tính kháng khuẩn. Sàng lọc sơ bộ thành phần hóa học bằng sắc ký lớp mỏng (TLC). Phân lập các chất từ những loài có thành phần hóa học phong phú và dịch chiết có hoạt tính sinh học cao bằng các phương pháp sắc ký cột với các chất hấp phụ và dung môi thích hợp. Xác định cấu trúc hóa học của các hợp chất sạch phân lập được bằng các phương pháp phổ hiện đại (UV, FT-IR, MS, NMR, CD). Đánh giá hoạt tính sinh học của

các chất sạch theo hướng hoạt tính kháng khuẩn.

Số hồ sơ lưu: 17678

### 10402. Hoá vô cơ và hạt nhân

76855. 08-2021. **Chế tạo, nghiên cứu các tính chất hóa lí của vật liệu tổ hợp carbon - hợp kim vàng-bạc kích thước nano mét, định hướng ứng dụng trong quang xúc tác và xúc tác/** TS. Vũ Đức Chính, TS. Nguyễn Văn Chúc; TS. Vũ Thị Hồng Hạnh; ThS. Phạm Nam Thắng; ThS. Nguyễn Hải Yến; ThS. Nguyễn Quốc Trung - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2020 - 04/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo vật liệu tổ hợp carbon - hợp kim vàng-bạc lên hai loại vật liệu TiO<sub>2</sub> và TiO<sub>2</sub>-SiO<sub>2</sub>. Thử nghiệm tăng cường hoạt tính xúc tác chuyển hóa khí CO của vật liệu tổ hợp carbon - hợp kim vàng-bạc lên vật liệu NiFe<sub>2</sub>O<sub>4</sub> và TiO<sub>2</sub>-SiO<sub>2</sub>.

Số hồ sơ lưu: 17339

### 10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)

77556. 08-2021. **Nghiên cứu và phát triển pin sạc Na-ion: Vật liệu điện cực mới và các hệ điện giải tương thích/** PGS. TS. Lê Mỹ Loan Phụng, PGS.TS.Trần Văn Mẫn; TS.Huỳnh Lê Thanh Nguyên; TS.Nguyễn Thị Thu Trang; ThS.Nguyễn Văn Hoàng; ThS.Võ Duy Thanh; ThS.Huỳnh Thị Kim Tuyên - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên-TP.Hồ Chí Minh, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)



Nghiên cứu tổng hợp và đánh giá cấu trúc, thành phần và tính chất điện hóa của vật liệu điện cực dương mới có cấu trúc dạng lớp cho pin sạc Na-ion. Tổng hợp và khảo sát tính chất hóa lý điện hóa của chất lỏng ion nhóm imidazolium và pyrrolidinium với anion là anion bis (trifluoromethanesulfonyl) imidelàm hệ điện giải cho pin sạc Na-ion. Khảo sát các tính chất điện hóa (dung lượng, tuổi thọ của pin, điện trở) của hệ pin hoàn chỉnh với vật liệu điện cực tổng hợp và chất điện giải sử dụng chất lỏng ion. Tìm hiểu các hiện tượng diễn ra trên bề mặt liên diện bề mặt - chất điện giải.

Số hồ sơ lưu: 17672

## **105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan**

### **10501. Địa chất học**

77044. 08-2021. **Nghiên cứu diễn biến và dự báo xu thế biến động các địa hệ khu vực ven biển từ cửa Ba Lạt đến cửa Đáy từ Holocen đến nay/ GS. TS. Trần Nghi, PGS. TS. Đinh Xuân Thành; GS. TS. Trần Đức Thạnh; PGS. TS. Doãn Đình Lâm; PGS. TS. Bùi Xuân Thông; PGS. TS. Cao Đình Triều; GS. TS. Nguyễn Khanh Vân; TS. Vũ Quang Lân; TS. Nguyễn Đình Thái; TS. Trần Thị Thanh Nhân - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 11/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu lịch sử phát triển địa hình – địa mạo khu vực đới bờ cửa Ba Lạt, cửa Đáy qua các giai đoạn. Đặc điểm thủy - thạch động lực hiện đại vùng châu thổ ngập nước từ cửa Ba

Lạt đến cửa Đáy. Hoạt động kiến tạo, địa động lực Holocen – Hiện đại khu vực cửa Ba Lạt-cửa Đáy ảnh hưởng đến biến động các địa hệ trong Holocen. Cấu trúc địa chất trầm tích và chính xác hóa địa tầng Holocen trên đất liền và phần ngập nước trong Holocen khu vực từ cửa Ba Lạt đến cửa Đáy. Địa tầng phân tập phân giải cao (High-Resolution sequence stratigraphy) trong mối quan hệ với sự thay đổi mực nước biển tương đối. Đặc điểm thạch học, tướng đá – cổ địa lý và tiến hóa trầm tích Holocen khu vực cửa sông Ba Lạt-cửa Đáy trong mối quan hệ với sự thay đổi mực nước biển. Biến động đường bờ và biến động các hệ sinh thái khu vực cửa sông Ba Lạt Cửa Đáy từ 11000 năm BP đến nay. Các dạng tai biến thiên nhiên, nhân sinh và hiện trạng môi trường và tài nguyên vùng cửa sông ven biển cửa Ba Lạt – cửa Đáy. Xu thế và nguyên nhân biến động các địa hệ, đề xuất các giải pháp khai thác tài nguyên, quản lý tổng hợp đới bờ và giảm thiểu tai biến theo hướng phát triển bền vững. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chuẩn Arc GIS phục vụ quản lý, khai thác dữ liệu đề tài.

Số hồ sơ lưu: 17341

### **10509. Các khoa học môi trường**

76910. 08-2021. **Nghiên cứu khả năng tích lũy sinh học của hydrocacbon thơm đa vòng (PAHs) ở khu vực ven biển phía nam Việt Nam/ PGS. TS. Hoàng Thị Thanh Thủy, TS. Phạm Thanh Lưu; ThS. Từ Thị Cẩm Loan; ThS. Trịnh Hồng Phương; ThS. Nguyễn Trọng Khanh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học**

Tài nguyên và Môi trường TP. HCM, 2020 - 04/2017 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thực địa nhằm đánh giá hiện trạng ô nhiễm PAHs ở khu vực nghiên cứu từ đó xác định được hàm lượng PAHs trong nước/trầm tích biển và sinh vật biển. Cụ thể ba nhóm sinh vật biển đã được thu thập ở khu vực nghiên cứu là hào (Crassostrea sp., hào tự nhiên và ở các ao nuôi), vẹm xanh (Perna viridis) và ốc (Cymatium sp.). Nghiên cứu cơ bản quá trình tích lũy sinh học của PAHs bằng các mô hình trong phòng thí nghiệm để xác định được cơ chế tích lũy/đào thải của PAHs trong nghêu.

Số hồ sơ lưu: 17365

77036. 08-2021. **Nghiên cứu sử dụng chỉ số ICEP đánh giá tải lượng chất dinh dưỡng (Nito, Photpho và Silic) khu vực cửa sông và ven biển phục vụ quản lý môi trường/** TS. Lưu Thị Nguyệt Minh, TS. Trịnh Anh Đức; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh; ThS. Nguyễn Thị Hương Giang; ThS. Nguyễn Thị Vân - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2020 - 03/2015 - 03/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của chế độ thủy văn và chu trình dinh dưỡng trên hệ thống sông Đáy tới sự thay đổi về tải lượng dinh dưỡng ra đến khu vực cửa sông và ven biển. Đánh giá sự truyền tải các chất dinh dưỡng (N, P, Si) trong một lưu vực sông nhiệt đới bị ảnh hưởng chất thải sinh hoạt và công, nông nghiệp. Đánh giá các vấn đề phú dưỡng ven

biển thông qua chỉ số ICEP. Phát triển/hoàn thiện mô hình Seneque/Riverstrahler áp dụng cho lưu vực sông Đáy và mô phỏng các kịch bản trong tương lai, từ đó đưa ra được các kiến nghị cần thiết.

Số hồ sơ lưu: 17361

77567. 08-2021. **Nghiên cứu sự biến động trạng thái ứng suất kiến tạo và mối quan hệ với động đất kích thích nhằm dự báo các vùng có khả năng phát sinh động đất ở khu vực thủy điện Sông Tranh 2, tỉnh Quảng Nam/** ThS. Lương Thị Thu Hoài, TS. Phạm Nguyễn Hà Vũ; ThS. Hoàng Thị Phương Thảo; ThS. Vũ Thị Hương - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 01/2018 - 01/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cấu trúc-kiến tạo trên thực địa kết hợp với tính toán, khôi phục các trạng thái ứng suất kiến tạo của khu vực nghiên cứu, phân bố trường ứng suất kiến tạo của vùng nghiên cứu, đề tài đã đạt được các kết quả nghiên cứu như mục tiêu đã đề ra: Xác định được 04 pha hoạt động kiến tạo trượt bằng trong Cenozoi ở khu vực nghiên cứu. Phân bố ứng suất kiến tạo ở khu vực hồ thủy điện Sông Tranh 2. Mối quan hệ giữa sự tái hoạt động của các đứt gãy phương á vĩ tuyến và các đứt gãy nhánh của chúng trong giai đoạn Miocen muộn-hiện đại và phân bố chấn tâm động đất kích thích ở khu vực hồ thủy điện Sông Tranh 2. Phân vùng dự báo khu vực có khả năng phát sinh động đất kích thích tỷ lệ 1/50.000 khu vực thủy điện Sông Tranh 2.

Số hồ sơ lưu: 17632

**10511. Khí hậu học**

77579. 08-2021. **Nghiên cứu lượng giá thiệt hại kinh tế do các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan gây ra trong bối cảnh biến đổi khí hậu và đề xuất các giải pháp quản lý rủi ro cho các tỉnh ven biển Miền Trung Việt Nam/ GS. TS. Trần Thọ Đạt, PGS.TS.Đình Đức Trường; PGS.TS.Bùi Đức Thọ; TS.Hà Thị Thanh Thủy; TS.Nguyễn Diệu Hằng; ThS.Trần Thị Lan Hương; PGS.TS.Ngô Thị Phương Thảo; TS.Vũ Văn Doanh; PGS.TS.Phạm Thị Thanh Thùy; ThS.Trần Thị Lan Phương; PGS.TS.Nguyễn Mạnh Toàn; PGS.TS.Vũ Thị Hoài Thu; ThS.Đào Hương Giang; PGS.TS.Nguyễn Đình Thọ; TS.Lưu Việt Dũng; TS.Mai Văn Khiêm - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2020 - 07/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu cơ sở khoa học về lượng giá thiệt hại do các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan gây ra với kinh tế; Tổng thuật các mô hình lượng giá thiệt hại kinh tế do các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan, đánh giá sự thích hợp và khả năng đáp ứng của việc áp dụng mô hình lựa chọn cho Việt Nam trong bối cảnh gia tăng các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan dưới tác động của biến đổi khí hậu; Lượng giá thiệt hại kinh tế gây ra của một số hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan điển hình tại các tỉnh ven biển miền Trung (từ Hà Tĩnh tới Phú Yên) trong giai đoạn 2005- 2016; Đề xuất các chính sách về lồng ghép quản lý rủi ro do khí hậu cực đoan gây ra vào

kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia/ngành/địa phương.

Số hồ sơ lưu: 17687

**106. Sinh học****10603. Vi sinh vật học**

77039. 08-2021. **Nghiên cứu thành phần hóa học tinh dầu của các loài trong chi gừng (Zingiber) thuộc họ gừng (Zingiberaceae) ở Bắc Trung Bộ/ TS. Lê Thị Hương, TS. Đào Thị Minh Châu; PGS. TS. Phạm Hồng Ban; PGS. TS. Ngô Xuân Lương; TS. Nguyễn Việt Hùng; ThS. Lê Duy Linh; ThS. Trịnh Thị Hương - Nghệ An - Trường Đại học Vinh, 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xác định được thành phần loài và giá trị sử dụng của các loài trong chi gừng (Zingiber) ở khu vực Bắc Trung Bộ. Xác định được hàm lượng và thành phần hóa học tinh dầu ở các bộ phận khác nhau của các loài trong chi gừng phân bố ở Bắc Trung Bộ. Xác định được hoạt tính sinh học (khả năng kháng vi sinh vật kiểm định) của tinh dầu ở một số mẫu trong chi gừng phân bố ở Bắc Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 17355

**10605. Hoá sinh; phương pháp nghiên cứu hoá sinh**

76911. 08-2021. **Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính ức chế quá trình tổng hợp hắc tố của loài ô dước (Lindera myrrha)/ TS. Nguyễn Hoàng Dũng, TS. Mai Ngọc Lân; TS. Nguyễn Hữu Hùng; TS. Lê Văn Minh; ThS. Lê Quỳnh Loan; ThS. Nguyễn Lương Hiếu Hòa - TP.**

Hồ Chí Minh - Viện sinh học Nhiệt đới, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu nhận cao tổng methanol và cao phân đoạn của rễ cây ô dước. Cô lập, thu nhận các đơn chất từ các phân đoạn cao tiềm năng, kiểm tra khả năng ức chế melanin của các đơn chất này. Xác định cấu trúc hóa học của các chất tiềm năng. Xác định cơ chế tác động của các chất tiềm năng lên quá trình tổng hợp hắc tố.

Số hồ sơ lưu: 17366

### 10606. Sinh học phân tử

77475. 08-2021. **Thu nhận phân đoạn peptide có hoạt tính sinh học từ con ruồi (*Acetes japonicus*)**/ TS. Võ Đình Lệ Tâm, GS. TS. Lê Văn Việt Mẫn; TS. Huỳnh Ngọc Oanh; ThS. Nguyễn Thị Hương Thảo - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định được các hoạt tính sinh học của dịch thủy phân protein từ con ruồi khô Từ đó chọn ra được một hoạt tính tiềm năng nhất, tối ưu hóa được điều kiện thủy phân để thu dịch thủy phân có hoạt tính sinh học tiềm năng này. Tách phân đoạn được những phân đoạn peptide có kích thước khác nhau từ dịch thủy phân có hoạt tính sinh học được chọn ở trên và xác định được hoạt tính sinh học này của từng phân đoạn. Chọn được phân đoạn peptide có hoạt tính cao nhất, tiếp tục tinh sạch và giải được trình tự amino acid của phân đoạn peptide này.

Số hồ sơ lưu: 17612

77509. 08-2021. **Sử dụng phương pháp hình thái và sinh học phân tử để giám định rệp sáp vảy cứng [Hemiptera: Sternorrhyncha: Diaspididae] và kẻ thù tự nhiên của chúng trên cây ăn quả ở Việt Nam/** TS. Đào Thị Hằng, TS. Nguyễn Văn Liêm; TS. Lê Đức Khánh; ThS. Nguyễn Thị Hoa; KS. Nguyễn Đức Việt - Hà Nội - Viện Bảo vệ thực vật, 2020 - 02/2015 - 02/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Giám định các loài rệp sáp vảy trên cây ăn quả chính ở Đồng bằng Bắc Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ (Bình Thuận) và Đồng Bằng sông Cửu Long; Xác định các loài kẻ thù tự nhiên của các loài rệp sáp vảy trên cây ăn quả (ăn thịt, ký sinh, vi sinh vật ký sinh); Xây dựng danh lục các loài rệp sáp vảy trên cây ăn quả chính ở Đồng bằng Bắc Bộ, Nam Trung Bộ (Bình Thuận) và Đồng Bằng sông Cửu Long; Có được trình tự gen của các loài rệp sáp vảy và kẻ thù tự nhiên của chúng trên cây ăn quả chính ở Đồng bằng Bắc Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ (Bình Thuận) và Đồng Bằng sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 17638

### 10615. Đa dạng sinh học

76857. 08-2021. **Nghiên cứu bảo tồn, phục hồi đa dạng sinh học các hệ sinh thái trên cạn và dưới nước tại khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.**/ TS. Hoàng Minh Đức, TS. Vũ Ngọc Long; ThS. Trần Văn Bằng; ThS. Nguyễn Xuân Hòa; TS. Nguyễn Xuân Vy; ThS. Nguyễn Phi Uy Vũ;



KS. Hứa Thái Tuyền; TS. Lê Bửu Thạch; PGS. TS. Võ Văn Minh; TS. Hà Thăng Long - TP. Hồ Chí Minh - Viện Sinh thái học miền Nam, 2019 - 12/2015 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá một cách hệ thống đa dạng các hệ sinh thái và phần lớn các nhóm loài động thực vật trên cạn và dưới biển. Xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học làm nền tảng cho các hoạt động quản lý bảo tồn. Triển khai thí điểm mô hình phục hồi và quản lý rạn san hô trên diện tích 2.000m<sup>2</sup> ; mô hình phục hồi và quản lý thảm cỏ biển trên diện tích 2.000m<sup>2</sup>. Tập huấn cho 15 ngư dân và nhân viên của doanh nghiệp và cơ quan liên quan nắm vững các phương pháp và kỹ thuật phục hồi hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển. Xây dựng quy chế quản lý các mô hình phục hồi rạn san hô, thảm cỏ biển và duy trì bền vững cho mục đích bảo tồn và sử dụng hợp lý; mô hình phục hồi hệ sinh thái rừng ở những khu vực đang bị suy thoái, quy mô 02 ha; mô hình phục hồi sinh cảnh nhằm bảo tồn loài chà vá chân nâu quy mô 1 ha. Chuyển giao kỹ thuật phục hồi rạn san hô, thảm cỏ biển và phục hồi rừng cho địa phương.

Số hồ sơ lưu: 17340

77038. 08-2021. **Nghiên cứu khu hệ và bảo tồn đa dạng sinh học ve sầu (Hemiptera: Cicadidae) ở Việt Nam/** PGS. TS. Phạm Hồng Thái, PGS. TS. Bùi Minh Hồng; PGS. TS. Vũ Văn Liên; ThS. Trần Thị Mến; ThS. Nguyễn Thị Mẫn; ThS. Lê Quỳnh Trang; ThS. Nguyễn Thị Huyền; ThS. Lưu Hoàng Yến - Hà Nội - Bảo tàng Thiên nhiên Việt

Nam, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thành thống kê phân loại học các loài ve sầu họ Cicadidae của Việt Nam dựa vào những mẫu vật đã được thu thập từ trước và những mẫu vật thu thập được từ các đợt nghiên cứu thực địa thuộc khuôn khổ đề tài nghiên cứu. Cung cấp tên danh lục gồm: tên khoa học, tên đồng danh, phân bố, mô tả đầy đủ các loài ve sầu đã ghi nhận ở Việt Nam theo hệ thống phân loại mới nhất. Đưa ra khóa định tới cấp giống và loài của các loài ve sầu họ Cicadidae của Việt Nam. Cung cấp bản đồ phân bố của tất cả các loài ve sầu của Việt Nam. Chỉ rõ các khu vực có sự đặc hữu cao. Cung cấp dữ liệu về phân loại học nhằm xây dựng kế hoạch và chiến lược bảo tồn đa dạng sinh học. Bộ mẫu ve sầu (1000 mẫu) dùng trong nghiên cứu hình thái học và 300 mẫu dùng trong nghiên cứu tiếp theo về sinh học phân tử.

Số hồ sơ lưu: 17360

### **10616. Công nghệ sinh học**

77031. 08-2021. **Nghiên cứu sản xuất pyruvate từ vi khuẩn Halomonas với nguồn carbon từ rong biển Ulva của Việt Nam/** TS. Hoàng Thị Lan Anh, GS. TS. Đặng Diễm Hồng; TS. Hoàng Thị Minh Hiền; TS. Ngô Thị Hoài Thu; TS. Lưu Thị Tâm; ThS.L ê Thị Thơm; ThS. Nguyễn Cẩm Hà - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân lập và sàng lọc các chủng vi khuẩn thuộc chi Halomonas từ một số vùng biển hoặc rừng ngập mặn của

Việt Nam có khả năng sản xuất pyruvate ngoại bào; Định tên khoa học của chủng *Halomonas* sp. tiềm năng lựa chọn dựa trên đặc điểm hình thái, đọc và so sánh trình tự đoạn gen 16S rRNA; Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học của chủng *Halomonas* sp. tiềm năng lựa chọn; Ảnh hưởng của một số điều kiện nuôi cấy lên khả năng sản xuất pyruvate của chủng tiềm năng; Khả năng tổng hợp pyruvate của chủng *Halomonas* sp. tiềm năng ở cấp độ bình tam giác với nguồn carbon là glucose; Thu thập và sàng lọc một số loài rong biển thuộc chi *Ulva* tiềm năng làm nguồn carbon cho nuôi cấy *Halomonas* sp. từ vùng biển Việt Nam; Nghiên cứu điều kiện đường hóa sinh khối rong *Ulva* tạo hỗn hợp monosacc-haride đạt sản lượng cao;. Đánh giá khả năng sinh trưởng và tổng hợp pyruvate ngoại bào của chủng tiềm năng khi sử dụng hỗn hợp monosacc-haride từ rong *Ulva* sp.

Số hồ sơ lưu: 17354

77485. 08-2021. **Phát triển vector biểu hiện sáp nhập vào bộ gene cảm ứng bằng IPTG và vector biểu hiện không cảm ứng dựa trên promoter Pgrac cho *Bacillus subtilis***/ PGS. TS. Phan Thị Phượng Trang, PGS. TS. Nguyễn Đức Hoàng; GS. TS. Trần Linh Thước; GS. TS. Wolfgang Schumann; ThS. Trương Thị Tinh Tươi; ThS. Trần Thị Minh Định; ThS. Chu Thị Bích Phượng; ThS. Nguyễn Thị Châu Duyên; CN. Huỳnh Tân; ThS. Huỳnh Thị Kim Phương; ThS. Lê Dương Vương; ThS. Đặng Thị Kim Ngân; ThS. Nguyễn Minh Trí; ThS. Ngô Khắc

Huy - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Khoa học và Công nghệ Sinh học, 2020 - 05/2016 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu là tạo các nhóm vector biểu hiện mới cho *B. subtilis* dựa trên họ promoter Pgrac và Pspac. Phát triển ba nhóm vector (i) vector biểu hiện sáp nhập cảm ứng bằng IPTG, (ii) plasmid biểu hiện không cảm ứng và (iii) vector biểu hiện sáp nhập không cảm ứng. Các plasmid biểu hiện không cảm ứng và vector biểu hiện sáp nhập cảm ứng và không cảm ứng cho phép kiểm soát sự biểu hiện protein ở *E. coli* (giúp dòng hóa dễ dàng) và biểu hiện các protein trong *B. subtilis* mà không cần sử dụng chất cảm ứng.

Số hồ sơ lưu: 17636

## 2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

### 201. Kỹ thuật dân dụng

#### 20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

76768. 08-2021. **Nghiên cứu thực nghiệm đánh giá hiệu quả và các tác động khác của vạch sơn gờ giảm tốc độ trên các tuyến đường bộ ở Việt Nam/** TS. Đỗ Duy Đình, ThS. Thái Hồng Nam; PGS. TS. Vũ Hoài Nam; TS. Nguyễn Việt Phương; TS. Nguyễn Đức Nghiêm; ThS. Đinh Xuân Hoàn; ThS. Lê Hoàng Sơn; KS. Nguyễn Văn Hùng; KS. Trần Văn Quang - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiệu quả về mặt giảm tốc độ đối với giải pháp bố trí vạch sơn gờ giảm tốc độ trên đường bộ. Đánh giá các tác động khác của vạch

son gờ giảm tốc độ bao gồm: tiếng ồn, mức độ khó khăn khi điều khiển xe (đối với xe hai bánh), và tiện nghi đối với người lái và hành khách. Thực nghiệm và đưa ra một số mẫu bố trí vạch sơn giảm tốc độ có hiệu quả trong việc giảm tốc độ xe chạy đồng thời giảm thiểu các tác dụng bất lợi về mặt tiếng ồn và tiện nghi đối với người tham gia giao thông.

Số hồ sơ lưu: 17321

77316. 08-2021. **Nghiên cứu dự báo nguy cơ tai biến trượt lở mái dốc dọc các tuyến giao thông trọng điểm miền núi tỉnh Quảng Nam và đề xuất giải pháp ứng phó/** PGS.TS. Đỗ Minh Đức, PGS.TSKH. Trần Mạnh Liễu; PGS.TS. Trần Quốc Bình; PGS.TS. Vũ Thanh Hằng; TS. Phạm Văn Hùng; ThS. Huỳnh Đăng Vinh; PGS.TS. Trần Đức Tân; ThS. Giản Quốc Anh; ThS. Đỗ Minh Ngọc; ThS. Đào Minh Đức - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 09/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiện trạng, nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển trượt lở ở các tuyến đường miền núi tỉnh Quảng Nam. Phân tích ổn định mái dốc, phân vùng dự báo nguy cơ trượt lở và dự báo theo thời gian tai biến trượt lở. Nghiên cứu các giải pháp phòng chống trượt lở phù hợp với điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Nam. Đánh giá khả năng áp dụng các giải pháp ứng phó trượt lở cho các vùng có điều kiện tương tự và truyền thông nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tai biến.

Số hồ sơ lưu: 17529

78345. 08-2021. **Nghiên cứu ảnh hưởng của điều kiện địa hình, địa chất, lượng mưa đối với sự ổn định mái dốc trên đường ô tô đang khai thác và đề xuất giải pháp xử lý/** ThS. Nguyễn Trung Thêm, PGS.TS. Nguyễn Hữu Trí; TS. Lê Hồng Lượng; ThS. Huỳnh Thanh Bình; KS. Nguyễn Thành Trung; KS. Vũ Văn Hưng; KS. Mai Chí Hiền; KS. Nguyễn Đình Cử; KS. Bùi Tiến Mạnh; KS. Lê Văn Hiếu - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, 2020 - 03/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích đánh giá tổng quan về nghiên cứu, xử lý sụt trượt ở Việt Nam và các nước trên thế giới. Nghiên cứu tổng hợp điều tra, khảo sát đánh giá các hiện tượng sụt trượt dọc các tuyến đường ô tô đang khai thác, xây dựng sơ đồ vị trí các điểm sụt trượt dọc một số tuyến đường ô tô đang khai thác và kiến nghị đề xuất lựa chọn đoạn tuyến điển hình để nghiên cứu đánh giá. Nghiên cứu xây dựng dự thảo hướng dẫn các nội dung cần theo dõi, cập nhật về điều kiện địa hình, địa chất, lượng mưa trên đường ô tô và quy trình đánh giá phân loại mức độ ổn định mái dốc dọc tuyến đường ô tô đang khai thác. Đề xuất các giải pháp xử lý phòng, chống sụt trượt mái dốc đảm bảo hiệu quả trên đường ô tô đang khai thác.

Số hồ sơ lưu: 18028

### **20105. Kỹ thuật thủy lợi**

76946. 08-2021. **Tiếp thu công nghệ tính toán mưa, lũ lớn cho các lưu vực sông liên quốc gia trong**

**điều kiện hạn chế hoặc không có dữ liệu đo đạc - Áp dụng thử nghiệm cho lưu vực sông Đà - Thao (bao gồm cả phần lưu vực thuộc lãnh thổ Trung Quốc)/** PGS. TS. Hồ Việt Cường, GS. TS. M.Levent Kavvas; GS. TS. Ercan Ali; TS. Trịnh Quang Toàn; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Nhân; ThS. Trần Văn Bách; ThS. Ngô Thị Minh Nguyệt; CN. Ngô Thị Tâm - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về động lực sông biển, 2019 - 08/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp thu và làm chủ được công nghệ tính toán mô phỏng mưa - lũ lớn cho các lưu vực sông liên quốc gia trong điều kiện hạn chế hoặc không có dữ liệu đo đạc. Góp phần nâng cao năng lực tính toán, dự báo khí tượng thủy văn phục vụ công tác phòng chống thiên tai của Việt Nam. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tính toán thử nghiệm cho một lưu vực sông liên quốc gia của Việt Nam. Góp phần đào tạo nguồn nhân lực chuyên gia và tăng cường năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học về vấn đề mưa - lũ lớn của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17369

**77480. 08-2021. Nghiên cứu áp dụng phương pháp trọng số để đánh giá mức độ công bằng và hợp lý trong việc sử dụng nguồn nước liên quốc gia phục vụ triển khai Công ước về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho mục đích phi giao thông thủy, áp dụng thí điểm cho lưu vực sông Sê San/** ThS. Trần Thị Thu Hằng, TS. Đặng Lan Hương; TS. Đặng Đình Phúc; TS. Hoàng Văn Hoan; ThS. Nguyễn

Hồng Hiếu; ThS. Trương Mai Hoa; ThS. Vũ Hải Ninh; ThS. Trương Quảng Đại; KS. Nguyễn Hoài An; CN. Trần Hồng Hạnh - Hà Nội - Cục Quản lý Tài nguyên nước, 2019 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng dự thảo hướng dẫn ứng dụng phương pháp trọng số để đánh giá mức độ công bằng và hợp lý trong việc sử dụng nguồn nước liên quốc gia phục vụ triển khai Công ước về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho mục đích phi giao thông thủy. Áp dụng phương pháp trọng số đánh giá mức độ công bằng, hợp lý trong việc sử dụng nguồn nước trên LVS Sê San. Đánh giá mức độ công bằng, hợp lý và đưa ra phạm vi để đánh giá mức độ công bằng, hợp lý thông qua tỉ lệ phần trăm (dưới 30%, từ 30% đến 70% và trên 70%) của phương pháp trọng số.

Số hồ sơ lưu: 17628

**77622. 08-2021. Nghiên cứu đề xuất kết cấu mới dạng khung và bản bê tông cốt thanh FRP lắp ghép để xây dựng đê lấn biển/** TS. Trần Long Giang, TS. Nguyễn Thị Diễm Chi; ThS. Phạm Tuấn Hiệp; ThS. Phạm Thị Nga; KS. Nguyễn Văn Tuyên - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2020 - 04/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu và đề xuất kết cấu mới dạng khung và bản bê tông cốt thanh FRP lắp ghép để xây dựng đê lấn biển sẽ tận dụng được ưu điểm chống ăn mòn tốt trong môi trường nước biển, khả năng chịu kéo cao của vật liệu composite polyme. Ứng dụng xây dựng kết cấu mới dạng khung và



bản bê tông cốt thanh FRP lắp ghép để xây dựng đê lấn biển là một hướng đi hoàn toàn mới và là giải pháp có ý nghĩa cao cả về các mặt kỹ thuật, kinh tế, xã hội, vừa mang lại hiệu quả cao với chi phí xây dựng thấp, vừa góp phần bảo vệ môi trường.

Số hồ sơ lưu: 17683

78430. 08-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nước, đảm bảo an toàn công trình đầu mối và hạ du hồ Dầu Tiếng trong điều kiện khí hậu, thời tiết cực đoan/** PGS.TS. Đinh Công Sản, TS.Nguyễn Duy Khang; TS.Bảo Thanh; GS.TS.Tăng Đức Thắng; PGS.TS.Trần Bá Hoàng; GS.TS.Trần Thị Thanh; PGS.TS.Tô Văn Thanh; ThS.Nguyễn Văn Hoàng; PGS.TS.Nguyễn Thanh Hải; ThS.Lê Thanh Chương; ThS.Nguyễn Tuấn Long; KS.Hoàng Quốc Tuấn; ThS.Nguyễn Bình Dương; ThS.Nguyễn Văn Lan; ThS.Lê Thị Minh Nguyệt; ThS.Lê Xuân Tú; KS.Phạm Văn Hiệp; ThS.Trần Tuấn Anh; KS.Nguyễn Đức Hùng; KS.Nguyễn Công Phong; ThS.Lê Thị Phương Thanh; TS.Nguyễn Nguyệt Minh; ThS.Trần Thị Trâm; KS.Trần Thùy Linh; ThS.Lê Thị Hiền; KS.Lương Thanh Tùng; KS.Mai Hoàn Thành; KS.Đỗ Văn Dương; CN.Nguyễn Thị Bình - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2019 - 11/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng cấp nước, an toàn công trình đầu mối hồ và hạ du công trình Dầu Tiếng sau hơn 30 năm vận hành, đặc biệt những năm lũ,

hạn cực đoan; Đề xuất phương án cấp nước hiệu quả cho các đối tượng dung nước (khu vực Tp. HCM, Đồng Nai, Bình Dương...) vào các năm có điều kiện khí tượng thủy văn bất lợi như khan hiếm nước, mặn xâm nhập sâu; Đề xuất giải pháp giải quyết mâu thuẫn giữa bảo đảm an toàn cụm công trình đầu mối, hạ du công trình, ngập lụt Tp. HCM và các vùng lân cận khi có lũ cực đoan.

Số hồ sơ lưu: 18023

### **20106. Kỹ thuật địa chất công trình**

77528. 08-2021. **Nghiên cứu xây dựng quy định các nội dung thể hiện trên bản đồ hiện trạng môi trường biển các tỷ lệ từ 1/200.000 đến 1/10.000/** ThS. Trần Thế Anh, ThS. Nguyễn Thị Thúy; ThS. Mai Kiên Định; ThS. Phạm Minh Dương; ThS. Trần Thị Liên; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn; PGS.TS. Trần Văn Thụy; PGS.TS. Vũ Hoàng Hoa; PGS.TS. Đỗ Văn Bình - Hà Nội - Viện Nghiên cứu biển và hải đảo, 2020 - 12/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp nội dung liên quan đến bản đồ hiện trạng môi trường biển một số khu vực, quốc gia trên thế giới và tại Việt Nam, từ đó làm cơ sở cho việc xây dựng bản dự thảo về quy định thành lập bản đồ hiện trạng môi trường biển trong đó tập trung vào quy định các nội dung và cách thức thể hiện bản đồ hiện trạng môi trường biển. Bản dự thảo đã được chỉnh sửa sau khi áp dụng thử nghiệm trong công tác xây dựng các bản đồ đánh giá hiện trạng môi trường cho khu vực biển Vịnh Hạ Long. Bản dự thảo được xây dựng sẽ là cơ sở để từ đó

hoàn thiện và ban hành quy định về các nội dung và cách thức thể hiện phục vụ công tác xây dựng bản đồ về hiện trạng môi trường biển. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả nghiên cứu, đề tài cũng đưa ra các đề xuất, kiến nghị liên quan đến công tác quản lý giám sát môi trường biển.

Số hồ sơ lưu: 17653

78316. 08-2021. **Ứng dụng đo cao vệ tinh nghiên cứu cấu trúc Địa chất và các đặc trưng hải dương học khu vực quần đảo Hoàng Sa và lân cận/** TS. Trần Tuấn Dũng, ThS. Vũ Hải Đăng; TS. Nguyễn Bá Đại; ThS. Ngô Thị Bích Trâm; TS. Trần Trọng Lập; TS. Nguyễn Kim Dũng; ThS. Mai Đức Đông; ThS. Nguyễn Văn Tinh; KS. Trần Xuân Lợi; KS. Trần Tuấn Dương; ThS. Vũ Lê Phương; ThS. Nguyễn Thị Nhân; KS. Nguyễn Văn Điệp; TS. Trần Văn Khá; TS. Vũ Thu Anh; ThS. Phạm Thu Hiền; TS. Nguyễn Ngọc Tiến; CN. Nguyễn Thị Bích Ngọc; CN. Phạm Hồng Cường; CN. Nguyễn Thị Thu Hương; KS. Nguyễn Đức Anh; ThS. Trần Hoàng Yên; ThS. Lê Đình Nam; TS. Nguyễn Trung Thành; TS. Nguyễn Tiên Hải; ThS. Nguyễn Quang Minh; ThS. Ngô Bích Hương; TS. Nguyễn Thế Luân; CN. Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS. Đỗ Ngọc Thực; ThS. Phạm Thị Lan Hương; ThS. Nguyễn Thùy Linh; ThS. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt; CN. Nguyễn Thị Gấm - Hà Nội - Viện Địa chất và Địa vật lý biển, 2020 - 11/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng đo cao vệ tinh bổ sung số lượng, nâng cao tính đồng bộ và độ chính xác cho nguồn số liệu địa chất-

địa vật lý và hải dương học trên khu vực quần đảo Hoàng Sa và lân cận. Làm sáng tỏ các yếu tố cấu trúc địa chất (cấu trúc tầng trầm tích, hệ thống đứt gãy, vùng triển vọng khoáng sản dầu khí) khu vực nghiên cứu bằng nguồn số liệu đo cao vệ tinh và khảo sát trực tiếp bằng tàu trên biển. Chi tiết hóa các đặc trưng hải dương học (trường dòng chảy, trường sóng và dao động mực nước biển...) khu vực nghiên cứu bằng nguồn số liệu đo cao vệ tinh và khảo sát trực tiếp bằng tàu trên biển.

Số hồ sơ lưu: 18027

## **202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin**

77307. 08-2021. **Thiết kế ăng-ten dựa trên siêu bề mặt điện từ cho các hệ thống thông tin vô tuyến thế hệ mới/** TS. Tạ Sơn Xuất, TS. Nguyễn Khắc Kiêm; ThS. Hồ Quang Sơn; ThS. Vũ Việt Hùng - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Giới thiệu về bản chất vật lý của các đặc tính siêu việt của các ăng-ten dựa trên siêu bề mặt điện từ (Metasurface-Inspired Antenna viết tắt là MSIA). Làm sáng tỏ bản chất vật lý của sự xuất hiện các tần số cộng hưởng và bức xạ phân cực tròn mới trên MSIA, qua đó, dễ dàng điều chỉnh và sử dụng chúng để mở rộng băng thông. Xây dựng mô hình lý thuyết để đoán biết trước các tần số cộng hưởng mới trên MSIA với các phần tử bức xạ và cấu trúc siêu bề mặt điện từ (metasurface viết tắt là MS) bất kỳ. Đưa ra các thiết kế MSIA mới với chất lượng tốt và có

thể được sử dụng rộng rãi trong các hệ thống thông tin vô tuyến thế hệ mới.

Số hồ sơ lưu: 17522

77523. 08-2021. **Nghiên cứu, đề xuất mô hình giải quyết tranh chấp trực tuyến trong thương mại điện tử tại Việt Nam/** ThS. Hồ Thị Tô Uyên, ThS. Nguyễn Hữu Tuấn; TS. Nguyễn Ngọc Tú; ThS. Vũ Minh Giang; CN. Lê Thị Việt Hà; CN. Nguyễn Tiến Luận; CN. Vũ Quỳnh Trang; ThS. Trần Thị Hưng; ThS. Phạm Ngọc Vinh; CN. Nguyễn Văn Hải; CN. Đỗ Thị Thủy; CN. Nguyễn Thị Phương Trang; ThS. Phạm Ngọc Dương - Hà Nội - Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, tìm hiểu mô hình giải quyết tranh chấp ODR (Buyer Dispute Program) trong thương mại điện tử (TMĐT); Nghiên cứu, đánh giá mô hình giải quyết tranh chấp ODR trong TMĐT trên thế giới; Nghiên cứu về tình hình phát triển thương mại điện tử, thực trạng về giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử của Việt Nam hiện nay; Xây dựng hệ thống giải quyết tranh chấp ODR trong TMĐT áp dụng cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17648

77536. 08-2021. **Nghiên cứu và thực hiện các hệ thống hỗn loạn có trễ và dựa trên memristor/** TS. Phạm Việt Thành, TS. Nguyễn Hoàng Hải; TS. Hoàng Phương Chi; TS. Lâm Hồng Thạch; PGS.TS. Vũ Văn Yên; ThS. Nguyễn Anh Quang; ThS. Nguyễn Hồng Anh - Hà Nội

- Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2020 - 03/2014 - 03/2016. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đưa ra các hệ thống phi tuyến có tính chất hỗn loạn mới: các hệ thống trễ và các hệ thống dựa trên memristor. Cách thức kết hợp hệ thống trễ và hệ thống dựa trên memristor cũng được nghiên cứu. Mô hình lý thuyết sau khi phân tích được hiện thực hóa bằng mạch điện tương tự.

Số hồ sơ lưu: 17662

77542. 08-2021. **Tổng hợp, nghiên cứu cấu trúc của phức chất kim loại chuyển tiếp với phối tử ba càng chứa hidrocacbon đa vòng (PAH) và khả năng ứng dụng của chúng trong sensor huỳnh quang/** TS. Nguyễn Minh Hải, PGS.TS. Trịnh Ngọc Châu; TS. Nguyễn Vũ; ThS. Đinh Thị Hiền; ThS. Vũ Thị Bích Ngọc - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 03/2015 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp dẫn xuất ngưng tụ bất đối xứng chứa antraxen hoặc pyren; Tổng hợp một số phối tử ba càng dạng (N, N, O), (N, N, N) và (N, N, S); Tổng hợp phức chất kim loại chuyển tiếp với những phối tử trên; Nghiên cứu cấu trúc của các hợp chất tổng hợp được; Nghiên cứu tính chất quang lí của các hợp chất tổng hợp được; Khảo sát khả năng nhận biết ion của các hợp chất trên.

Số hồ sơ lưu: 17660

**20202. Người máy và điều khiển tự động**

77564. 08-2021. **Nghiên cứu xây dựng các hệ thống điều khiển bộ biến đổi điện tử công suất nhằm nâng cao năng lực đào tạo nhân lực ngành Tự động hóa tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam/** TS. Phạm Tâm Thành, ThS. Nguyễn Thanh Vân; TS. Nguyễn Hữu Tuân; ThS. Nguyễn Tất Dũng; ThS. Vũ Ngọc Minh; ThS. Đỗ Thị Thúy; ThS. Trần Tiến Lương; ThS. Vũ Thị Thu; ThS. Lục Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Trung Kiên - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2020 - 04/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống điều khiển bộ biến đổi điện tử công suất được chế tạo và thử nghiệm thành công, chủ động trong việc giải mã công nghệ, là cơ sở để triển khai nội địa hóa sản phẩm hệ thống điều khiển bộ biến đổi điện tử công suất phục vụ đào tạo. Từ đó phục vụ cho đào tạo nghiên cứu về điện tử công suất cho học viên, sinh viên chuyên ngành Tự động hóa tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam và trong các Trường Cao đẳng, đại học, học viện...

Số hồ sơ lưu: 17657

**20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..**

77043. 08-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp, công nghệ về bảo vệ bản quyền thông tin dữ liệu số ngành tài nguyên và môi trường trong môi trường mạng Internet./** KS. Bùi Công Thịnh, ThS. Hoàng

Thu Trang; KS. Đàm Thị Hương Liên; KS. Đoàn Minh Đức; ThS. Đinh Hải Dương; KS. Dương Đức Tới; KS. Nguyễn Thị Ngọc Linh; KS. Đỗ Quang Huy; KS. Vũ Hải Vân; KS. Mai Quang Tú - Hà Nội - Trung tâm Kiểm định sản phẩm công nghệ thông tin, 2019 - 01/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, đánh giá về kinh nghiệm bản quyền dữ liệu một số nước trên thế giới và đánh giá thực trạng bản quyền dữ liệu trong ngành tài nguyên môi trường tại Việt Nam. Đề xuất mô hình về bản quyền dữ liệu số có thể áp dụng được trong việc bảo vệ bản quyền dữ liệu số thống nhất trong toàn ngành tài nguyên môi trường trong môi trường mạng Internet. Áp dụng thử nghiệm trên dữ liệu cơ sở dữ liệu quốc gia ngành tài nguyên môi trường tại Cục Công nghệ thông tin và các báo cáo địa chất khoáng sản tại Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Tạp chí địa chất - Tổng cục Địa chất và Khoáng sản.

Số hồ sơ lưu: 17357

77191. 08-2021. **Nghiên cứu kinh nghiệm chuyển đổi số của các nước và đề xuất xây dựng chiến lược chuyển đổi số cho Việt Nam/** ThS. Nguyễn Gia Bắc, ThS. Vũ Phúc Yên; ThS. Đặng Thị Phương Thảo; ThS. Hoàng Việt Huy - Hà Nội - Viện Chiến lược thông tin và truyền thông, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu kinh nghiệm chính sách liên quan đến chuyển đổi số của các nước trên thế giới. Dựa trên các bài học kinh nghiệm của các nước,



đánh giá về các yếu tố then chốt về các chính sách nhằm thúc đẩy cho quá trình chuyển đổi số. Trên cơ sở đó, đề tài đưa ra các khuyến nghị, đề xuất về chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, giúp cơ quan quản lý xây dựng chiến lược chuyển đổi số phù hợp tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17319

77477. 08-2021. **Nghiên cứu vấn đề bảo mật và xây dựng các hướng dẫn bảo mật cho hệ thống thu phí điện tử không dừng ETC sử dụng công nghệ RFID tại Việt Nam/** ThS. Phạm Đình Chung, KS. Nguyễn Thị Thắm; TS. Phạm Văn Hưởng; TS. Nguyễn Chiến Trinh; TS. Vũ Văn Thỏa; ThS. Nguyễn Ngọc Linh; ThS. Nguyễn Tuấn Nam; KS. Nguyễn Trung Quý; KS. Nguyễn Anh Tuấn; KS. Nguyễn Thanh Tuấn - Hà Nội - Tổng cục Đường bộ Việt Nam, 2020 - 03/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về hệ thống ETC sử dụng RFID, từ đó có được cái nhìn về kiến trúc và đặc điểm kỹ thuật của hệ thống ETC tại Việt Nam, làm cơ sở để nghiên cứu các vấn đề bảo mật cho hệ thống ETC. Nghiên cứu các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật yêu cầu cho hệ thống ETC sử dụng RFID tại Việt Nam. Có thể nói yêu cầu chuẩn hóa các thành phần cho hệ thống ETC sử dụng công nghệ RFID tại Việt Nam là một yêu cầu cấp thiết và cần thực hiện trong thời gian tới khi hệ thống ETC được triển khai rộng khắp trên cả nước nhằm đảm bảo khả năng kết nối liên thông và an toàn bảo mật của toàn bộ hệ thống. Nghiên cứu các mối đe dọa

và các nguy cơ tấn công hệ thống ETC sử dụng RFID. Các mối đe dọa và nguy cơ tấn công ETC có thể diễn ra ở lớp vật lý, lớp truyền thông và lớp ứng dụng trong các phân hệ của hệ thống ETC. Các mối đe dọa và nguy cơ tấn công có thể đối với hệ thống ETC khá đa dạng từ đơn giản đến phức tạp, cần phải có các biện pháp bảo vệ hiệu quả để chống lại các mối đe dọa và tấn công này.

Số hồ sơ lưu: 17623

77535. 08-2021. **Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thiết bị tự động phân loại và kiểm đếm lò xo theo chiều dài/** TS. Nguyễn Công Thuật, ThS. Lương Đức Nghĩa; TS. Phạm Xuân Hiền; TS. Phạm Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thị Bích Nguyệt; ThS. Nguyễn Thanh Huyền - Hà Nội - Trường ĐHCN Việt Hưng, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về nhu cầu sử dụng, phương pháp kiểm đếm, phân loại lò xo tại Việt Nam. Nghiên cứu công nghệ phân loại và kiểm đếm lò xo theo chiều dài. Chế tạo thiết bị tự động phân loại và kiểm đếm lò xo theo chiều dài. Xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng và các bài tập thực hành phục vụ công tác đào tạo.

Số hồ sơ lưu: 17665

77537. 08-2021. **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống lái tự động tàu thủy áp dụng phương pháp điều khiển thích nghi/** PGS.TS. Trần Anh Dũng, ThS. Trương Thị Bích Ngọc; PGS.TS. Đinh Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thanh Vân; ThS. Nguyễn Hữu Quyền; ThS. Đào Quang Khanh; ThS. Lục Thị Thu

Hương; ThS. Lê Thành Lự; KS. Nguyễn Thị Kim Oanh; KS. Đỗ Thị Chang - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2020 - 03/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất giải pháp nghiên cứu chế tạo hệ thống lái tự động tàu thủy áp dụng phương pháp điều khiển thích nghi để nâng cao chất lượng điều khiển chuyển động tàu thủy, tối ưu hóa năng lượng trong quá trình khai thác trong điều kiện đối tượng phức tạp về mô hình và chịu ảnh hưởng lớn của nhiễu loạn môi trường. Việc nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm hoàn toàn mới là hướng phát triển khẳng định năng lực làm chủ công nghệ, ứng dụng lý thuyết điều khiển hiện đại của các nhà khoa học trong nước, là điều kiện quan trọng và then chốt để nâng cao năng suất lao động cho ngành công nghiệp đóng tàu, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17656

#### **20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông**

76936. 08-2021. **Hoàn thiện công nghệ sản xuất hoá chất giảm điện trở tiếp đất chống sét cho các công trình điện lực và viễn thông/** ThS. Nguyễn Thị Mỹ An, ThS. Hoàng Minh Lâm; KS. Nguyễn Trung Nghĩa; KS. Nguyễn Việt Anh; CN. Phạm Quang Thiện; CN. Phan Thị Nga; KS. Nguyễn Doãn Đức; KS. Hoàng Văn Tuyên; CN. Trần Thị Ngân; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; KS. Nguyễn Thế Cường; KS. Lương Thanh Tịnh - Hà Nội - Viện Vật lý,

2020 - 01/2009 - 12/2010. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tỷ lệ các phụ gia, chỉ ra tỷ lệ thành phần phụ gia. Đo điện trở suất của sản phẩm, hoàn chỉnh quy trình công nghệ sản xuất hóa chất giảm điện trở tiếp đất chống sét dạng pilot. Sản xuất sản phẩm hóa chất giảm điện trở nối đất ở quy mô nhỏ.

Số hồ sơ lưu: 17371

#### **20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác**

77525. 08-2021. **Nghiên cứu, phát triển máy tính an toàn phục vụ Chính phủ điện tử/** ThS. Hoàng Mạnh Cường, ThS. Phạm Quý Phương; ThS. Nguyễn Thanh Bình; KS. Trần Xuân Chiến; KS. An Việt Đô; KS. Nguyễn Văn Huy; KS. Hà Thị Huệ; KS. Trần Đình Thoại; KS. Nguyễn Thế Trung; KS. Phạm Văn Tường; KS. Lâm Ngọc Tuấn; KS. Quách Thế Hùng; ThS. Lê Thị Thoa; KS. Lê Mạnh Toàn; KS. Dương Trọng Thắng; KS. Đinh Thiện Khải; KS. Nguyễn Văn Thức; PGS.TS. Nguyễn Đức Minh; TS. Đặng Quang Hiếu; TS. Hoàng Phương Chi; ThS. Dương Tấn Nghĩa; ThS. Đinh Kim Phụng - Hà Nội - Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông (VNPT Technology), 2020 - 07/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Việc ứng dụng CNTT trong các cơ quan Đảng và Nhà nước là xu thế tất yếu, Chính phủ cũng đang thực hiện mạng mẽ chủ trương ứng dụng CNTT nhằm cải cách hành chính, hiện đại hóa cơ quan Chính phủ, nâng

lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi phát triển kinh tế, xã hội. Bên cạnh đó, cùng với sự bùng nổ của các nguy cơ an toàn bảo mật, khi mà động cơ của việc tấn công không chỉ vì mục tiêu kinh tế, tài chính mà còn liên quan đến quân sự, tôn giáo hay các vấn đề chính trị, thì việc nghiên cứu, phát triển máy tính “Made in Vietnam” sẽ mang lại ý nghĩa to lớn trong việc làm chủ công nghệ, giảm thiểu các nguy cơ mất an toàn thông tin không chỉ trong phạm vi phục vụ Chính phủ điện tử mà còn cho các mục tiêu thương mại khác.

Số hồ sơ lưu: 17644

### 203. Kỹ thuật cơ khí

#### 20302. Chế tạo máy nói chung

77466. 08-2021. **Nghiên cứu, thiết kế chế tạo máy nhồi bông/** ThS. Lê Văn Tùng, ThS. Nguyễn Phi Thảo Linh; KS. Phạm Nhật Tú; ThS. Phạm Thị Ngọc Châu; ThS. Bùi Thị Minh Thúy; KS. Nguyễn Quốc Đạt; Nguyễn Văn Tuấn - Hồ Chí Minh - Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần – Viện Nghiên Cứu Dệt May Tại TP. Hồ Chí Minh, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy nhồi bông, phục vụ sản xuất các con thú nhồi bông, gối nhồi bông. Làm chủ công nghệ chế tạo thiết bị, thay thế hàng nhập khẩu cho thiết bị máy móc ngành làm thú nhồi bông. Máy hoàn toàn gia công chế tạo ở trong nước, vật tư phụ tùng sẵn có trên thị trường Việt Nam, tỷ lệ nội địa hóa cao.

Số hồ sơ lưu: 17619

#### 20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp

76897. 08-2021. **Hỗ trợ thương mại hóa công nghệ sản xuất bầu ươm cây theo phương pháp gieo hạt và giâm cành phục vụ sản xuất cây giống quy mô lớn/** TS. Bùi Việt Đức, ThS. Đỗ Trung Thực; PGS. TS. Đỗ Hữu Quyết; PGS. TS. Nguyễn Ngọc Quế; PGS. TS. Nguyễn Thế Hùng; ThS. Đỗ Đình Thi; ThS. Vũ Công Cảnh; CN. Nguyễn Thị Huệ; ThS. Nguyễn Trọng Minh; KS. Lê Minh Hùng - Hà Nội - Viện Phát triển Công nghệ Cơ - Điện, 2019 - 06/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đánh giá thị trường, xác định nhu cầu, khả năng ứng dụng hệ thống máy tạo bầu ươm cây vào sản xuất, kinh doanh và thực trạng công việc tạo bầu và sử dụng bầu trong sản xuất cây giống. Cải tiến, hoàn thiện nâng cấp, chế tạo hệ thống máy tạo bầu ươm cây, xây dựng quy trình và hồ sơ thiết kế, chế tạo và lắp ráp máy. Xây dựng mô hình ứng dụng máy tạo bầu đất ươm cây và quy trình công nghệ sản xuất bầu đất theo hai phương pháp gieo hạt và giâm cành. Hỗ trợ thực hiện các giải pháp kỹ thuật, công nghệ, nâng cao chất lượng, độ tin cậy và hiệu suất sản phẩm. Đăng ký giải pháp hữu ích, thiết kế và xây dựng hồ sơ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm. Xây dựng phương án, mô hình giải pháp khả thi để thương mại hóa sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 17349

**20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thủy**

77548. 08-2021. **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống tích hợp thông tin tàu thủy (Conning system) ứng dụng công nghệ phân tán đám mây/** ThS. Nguyễn Thanh Vân, ThS. Phạm Thị Chang; PGS.TS. Lê Quốc Tiến; PGS.TS. Đinh Anh Tuấn; TS. Nguyễn Văn Tiến; ThS. Vũ Ngọc Minh; ThS. Đoàn Hữu Khánh; ThS. Vũ Thị Thu; ThS. Lê Hồng Chinh; KS. Nguyễn Thị Kim Oanh - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2020 - 04/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở các nghiên cứu về hệ thống tích hợp thông tin tàu thủy, đề tài tiến hành nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống conning ứng dụng công nghệ phân tán đám mây. Có thể thấy rằng, trên các tàu thủy của Việt Nam mà được trang bị hệ thống conning đều sử dụng sản phẩm nhập ngoại với giá thành cao và không được công bố công nghệ chế tạo cho nên, khi xảy ra sự cố, các công ty, chủ tàu đều phải nhập nguyên hệ thống của các hãng, gây khó khăn lớn về kinh tế cũng như khả năng chủ động trong khai thác, vận hành. Nghiên cứu phát triển nâng cao cho hệ thống nhờ ứng dụng công nghệ phân tán đám mây, giúp cho việc lưu trữ dữ liệu lớn trên các đám mây ATSCADA Server, cũng như việc điều khiển, giám sát các tàu trên diện rộng, phù hợp với sự phát triển của ngành hàng hải.

Số hồ sơ lưu: 17670

78569. 08-2021. **Nghiên cứu thiết kế và chế tạo thử nghiệm hệ thống thermal-oil (dầu nhiệt) kết hợp tận dụng sâu nhiệt khí xả, có**

**công suất nhiệt và mức độ an toàn cao, dùng để hâm nhiên liệu và dầu hàng trên tàu chở dầu nhằm giảm chi phí khai thác, nội địa hóa sản phẩm/** TS. Nguyễn Lan Hương, TS. Hoàng Anh Tuấn; ThS. Lê Thị Minh Phương; ThS. Phạm Thị Yên; ThS. Bùi Thị Diệu Thúy; ThS. Nguyễn Thị Xuân Hương; ThS. Vũ Văn Tập; ThS. Phạm Đức - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2020 - 03/2019 - 02/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế và chế tạo thành công hệ thống thermal-oil (dầu nhiệt) kết hợp tận dụng sâu nhiệt khí xả, có công suất nhiệt và mức độ an toàn cao. Đánh giá khả năng làm việc và độ tin cậy của hệ thống dầu nhiệt được chế tạo khi được lắp đặt trong bộ thử động lực cao sử dụng động cơ diesel tàu thủy cỡ nhỏ. Tính toán mô phỏng nhằm đánh giá khả năng hâm sấy nhiên liệu để giảm chi phí khai thác, nội địa hóa sản phẩm khi áp dụng hệ thống dầu nhiệt trên tàu dầu mẫu.

Số hồ sơ lưu: 18061

78571. 08-2021. **Nghiên cứu chế tạo áo trục tàu thủy trên cơ sở hợp kim đồng nhôm có cơ tính tổng hợp cao, khả năng chống ăn mòn tốt và giá thành rẻ thay thế hàng nhập khẩu đắt tiền/** TS. Nguyễn Dương Nam, ThS. Vũ Anh Tuấn; ThS. Vũ Văn Tập; PGS.TS. Phạm Mai Khánh; ThS. Lê Thị Nhung; ThS. Nguyễn Văn Bách; TS. Hoàng Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Anh Xuân; ThS. Bùi Thị Ngọc Mai; KS. Trần Pháp Đông - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2020 - 04/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)



Tổng quan của áo trục sử dụng trong công nghiệp tàu thủy. Đưa ra công thức tính toán độ bền cho áo trục tàu thủy. Trình bày về nghiên cứu ảnh hưởng của nguyên tố hợp kim cũng như cơ sở lý thuyết của chuyển biến pha trong hợp kim nghiên cứu. Xây dựng quy trình công nghệ chế tạo và xử lý nhiệt hợp kim nghiên cứu. Xây dựng quy trình và chế tạo áo trục. Đưa ra các kết quả thử nghiệm về tổ chức và cơ tính của hợp kim nghiên cứu. Đưa ra hai nhóm hợp kim có thể sử dụng cho chế tạo áo trục là hợp kim CuAl9Fe4 và CuAl9Fe4Ni2 với các tiêu chí về cơ tính.

Số hồ sơ lưu: 18060

### **20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng**

76770. 08-2021. **Nghiên cứu tuyển than cám 0,5-8 mm vùng Vàng Danh - Uông Bí trên thiết bị tuyển nổi trọng lực dạng hydrofloat năng suất 1,0 t/giờ/ PGS.** TS. Nguyễn Hoàng Sơn, ThS. Phạm Thị Nhung; TS. Lê Việt Dũng; ThS. Nguyễn Minh Đường; TS. Nguyễn Thị Minh; PGS. TS. Nhữ Thị Kim Dung; ThS. Trần Văn Được; ThS. Vũ Thị Chinh; ThS. Lê Việt Hà - Hà Nội - Trung tâm Khoa học công nghệ Chế biến và Sử dụng khoáng sản., 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan thiết bị dạng hydrofloat trên thế giới; Công nghệ tuyển than trên thế giới và ở Việt Nam. Thiết kế chế tạo thử nghiệm thiết bị tuyển theo nguyên lý tuyển nổi-trọng lực dạng hydrofloat năng suất 1 t/giờ; Lấy mẫu than cám mỏ Vàng Danh; Nghiên cứu công

nghệ tuyển trên thiết bị thiết kế áp dụng cho một mẫu than cám mỏ Vàng Danh. Đề xuất sơ đồ và chế độ công nghệ cho/mẫu than nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 17320

### **20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân**

77318. 08-2021. **Nghiên cứu, mô phỏng hiện tượng tương tác chất lưu – kết cấu (FSI) dẫn đến sự cố đối với ống chứa cảm biến nhiệt độ trong lò phản ứng hạt nhân/ ThS. Hoàng Tân Hưng, ThS. Bùi Thị Hoa; KS. Cao Đình Hưng - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Cơ sở lý thuyết nghiên cứu FSI là nền tảng để thực hiện bài toán này bao gồm chi tiết lý thuyết động lực học lưu chất, cơ học kết cấu và tương tác giữa hai trường. Giới thiệu về lò phản ứng hạt nhân Monju cùng với sự cố gãy ống chứa cảm biến nhiệt độ xảy ra năm 1995, là một trường hợp thực tiễn điển hình trong các sự cố nhà máy điện hạt nhân liên quan đến hiện tượng FSI. Xây dựng bài toán trong chương trình tính toán ANSYS bao gồm các mô hình hình học, lưới hóa, tiền xử lý. Tính toán và phân tích kết quả, trong phần này các tính toán khác nhau được thực hiện để mô phỏng lại quá trình dẫn đến sự cố gãy ống chứa cảm biến nhiệt độ trong lò phản ứng hạt nhân Monju.

Số hồ sơ lưu: 17536

77506. 08-2021. **Đánh giá độ không đảm bảo đo bằng phương pháp Monte Carlo trong các phép**

**đo bức xạ hạt nhân/** ThS. Bùi Đức Kỳ, ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh; ThS. Dương Đức Thắng; ThS. Hồ Quang Tuấn; ThS. Bùi Thị Ánh Dương; KS. Dương Văn Triệu - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá độ không đảm bảo đo của các phép đo một đại lượng vật lý nói chung cũng như các phép đo lường bức xạ ion hóa nói riêng là yêu cầu bắt buộc đối với các phòng thí nghiệm đạt chứng nhận ISO/IEC 17025. Ủy ban quốc tế về hướng dẫn đo lường (JCGM) đã công bố các tài liệu hướng dẫn về đánh giá độ không đảm bảo đo lần đầu tiên vào năm 1993 và phiên bản sửa đổi, bổ sung vào năm 2008. Trong nghiên cứu này, độ không đảm bảo đo của các đại lượng đo lường bức xạ ion hóa như tương đương liều cá nhân Hp(d), Air kerma, hoạt độ phóng xạ của một số nhân phóng xạ trong mẫu môi trường đã được đánh giá dựa trên hai phương pháp là GUM và Monte Carlo. Một chương trình phần mềm đánh giá độ không đảm bảo đo bằng phương pháp Monte Carlo cũng đã được phát triển để giúp cho việc đánh giá độ không đảm bảo đo được thuận tiện hơn.

Số hồ sơ lưu: 17642

77539. 08-2021. **Nghiên cứu phát triển, xây dựng phương pháp chuẩn nội trong phân tích kích hoạt neutron/** TS. Trần Tuấn Anh, TS. Hồ Mạnh Dũng; ThS. Hồ Văn Doanh; ThS. Nguyễn Cảnh Hải; ThS. Trần Quang Thiện; CN. Trịnh Văn Cường; CN. Nguyễn Duy Quang; KS. Phạm Ngọc Tuấn; ThS. Nguyễn

Thị Thọ; ThS. Trần Quốc Dưỡng - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu phát triển phương pháp chuẩn nội cho phân tích kích hoạt neutron dụng cụ (INAA); Nghiên cứu phát triển phương pháp chuẩn nội cho phân tích kích hoạt neutron đo gamma tức thời (PGNAA); Nâng cấp hệ phổ kế gamma INAA tại lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt; Tối ưu hệ triệt Compton cho PGNAA tại kênh số 2 của lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt; Phân tích so sánh kết quả dùng phương pháp chuẩn nội được phát triển trong đề tài với phòng thí nghiệm khác và/hoặc với phương pháp phân tích khác.

Số hồ sơ lưu: 17659

## 204. Kỹ thuật hóa học

### 20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung

78301. 08-2021. **Nghiên cứu cơ chế phản ứng và động học của HCNO và HNCO với một số tác nhân trong pha khí/** PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Huệ, PGS.TS. Hoàng Văn Hùng; PGS.TS. Ngô Tuấn Cường; TS. Nguyễn Trọng Nghĩa; TS. Nguyễn Hữu Thọ; TS. Phạm Văn Tiến; ThS. Trần Hữu Hưng - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2019 - 08/2015 - 08/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ chế các phản ứng trong pha khí này bằng cách sử dụng phương pháp tính toán hóa lượng tử có trong phần mềm Gaussian 09. Nghiên cứu lựa chọn phương pháp

phẩm hàm mật độ B3LYP với bộ hàm cơ sở là 6-311++g(3df,2p) để tối ưu hóa cấu trúc. Trên cơ sở cấu trúc đã tối ưu, tiến hành tính năng lượng điểm đơn theo đồng thời hai phương pháp B3LYP và CCSD(T) với cùng bộ hàm cơ sở. Tất cả các trạng thái chuyển tiếp bên cạnh việc kiểm tra bằng tần số dao động, năng lượng, cấu trúc hình học (độ dài, góc liên kết), còn được kiểm tra bằng kết quả chạy tọa độ nội phản ứng (IRC). Các bước không có TS được kiểm tra bằng việc thực hiện tính đường cong thế năng MEP ở cùng mức B3LYP/6-311++G(3df,2p) dọc theo tọa độ phản ứng từ trạng thái cân bằng với bước nhảy (step size) nhỏ 0,1Å.

Số hồ sơ lưu: 18011

### **20403. Kỹ thuật hoá dược**

77552. 08-2021. **Tổng hợp một số vật liệu lai tạo cấu trúc nano trên cơ sở graphen kết hợp với hạt nano kim loại/oxit kim loại để ứng dụng trong cảm biến sinh học xác định nồng độ glucose, cholesterol, axit uric trong máu/nước tiểu/PGS.TS.Trần Vĩnh Hoàng, TS.Trần Thị Luyện; TS.Nguyễn Ngọc Thịnh; TS.Đặng Thị Minh Huệ; TS.Nguyễn Thị Thúy Nga; TS.Lê Diệu Thư; ThS.Nguyễn Đức Nghĩa - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hóa học, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tổng hợp một số vật liệu nano lai tạo trên cơ sở graphen và các dẫn xuất của chúng. Thiết kế và chế tạo thành công cảm biến hóa học (so màu, điện hóa) phát hiện hydrogen peroxid ( $H_2O_2$ ) trên cơ sở các vật liệu

đã tổng hợp kết hợp và lựa chọn vật liệu thích hợp để tiến tới ứng dụng trong chế tạo cảm biến sinh học. Chế tạo cảm biến sinh học xác định nồng độ glucose/cholesterol/axit uric trên cơ sở các vật liệu đã tổng hợp kết hợp với các enzym đặc chủng tương ứng là glucose Oxidase (GOx)/cholesterol Oxidase (ChOx)/Urate Oxidase (UOx). Xác định các thông số của các cảm biến gồm: xây dựng các đường chuẩn cho các cảm biến, từ đó xác định độ nhạy của các cảm biến; xác định bộ thông số cảm biến tương ứng với từng môi trường hoạt động: dung dịch đệm (buffer); dung dịch huyết thanh (serum); dung dịch nước tiểu (urine); dung dịch nước bọt (saliva); để làm cơ sở cho các nghiên cứu ứng dụng. Ứng dụng cảm biến xác định thử nghiệm hydrogen peroxide và glucose/cholesterol/axit uric trong một số mẫu thực và so sánh đối chiếu với các phép xét nghiệm thông dụng để đánh giá khả năng ứng dụng cảm biến.

Số hồ sơ lưu: 17673

### **20404. Kỹ thuật hoá vô cơ**

77557. 08-2021. **Nghiên cứu tổng hợp xúc tác cho quá trình hydro hóa chọn lọc  $CO_2$  thành metanol/ PGS.TS.Lê Minh Cẩm, TS.Nguyễn Thị Thu Hà; PGS.TS.Nguyễn Ngọc Hà; PGS.TS.Lê Văn Khu; PGS.TS.Lương Thị Thu Thủy; ThS.Nguyễn Thị Mơ - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2020 - 03/2015 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xác định các thông số thực nghiệm ảnh hưởng đến hoạt tính xúc tác; ảnh hưởng của kích thước tâm hoạt động và cấu trúc của xúc tác đến hoạt tính của xúc tác. Làm rõ các thông số ảnh hưởng đến độ chọn lọc của xúc tác. Tổng hợp xúc tác hỗn hợp oxit trên cơ sở Cu với các hàm lượng khác nhau và chú ý tới những khía cạnh: Phương pháp tổng hợp và phương pháp biến tính; Ảnh hưởng của bản chất chất trợ xúc tác (Ga, Ca); Bản chất chất mang và cách thức đưa pha hoạt tính lên chất mang (Al, Zr). Thực hiện các tính toán lý thuyết và thực nghiệm để thu được các thông tin: Bản chất của tâm hoạt động, ảnh hưởng của kích thước pha hoạt tính đến nhiệt độ phản ứng và độ chọn lọc methanol; Đường phản ứng và cơ chế lý thuyết của quá trình chuyển hóa CO<sub>2</sub> thành methanol bằng hydro.

Số hồ sơ lưu: 17675

#### **20405. Kỹ thuật hoá hữu cơ**

77541. 08-2021. **Nghiên cứu tổng hợp và phân tích đặc trưng xúc tác oxi hóa hoàn toàn trên cơ sở oxit mangan nhằm phân hủy các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi VOCs ở nhiệt độ thấp/** TS. Nguyễn Đình Minh Tuấn, PGS.TS. Nguyễn Đình Lâm; TS. Trương Hữu Trì; TS. Phan Thế Anh; ThS. Phan Mạnh Duy - Đà Nẵng - Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng, 2020 - 05/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển các phương pháp để tổng hợp được các loại xúc tác oxy hóa hoàn toàn trên cơ sở oxit mangan có hoạt tính cao ở nhiệt độ thấp, độ chọn lọc CO<sub>2</sub> cao và ổn định đối với

phản ứng phân hủy VOCs. Xác định được mối tương quan giữa các phương pháp, điều kiện tổng hợp với các tính chất hóa lý đặc trưng và hoạt tính xúc tác.

Số hồ sơ lưu: 17655

#### **205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim**

##### **20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen**

77580. 08-2021. **Hoàn thiện công nghệ sản xuất sắt xộp và nghiên cứu sử dụng sắt xộp để luyện một số thép hợp kim phục vụ kinh tế và quốc phòng/** KS. Nguyễn Xuân Liêu, - Hà Nội - Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam, 2020 - 11/2014 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện công nghệ sản xuất sắt xộp và thép từ sắt xộp đã được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam bảo hộ tại các bằng sáng chế phát minh số 7386, 7387. Ứng dụng công nghệ tuyển từ khô tại bằng sáng chế phát minh số 11073 để sản xuất bột sắt xộp. Nghiên cứu công nghệ sản xuất bột sắt kỹ thuật bằng cách hoàn nguyên lần 2 bột sắt xộp. Giải mã được công nghệ hoàn nguyên trực tiếp trong lò đứng, nghiên cứu các quy luật nhiệt động học quá trình hoàn nguyên làm cơ sở xác lập các thông số công nghệ chuẩn, đưa ra các giải pháp điều khiển các thông số công nghệ theo các điều kiện nguyên - nhiên liệu khác nhau, làm chủ được các quy trình công nghệ sản xuất sắt xộp có chất lượng.

Số hồ sơ lưu: 17686



**20503. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim màu**

77484. 08-2021. Nghiên cứu thử nghiệm quy trình sản xuất hợp kim thiếc hàn không chì dạng kem/ ThS. Trần Thụy Thúy Vi, CN. Ngô Hoàng Đạo; CN. Trần Thúy Uyên; Giảng Văn Dứt; Khiếu Văn Chương; Nguyễn Văn Thuận; Từ Ngô Trung Hiếu; Võ Văn Hậu; Lê Thành Dương; Lâm Trọng Tuấn - Hà Nội - Viện khoa học và công nghệ mỏ - luyện kim, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý thuyết và tổng quan về các vấn đề sản xuất hợp kim thiếc hàn không chì dạng kem. Nghiên cứu thực nghiệm, khảo sát các thông số công nghệ trong quy mô phòng thí nghiệm, xác định thông số hợp lý của các quá trình tổng hợp thiếc hàn không chì dạng kem. Nghiên cứu tính chất, thành phần của bột hợp kim SAC305 bằng các phương pháp phân tích quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS. Nghiên cứu đánh giá chất lượng sản phẩm kem hàn bằng các phương pháp: nhiễu xạ tia X (XRD), hiển vi điện tử SEM (Scanning Electron Microscope). Nghiên cứu thực nghiệm, khảo sát các thông số trong quy mô phòng thí nghiệm, xác định thông số tối ưu, lựa chọn phương pháp sản xuất hợp kim thiếc hàn không chì dạng kem phù hợp nhất.

Số hồ sơ lưu: 17634

**20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại****(cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)**

76907. 08-2021. Nghiên cứu và phát triển công nghệ chế tạo vật liệu có độ dẫn nhiệt cao chứa thành phần cacbon cấu trúc nano và ứng dụng trong tản nhiệt cho linh kiện điện tử công suất lớn/ TS. Bùi Hùng Thắng, TS. Phan Ngọc Hồng; TS. Nguyễn Văn Chúc; TS. Phạm Văn Trình; TS. Cao Thị Thanh; KS. Lê Đình Quang - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2019 - 06/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu vật liệu composite chứa thành phần CNTs và Graphene có độ dẫn nhiệt cao để phục vụ cho mục đích tản nhiệt; Vật liệu kem tản nhiệt chứa thành phần CNTs và Graphene dùng để tản nhiệt cho linh kiện điện tử công suất lớn; Nghiên cứu chất lỏng tản nhiệt chứa thành phần CNTs và Graphene định hướng ứng dụng trong tản nhiệt; Ứng dụng thử nghiệm vật liệu chế tạo được cho một số trang thiết bị điện tử bao gồm đèn LED và vi xử lý (CPU) công suất lớn; Kết hợp với một số doanh nghiệp để sản xuất thử nghiệm sản phẩm điện tử công suất lớn ứng dụng vật liệu tản nhiệt chế tạo được như đèn pha LED công suất lớn, đèn LED chiếu sáng đường phố.

Số hồ sơ lưu: 17362

76908. 08-2021. Nghiên cứu ứng dụng vật liệu cacbon cấu trúc nano trong việc nâng cao các tính chất cơ học của lớp mạ điện công nghiệp/ GS. TS. Vũ Đình Lãm, TS. Bùi Hùng Thắng; TS. Nguyễn Ngọc Trác; TS. Nguyễn Thị Hồng; TS. Nguyễn Văn Chúc; TS. Phạm Văn

Trình; TS. Cao Thị Thanh; KS. Lê Đình Quang - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2019 - 08/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chế tạo vật liệu CNTs và Graphene cho lớp mạ điện công nghệ; Công nghệ phân tán đồng đều CNTs và Graphene trong lớp mạ điện công nghiệp; Tối ưu công nghệ chế tạo lớp mạ điện niken gia cường thành phần CNTs; Công nghệ chế tạo lớp mạ điện niken gia cường thành phần Graphene; Công nghệ chế tạo lớp mạ điện niken gia cường thành phần Graphene và CNTs; Tiến hành đăng ký sở hữu trí tuệ, công bố khoa học và hoạt động đào tạo liên quan đến những kết quả đạt được; Kết hợp với một số doanh nghiệp để sản xuất thử nghiệm sản phẩm mẫu mạ điện niken chứa thành phần CNTs và Graphene.

Số hồ sơ lưu: 17364

77545. 08-2021. **Nghiên cứu kết hợp hydrotalcit và graphen oxit trong lớp phủ polyme nanocompozit bảo vệ kim loại/** PGS.TS. Tô Thị Xuân Hằng, PGS.TS. Trịnh Anh Trúc; TS. Nguyễn Thùy Dương; TS. Phạm Gia Vũ; TS. Nguyễn Anh Sơn; CN. Vũ Kế Oánh; ThS. Trần Bội An - Hà Nội - Viện kỹ thuật nhiệt đới, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp và đặc trưng cấu trúc, tính chất của hydrotalcit pha tạp graphen oxit mang ức chế ăn mòn. Chế tạo và nghiên cứu cấu trúc, tính chất, khả năng bảo vệ chống ăn mòn của các lớp phủ

epoxy nanocompozit chứa HT/GO mang ức chế ăn mòn. Chế tạo và nghiên cứu cấu trúc, tính chất, độ bền UV của các lớp phủ polyuretan nanocompozit chứa HT/GO.

Số hồ sơ lưu: 17666

### 20513. Gỗ, giấy, bột giấy

77530. 08-2021. **Hoàn thiện công nghệ sản xuất nhũ tương copolymer styren acrylate và ứng dụng làm chất chống thấm bề mặt cho giấy bao bì công nghiệp./** TS. Đặng Văn Sơn, KS. Hoàng Mạnh Vinh; ThS. Lê Mạnh Anh; ThS. Đỗ Thanh Tú; KS. Dương Thị Oanh; KS. Nguyễn Đức Thịnh; KS. Nguyễn Trọng Quý; TS. Cao Văn Sơn; ThS. Hy Tuấn Anh; KS. Mai Bảo Ngọc - Hà Nội - Công ty cổ phần Giấy Vạn Diêm, 2019 - 06/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất nhũ tương copolyme styren acrylat đạt chỉ tiêu chất lượng: Hàm lượng chất rắn:  $\geq 30\%$  (tổng khối lượng nhũ tương); pH:  $3 \div 6$ ; Độ nhớt:  $\leq 30\text{cP}$ ; Mật độ điện tích:  $> +0,1\text{mmol/l}$ ; Kích thước hạt:  $150 \div 250\text{nm}$ . Xây dựng dây chuyền sản xuất nhũ tương copolyme styren acrylat công suất tối thiểu 450 tấn/năm. Xây dựng quy trình ứng dụng nhũ tương copolyme styren acrylat làm chất chống thấm bề mặt trong quá trình sản xuất giấy bao bì công nghiệp. Làm chủ công nghệ, thiết bị sản xuất nhũ tương copolyme styren acrylat và ứng dụng nhũ tương copolyme styren acrylat để làm chất chống thấm bề mặt cho giấy bao bì công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 17650

### **20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp**

77463. 08-2021. **Nghiên cứu thiết kế chế tạo máy quần ống xóp cho nhuộm búp/ KS.** Nguyễn Thanh Tuyền, ThS. Nguyễn Văn Chất; KS. Phạm Nhật Tú; ThS. Lê Văn Tùng; ThS. Bùi Thị Minh Thúy - TP. Hồ Chí Minh - Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần – Viện Nghiên Cứu Dệt May Tại TP. Hồ Chí Minh, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo máy quần ống xóp cho nhuộm búp, ngành dệt may là một trong những ngành luôn đứng đầu về xuất khẩu. Một máy quần ống xóp cho nhuộm búp có thể đáp ứng cho nhu cầu các doanh nghiệp sợi trong nước, kiểm soát tốt chất lượng và đảm bảo sản phẩm sản xuất ra đạt yêu cầu về chất lượng. Do đó để chuẩn bị khâu nhuộm sợi dạng búp : búp sợi phải có độ xóp nhất định và đồng đều để khi nhuộm dung dịch thuốc nhuộm đi xuyên qua búp sợi từ trong ra ngoài và từ ngoài vào trong sao cho sợi nhuộm màu đồng đều nhất.

Số hồ sơ lưu: 17620

### **20515. Vật liệu tiên tiến**

78315. 08-2021. **Hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm keo ure-formandehyt (UF) và ure-melamin-formandehyt (UMF) sử dụng trong sản xuất ván ép đạt tiêu chuẩn xuất khẩu/ TS.** Nguyễn Thị Hà, TS. Phương Kỳ Công; TS. Hoàng Anh Tuấn; KS. Nguyễn Thanh Sơn; KS. Trần Minh Tân; KS. Dương Văn Lượng; CN. Bùi Ngọc Điệp - Hà Nội

- Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam, 2020 - 01/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan tài liệu về keo UF, UMF; Thiết kế, chế tạo, lắp đặt dây chuyền sản xuất keo UF, UMF quy mô công nghiệp công suất 5.000 tấn/năm; Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất keo UF, UMF; Đào tạo nhân công vận hành thành thạo dây chuyền sản xuất; Sản xuất thử nghiệm 1.000 tấn keo UF đạt chất lượng; Sản xuất thử nghiệm 200 tấn keo UMF đạt chất lượng; Tiến hành thử nghiệm keo UF, UMF tại nhà máy sản xuất gỗ ép công nghiệp; Thử nghiệm 10 m<sup>2</sup> gỗ công nghiệp sử dụng keo UF và 10 m<sup>2</sup> gỗ công nghiệp sử dụng keo UMF của Dự án; Kiểm tra hàm lượng formandehyt phát thải ra môi trường của gỗ ép công nghiệp sử dụng keo UF, UMF của dự án;

Số hồ sơ lưu: 18016

## **206. Kỹ thuật y học**

### **20601. Kỹ thuật và thiết bị y học**

77489. 08-2021. **Nghiên cứu, thiết kế chế tạo mẫu găng tay nhận dạng cử chỉ ngôn ngữ ký hiệu tiếng Việt, hỗ trợ giao tiếp người câm/ ThS.** Nguyễn Tuấn Hùng, ThS. Vũ Xuân Mạnh; ThS. Nguyễn Chí Long; ThS. Lê Hồng Minh; ThS. Đoàn Hồng Quang; KS. Nguyễn Hồng Hải; ThS. Nguyễn Văn Đưa - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ Vi điện tử và Tin học, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Chế tạo hệ thiết bị gắn trên găng tay thông thường để tạo ra đôi găng

tay thông minh nhằm nhận dạng hình dạng và cử chỉ bàn tay trong ngôn ngữ ký hiệu tiếng Việt, từ đó chuyển đổi thành văn bản tiếng Việt và tiếng nói, trợ giúp người câm giao tiếp với người bình thường trong các tình huống thông dụng. Găng tay chuyển đổi ngôn ngữ ký hiệu thành văn bản, tiếng nói là một đôi găng tay thông thường được gắn các cảm biến uốn cong, cảm biến tiếp xúc, cảm biến gia tốc và gia tốc để thu thập các ký hiệu thao tác co duỗi của các ngón tay và khớp tay, các chuyển động của tay và bàn tay. Các tín hiệu từ các cảm biến này được ghi nhận và xử lý, sau đó được khớp với các dữ liệu đã được xây dựng hoặc huấn luyện theo nguyên tắc gần đúng nhất theo một thuật toán nhất định.

Số hồ sơ lưu: 17630

77529. 08-2021. **Nghiên cứu, phát triển bộ kit chẩn đoán trên cơ sở cảm biến sinh học để phát hiện nhanh một số vi khuẩn gây nhiễm trùng bệnh viện/** PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh, TS. Trần Quang Huy; ThS. Nguyễn Thanh Thủy; PGS.TS. Lê Anh Tuấn; TS. Đặng Thị Thanh Lê; TS. Vũ Thị Thu Hương; ThS. Phạm Văn Chung; TS. Nguyễn Thị Luyến; CN. Trần Minh Hiền; ThS. Đào Trí Thức; CN. Nguyễn Văn Cường; CN. Bùi Công Tiến - Hà Nội - Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, 2020 - 12/2015 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cảm biến sinh học là một thiết bị tích hợp độc lập, nhỏ gọn, có khả năng dò tìm sự thay đổi từ các phản ứng sinh học và chuyển đổi thành tín hiệu điện ở đầu ra. Các yếu tố nhận

biết sinh học thường là enzym, thụ thể, peptide, oligonucleotide, tế bào sống, kháng thể hoặc kháng nguyên. Trong lĩnh vực y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe, cảm biến sinh học được xác định là phương pháp phát hiện, kiểm tra, chẩn đoán sớm dịch bệnh. Trong đó, cảm biến điện hóa được chứng minh là thiết bị phân tích có triển vọng lớn để thay thế một phần hay toàn phần những thiết bị và phương pháp chẩn đoán truyền thống trong các phòng thí nghiệm nhằm phát hiện nhanh, chính xác các tác nhân gây nhiễm trùng bệnh viện. Ngoài ra cảm biến điện hóa còn được ứng dụng ở nhiều lĩnh vực khác nhau như: kiểm soát ô nhiễm môi trường, an toàn thực phẩm], chẩn đoán các tác nhân gây ung thư...

Số hồ sơ lưu: 17651

77764. 08-2021. **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo bi sinh học động học mất từ vật liệu polyether ether ketone (PEEK) dùng trong y tế/** KS. Bùi Công Khê, PGS.TS. Phạm Trọng Văn; BS. Lưu Đình Mùi; GS.TS. Trịnh Bình; BS. Khuất Duy Thái; CN. Nguyễn Thị Thu Thủy; CN. Màu Văn Cảnh; CN. Đoàn Thị Quỳnh Mai; PGS.TS. Trần Đức Quý; PGS.TS. Phạm Đức Cường; ThS. Phan Quang Độ - Hà Nội - Công ty Cổ phần y sinh Ngọc Bảo, 2020 - 01/2017 - 01/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế bi sinh học từ vật liệu PEEK theo các cỡ phù hợp với mắt các lứa tuổi người Việt Nam. Xây dựng quy trình chế tạo bi sinh học từ vật liệu PEEK. Chế tạo 200 bi sinh học vật liệu PEEK các cỡ đạt tiêu



chuẩn cơ sở và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của bi sinh học vật liệu PEEK.

Số hồ sơ lưu: 17762

### **20603. Kỹ thuật phân tích mẫu thuốc**

77546. 08-2021. **Nghiên cứu tìm kiếm các hợp chất kháng viêm, bảo vệ tế bào, và chống ung thư từ các loài thuộc chi Viễn chí (Polygala) ở Việt Nam/** TS. Trần Hồng Quang, TS. Phạm Hải Yến; TS. Hoàng Lê Tuấn Anh; TS. Nguyễn Thị Thanh Ngân; ThS. Dương Thị Hải Yến; ThS. Dương Thị Dung; CN. Đỗ Thị Trang - Hà Nội - Viện Hoá sinh biển, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu mẫu và xác định tên khoa học một số loài Polygala ở Việt Nam. Đánh giá sàng lọc hoạt tính sinh học theo hướng gây độc tế bào ung thư, kháng viêm, và bảo vệ tế bào các dịch chiết và phân đoạn chiết. Nghiên cứu phân lập các hoạt chất sinh học từ những cây thuốc có hoạt tính cao thông qua sàng lọc hoạt tính nêu trên bằng các phương pháp sắc ký. Xác định cấu trúc hóa học của các hợp chất sạch bằng các phương pháp phổ. Đánh giá hoạt tính sinh học các chất sạch theo hướng gây độc tế bào ung thư, kháng viêm, và bảo vệ tế bào.

Số hồ sơ lưu: 17667

### **207. Kỹ thuật môi trường**

#### **20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất**

77476. 08-2021. **Nghiên cứu công nghệ xử lý quặng urani có hàm lượng  $U \geq 0,1$  % bằng phương**

**pháp hòa tách tĩnh/** ThS. Trần Thế Định, ThS. Lê Quang Thái; KS. Phạm Thị Thủy Ngân; KTV. Lê Thị Hồng Hà - Hà Nội - Viện công nghệ xạ hiếm, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu lựa chọn được các điều kiện hòa tách thích hợp trong công nghệ xử lý quặng urani có hàm lượng  $U \geq 0,1$  % bằng phương pháp hòa tách tĩnh để đạt hiệu suất thu hồi urani tối ưu. Đã tiến hành thí nghiệm hòa tách khuấy trộn dựa trên quy trình sẵn có để xác định giá trị tiêu hao axit cho đối tượng quặng này. Lựa chọn được khoảng tiêu hao axit từ 50-55 kg/tấn quặng cho hiệu suất thu hồi urani từ 87,2 - 88,5 % để tiến hành các thí nghiệm tiếp theo. Tiến hành thí nghiệm hòa tách ngâm đối với loại quặng này. Kết quả thí nghiệm cho thấy với tiêu hao axit 70 kg/tấn quặng, cho hiệu suất thu hồi urani đạt 85,3 % trong thời gian 11-14 ngày.

Số hồ sơ lưu: 17624

#### **20706. Kỹ thuật hàng hải, đóng tàu biển**

77467. 08-2021. **Nghiên cứu và phát triển phần mềm tích hợp thông tin định vị, giám sát hành trình, xác định vận tốc, hướng lái cho các phương tiện thủy nội địa/** PGS. TS. Trần Đức Tân, ThS. Nguyễn Đình Chinh; ThS. Chu Thị Phương Dung; TS. Trần Thị Thúy Quỳnh; ThS. Ngô Văn Công; ThS. Phùng Công Phi Khanh; ThS. Giản Quốc Anh; ThS. Phạm Văn Thành; TS. Trần Quang Huy - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ, 2020 - 04/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các thuật toán xử lý tín hiệu thu được từ các cảm biến gia tốc, cảm biến vận tốc góc, cảm biến từ, bộ thu GPS tích hợp sẵn trong các điện thoại thông minh (sử dụng HĐH Android) để định vị, giám sát hành trình, xác định vận tốc, hướng lái cho các phương tiện thủy nội địa. Xây dựng một chương trình phần mềm hoàn thiện hỗ trợ người điều khiển phương tiện tàu/thuyền.

Số hồ sơ lưu: 17618

## **208. Công nghệ sinh học môi trường**

### **20801. Công nghệ sinh học môi trường nói chung**

77550. 08-2021. **Nghiên cứu khả năng ứng dụng kết hợp đồng vị phóng xạ rơi lắng và đồng vị bền để đánh giá xói mòn và ô nhiễm nguồn nước do các hợp chất nitơ trên lưu vực khoảng 1km<sup>2</sup>/ CN.** Nguyễn Thị Hương Lan, ThS. Võ Thị Mộng Thắm; ThS. Phan Quang Trung; ThS. Lê Xuân Thắng; CN. Nguyễn Minh Đạo; CN. Nguyễn Lê Anh; ThS. Nguyễn Văn Phúc - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2020 - 01/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tiến hành thử nghiệm trên một tiểu lưu vực thuộc Hồ Tuyên Lâm – Đà Lạt, có quy mô khoảng 1 km<sup>2</sup>. Khu vực nghiên cứu sẽ xem xét đánh giá tốc độ xói mòn đất bằng đồng vị phóng xạ rơi lắng <sup>137</sup>Cs cũng như khả năng đánh giá nguồn gốc ô nhiễm nước bằng các đồng vị bền  $\delta^{13}C$  và  $\delta^{15}N$ . Từ đó làm cơ sở để đánh giá xói mòn khu vực nghiên cứu qua 2 loại hình sử dụng đất tại 3 loại độ dốc; Đánh giá chất lượng đất khu vực

nghiên cứu; Đánh giá chất lượng nước và nguồn gốc ảnh hưởng đến chất lượng nước khu vực nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 17658

### **20802. Xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học; các công nghệ sinh học chẩn đoán (chip ADN và thiết bị cảm biến sinh học)**

77503. 08-2021. **Nghiên cứu phát triển giá thể mang vi sinh vật dạng chuyên động ứng dụng xử lý nước thải sinh hoạt mô hình pilot/ PGS.TS. Nguyễn Mạnh Khải, PGS.TS. Nguyễn Mạnh Khải; TS. Phạm Thị Thúy; TS. Trần Thị Huyền Nga; TS. Trần Thị Tuyết Thu; PGS.TS. Trần Thị Hồng; PGS.TS. Bùi Việt Hà; TS. Hoàng Anh Lê; ThS. Phạm Hoàng Giang; ThS. Nguyễn Xuân Huân; ThS. Nguyễn Thùy Linh - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2019 - 03/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Xây dựng quy trình công nghệ xử lý bậc 2 và 3 cho hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt sử dụng kỹ thuật màng vi sinh chuyên động ổn định về mật độ bùn hoạt tính, tiêu chuẩn xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT loại B; Chế tạo vật liệu mang vi sinh vật dưới dạng chuyên động, có diện tích bề mặt lớn, thích hợp cho xử lý nước thải chứa các chất hữu cơ và tăng hiệu quả xử lý Ni tơ trong nước thải. Xây dựng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô pilot với công suất 0,5m<sup>3</sup> /ngày đêm, có sử dụng vật liệu mang vi sinh chuyên động quy mô phòng thí nghiệm, thử nghiệm với nước thải thực tế tại trạm xử lý Kim Liên.

Số hồ sơ lưu: 17641

**209. Công nghệ sinh học công nghiệp**

77851. 08-2021. Hoàn thiện và làm chủ quy trình công nghệ sinh học xử lý phụ phẩm tôm theo hướng tiếp cận không-chất-thải với công suất đầu vào 100 tấn/ngày, đạt hiệu suất thu hồi tăng từ 50% đến tối thiểu 80% phục vụ ngành dược phẩm, thực phẩm và nông nghiệp/CN. Nguyễn Thị Tuyết Nga, PGS.TS. Trang Sĩ Trung; TS. Nguyễn Văn Nguyên; ThS. Nguyễn Văn Phong; CN. Nguyễn Đăng Hải - Cà Mau - Công ty cổ phần Việt Nam Food, 2019 - 06/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ công nghệ sinh học trong xử lý phụ phẩm tôm, theo hướng tiếp cận không chất thải với công suất đầu vào 100 tấn/ ngày tạo ra sản phẩm cạnh tranh có tính ứng dụng rộng rãi. Nghiên cứu sử dụng enzyme để thu hồi protein, tái sử dụng nước thải, và nâng cao chất lượng chitin, enzyme để tăng độ thủy phân, cải thiện hiệu suất sản xuất, và nâng cao chất lượng SSE. Quy trình sản xuất chitosan nền từ chitin và chitosan phân tử lượng thấp từ xác mịn trong quá trình sản xuất SSE/dịch đậm thủy phân. Sử dụng công nghệ sinh học để sản xuất nguyên liệu làm phân bón từ bùn thải bao gồm làm chủ quy trình sản xuất nguyên liệu làm phân bón từ bùn. Thương mại hóa sản phẩm của dự án và nâng cao năng lực kinh nghiệm thực tiễn nghiên cứu chuyển giao ứng dụng cho doanh nghiệp cho 2 đơn vị nghiên cứu (NTU, APOTEC), cũng như nâng cao năng lực hạ tầng phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm

thông qua việc nâng cấp bổ sung trang thiết bị.

Số hồ sơ lưu: 17786

**20901. Các công nghệ xử lý sinh học (các quá trình công nghiệp dựa vào các tác nhân sinh học để vận hành quy trình), xúc tác sinh học; lên men**

77479. 08-2021. Nghiên cứu phân lập, cấu trúc và hoạt tính sinh học của các hợp chất tự nhiên tách từ lá, vỏ và hạt các loài thuộc họ Cam quýt (Rutaceae) ở Việt Nam/ PGS. TS. Nguyễn Thị Lan Phi, ThS. Phạm Thị Lan Chi; PGS. TS. Nguyễn Hoàng Dũng; PGS. TS. Phan Ngọc Hòa; ThS. Lê Thị Minh Thu; KS. Nguyễn Thị Nguyên; Lê Hữu Thành - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu về thành phần, cấu trúc hóa học và hoạt tính sinh học của các hợp chất tự nhiên như các flavonoids, polyphenols và alkaloids có trong vỏ, hạt và lá của các loại cam, chanh, quýt, bưởi. Đề tài sử dụng các thiết bị và phương pháp phân tích hiện đại nhằm tìm ra cấu trúc của các hợp chất này, sau đó đánh giá các hoạt tính sinh học như khả năng kháng khuẩn và khả năng chống ung thư của các hợp chất tách được nhằm định hướng ứng dụng trong sản xuất các sản phẩm thực phẩm chức năng và các sản phẩm thuốc. Kết quả của đề tài nhằm định hướng ứng dụng trong các ngành công nghiệp thực phẩm, mỹ phẩm và dược phẩm.

Số hồ sơ lưu: 17625

**20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.**

77553. 08-2021. **Nghiên cứu chuyển hoá solanesol phân lập từ thực vật Việt Nam thành Coenzyme Q10 và dẫn xuất/** TS. Phạm Văn Phong, TS. Mạc Đình Hùng; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; CN. Lê Minh Đông - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020 - 01/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Phân lập được solanesol từ nguồn nguyên liệu phù hợp trên cơ sở đánh giá hàm lượng solanesol một số thực vật điển hình Việt nam; Tìm ra qui trình mới tổng hợp CoQ10 và dẫn xuất; Tìm ra phương pháp mới chuyển hoá solanesol phân lập từ nguồn thực vật Việt nam thành Coenzyme Q10 và dẫn xuất ở qui mô phòng thí nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 17668

78572. 08-2021. **Nghiên cứu thành phần hóa học tinh dầu của một số loài thuộc họ Long não (Lauraceae) ở Bắc Trung Bộ/** TS. Đỗ Ngọc Đài, TS. Đào Thị Minh Châu; TS. Lê Thị Hương; TS. Nguyễn Công Trường; PGS.TS. Đậu Bá Thìn; TS. Nguyễn Danh Hùng; ThS. Võ Thị Dung - Nghệ An - Trường Đại học Kinh tế Nghệ An,

2020 - 12/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định thành phần loài và tìm hiểu về giá trị sử dụng của các loài trong họ Long não (Lauraceae) ở khu vực Bắc Trung Bộ. Xác định hàm lượng và thành phần hóa học tinh dầu ở các bộ phận khác nhau, ở các thời điểm khác nhau của một số loài trong họ Long não ở Bắc Trung Bộ. Xác định hoạt tính sinh học (khả năng kháng vi sinh vật kiểm định) của tinh dầu ở một số mẫu trong họ Long não ở Bắc Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 18063

## **210. Công nghệ nano**

### **21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)**

78570. 08-2021. **Nghiên cứu chế tạo hệ thống siêu âm kết hợp trên máy gia công tia lửa điện để chế tạo hạt nano-micro niken/** TS. Nguyễn Tiến Dũng, ThS. Trần Thị Thanh Vân; ThS. Nguyễn Thị Thu Lê; ThS. Lê Văn Cương; ThS. Lê Thị Nhung; ThS. Nguyễn Văn Bách; ThS. Vũ Văn Tập; KS. Lê Đình Nghiêm; ThS. Nguyễn Anh Xuân; KS. Trần Pháp Đông - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2020 - 04/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý thuyết để tính toán, thiết kế hệ thống siêu âm kết hợp với máy gia công tia lửa điện, từ đó nghiên cứu quá trình hình thành hạt vật liệu nano-micro kim loại rỗng; Làm chủ thiết kế và chế tạo hệ thống siêu âm kết hợp với máy gia công tia lửa điện; Chế tạo thử nghiệm hạt



nano-micro kim loại rỗng, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến độ phân bố đường kính hạt khi gia công bằng phương pháp này. Ứng dụng hạt Nano-micro niken nhằm tăng khả năng chống ăn mòn và mài mòn cho phần dẫn hướng xupap động cơ tàu thủy.

Số hồ sơ lưu: 18062

### **211. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống**

77287. 08-2021. **Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ chế biến một số sản phẩm từ trái chôm chôm/** ThS. Trương Văn Xạ, ThS. Trần Kim Thoa; ThS. Lâm Hòa Hưng; ThS. Huỳnh Thị Phương Thảo; TS. Quách Thị Thanh Tâm; TS. Nguyễn Trí Yên Chi; ThS. Đặng Thanh Sơn; TS. Lê Hồng Kỳ; PGS.TS. Cao Hùng Phi - Vĩnh Long - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát quy trình chế biến mứt từ trái chôm chôm trong điều kiện thực tế tại khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long. Xây dựng quy trình công nghệ chế biến mứt từ trái chôm chôm phù hợp trong điều kiện phòng thí nghiệm. Xây dựng mô hình học tập về quy trình công nghệ chế biến mứt chôm chôm cho sinh viên ngành công nghệ thực phẩm của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long.

Số hồ sơ lưu: 17520

### **21101. Kỹ thuật thực phẩm**

77487. 08-2021. **Sản xuất thử nghiệm muối sạch quy mô tối thiểu 50ha và muối tinh công suất 2,5 - 3**

**tấn/giờ/** CN. Trần Công Toại, CN. Trần Công Toại; KS. Nguyễn Văn Nam; PGS. TS. Cao Văn Hoàng; CN. Nguyễn Thanh Giang; ThS. Mai Tông Ba; CN. Nguyễn Văn Thông; ThS. Huỳnh Thế Duy; KTV. Đỗ Thị Hoa Hương; KS. Nguyễn Văn Tiến; KTV. Nguyễn Thanh Hùng - Bình Định - Công ty cổ phần Muối và Thực phẩm Bình Định, 2020 - 06/2016 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình và thiết bị sản xuất muối sạch phù hợp với điều kiện Bình Định và Miền Trung. Hoàn thiện quy trình sản xuất muối tinh phục vụ muối công nghiệp và dược phẩm từ muối sạch trải bạt. Hoàn thiện quy trình sản xuất muối dùng cho chăm sóc sức khỏe. Xây dựng giải pháp tổ chức sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm tại nhà máy theo tiêu chuẩn ISO 22000 – 2005 và kiểm soát chất lượng sản phẩm thông qua mô hình liên kết giữa diêm dân và doanh nghiệp theo chuỗi giá trị. Xây dựng và tổ chức sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm. Xây dựng mô hình liên kết và vận động diêm dân tham gia mô hình sản xuất theo chuỗi: Kiểm soát chất lượng, đào tạo công nghệ, xây dựng chương trình Marketing và giới thiệu sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 17637

77578. 08-2021. **Sản xuất surimi và một số sản phẩm chế biến surimi từ mực đại dương/** ThS. Phan Thị Hương, ThS. Phan Thị Hương; TS. Bùi Thị Thu Hiền; ThS. Phạm Thị Điềm; KS. Đặng Văn An; KS. Bùi Thị Minh Nguyệt; KS. Vũ Xuân Sơn; ThS. Vũ Thị Quyên; ThS. Nguyễn Thu Hồng - Hải



Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình công nghệ và thiết bị quy mô 500kg nguyên liệu/mẻ để sản xuất các sản phẩm (surimi và một số sản phẩm chế biến surimi) từ mực đại dương. Sản xuất, hoàn thiện các sản phẩm: 500kg surimi từ mực đại dương (độ ẩm 76%; cường độ gel 330-350g.cm, độ dẻo AA; độ trắng 66÷68); 5000 khay chả tôm, 5000 khay chả mực (loại 500g/khay) chế biến từ surimi mực đại dương. Các sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm. Hoàn thiện công nghệ, thiết bị, sản xuất thử nghiệm surimi và một số sản phẩm chế biến surimi từ mực đại dương bằng công nghệ enzyme phục vụ nhu cầu thị trường.

Số hồ sơ lưu: 17685

78298. 08-2021. **Nghiên cứu chuyển hóa rutin thành isoquercetin bằng vi sinh vật và ứng dụng làm nguyên liệu cho sản xuất thực phẩm chức năng/** TS. Nguyễn Thu Hoài, ThS. Nguyễn Trọng Dân; ThS. Đinh Thị Thu Trang; TS. Võ Thị Hoài Thu; ThS. Đỗ Tất Thịnh; ThS. Ngô Cao Cường; TS. Võ Viết Cường; ThS. Đặng Thị Thùy Dương; TS. Chử Văn Mến; Dược sĩ Lê Thị Bình - Hà Nội - Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga, 2020 - 01/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và xây dựng quy trình công nghệ cho chuyển hóa Isoquercetin từ rutin nhờ xúc tác

enzyme  $\alpha$ -L-rhamnosidase của vi sinh vật. Quy trình sản xuất được vận hành không phức tạp, chất lượng của sản phẩm có độ tinh khiết và hiệu suất thu hồi cao. Quy trình tạo đơn giản khả năng ứng dụng ở quy mô lớn, các công đoạn đơn giản thân thiện với môi trường trong đó đã sử dụng các hợp chất ít độc hại như: NaOH, nước, axit axetic. Quy trình tinh chế isoquercetin được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đơn số 1-2019-01120.

Số hồ sơ lưu: 18024

78454. 08-2021. **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ enzyme để sản xuất một số sản phẩm thực phẩm chức năng từ cua lột/** TS. Lê Tất Thành, ThS. Đỗ Thị Thanh Trung; ThS. Nguyễn Văn Tuyên Anh; KS. Văn Thư Vũ; TS. Đỗ Hữu Nghị; PGS.TS. Đoàn Lan Phương; TS. Hoàng Thị Bích; ThS. Nguyễn Thị Phương Lan; TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; ThS. Phạm Thị Kim Quyên - Hà Nội - Viện hóa học các hợp chất thiên nhiên, 2020 - 11/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xác định và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở nguyên liệu cua lột. Nghiên cứu quy trình sơ chế và bảo quản nguyên liệu. Nghiên cứu quy trình và xác định các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình thủy phân cua lột. Nghiên cứu quy trình thu nhận các nhóm hợp chất chức năng. Xây dựng quy trình công nghệ thủy phân cua lột bằng enzyme, quy mô 50kg nguyên liệu/ mẻ. Xây dựng quy trình tách chiết và thu nhận các hợp chất chức năng từ cua lột. Xây dựng quy trình sản xuất một số sản phẩm thực

phẩm chức năng để gia tăng giá trị của cua lột bằng công nghệ enzyme

Số hồ sơ lưu: 18019

### **299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác**

76784. 08-2021. **Nghiên cứu thiết kế và triển khai hệ thống giám sát, điều hành sản xuất trực tuyến (module quản lý năng lượng và bảo trì bảo dưỡng) tại Công ty Bia Sài Gòn – Hà Nội/** TS. Đinh Văn Thành, TS. Đinh Văn Thành; KS. Nguyễn Hữu Việt; KS. Đặng Xuân Hiếu; ThS. Lê Viết Quý; ThS. Trần Thanh Hà; GS. TS. Đinh Văn Thuận; TS. Đinh Phương Thảo; TS. Nguyễn Thị Thanh Ngọc; ThS. Đinh Thị Lan Anh; ThS. Đinh Nhật Anh; KS. Nguyễn Văn Biên; KS. Đặng Thái Bình; KS. Bùi Thị Thanh Ngọc; KS. Lê Văn Ca; KS. Lê Minh Ngà - Hà Nội - Công ty cổ phần bia Sài Gòn - Hà Nội, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về bài toán giám sát sản xuất và cấu trúc của hệ thống giám sát sản xuất trực tuyến trong nhà máy bia. Khảo sát, đánh giá hiện trạng và đề xuất phương án triển khai hệ thống giám sát, điều hành trực tuyến hoạt động sản xuất (module quản lý năng lượng và bảo trì bảo dưỡng) cho các nhà máy thuộc Tổng Công ty Cổ phần bia – rượu – nước giải khát Sài Gòn. Thiết kế và triển khai hệ thống giám sát sản xuất cho công ty cổ phần bia Sài Gòn – Hà Nội với hai module là quản lý năng lượng và bảo trì bảo dưỡng.

Số hồ sơ lưu: 17332

76805. 08-2021. **Nâng cao năng lực, xây dựng và kiểm nghiệm phương pháp chuyển giao công nghệ phù hợp với điều kiện Việt Nam/** TS. Nguyễn Trường Phi, TS. Michael Walter Braun; TS. Đặng Hoàng Hợp; ThS. Nguyễn Đăng Cường; ThS. Phạm Hải Minh; ThS. Trần Sơn Tùng; ThS. Nguyễn Thị Mai Phương; ThS. Trần Vũ Hải - Hà Nội - Trung tâm Thiết kế, Chế tạo và Thử nghiệm, 2019 - 05/2017 - 01/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng các định nghĩa và điều kiện nền tảng cần thiết cho hoạt động chuyển giao công nghệ (các dạng chuyển giao công nghệ, chức năng, vai trò, nhiệm vụ, và trách nhiệm của các tổ chức trung gian và môi giới chuyển giao công nghệ, các năng lực và cấu trúc của hoạt động chuyển giao công nghệ, các quy định về giá chuyển giao và phí chuyển giao của các tổ chức trung gian). Xây dựng và thử nghiệm phương pháp chuyển giao công nghệ hiệu quả tại Việt Nam. Xây dựng và phát triển năng lực đội ngũ cán bộ tiến hành chuyển giao công nghệ hiệu quả và phổ biến phương pháp thông qua mạng lưới chuyên gia và người thực thi. Chứng minh khả năng áp dụng của phương pháp thông qua hoạt động thử nghiệm; qua thử nghiệm, xác định được các yếu tố cần cải thiện để hoạt động chuyển giao công nghệ có thể được áp dụng nhằm giúp doanh nghiệp trong nước tiếp cận tốt hơn các công nghệ cao.

Số hồ sơ lưu: 17328

77308. 08-2021. **Nghiên cứu công nghệ sản xuất 05 hệ chất tạo**

**bột chữa cháy thể hệ mới phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy/** TS. Đỗ Sơn Hải, TS. Lương Như Hải; TS. Lê Văn Thụ; TS. Nguyễn Văn Thao; PGS.TS. Ngô Trịnh Tùng; TS. Nguyễn Tuấn Hồng; ThS. Vương Văn Trường; CN. Vũ Đình Ly; ThS. Trần Minh Thúy; TS. Nguyễn Thị Mùa - Hà Nội - Trung tâm Phát triển công nghệ cao, 2020 - 10/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ chế tạo 05 hệ chất tạo bột chữa cháy thể hệ mới được Bộ Công an tiếp nhận và triển khai sản xuất phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy. Nghiên cứu thiết kế mô hình hệ thống pilot để chế tạo 05 sản phẩm với quy mô 500kg/mẻ. Chế tạo thử và thử nghiệm 05 hệ chất tạo bột chữa cháy thể hệ mới theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành và thử nghiệm chữa cháy thực tế theo các quy mô giả định. Đánh giá hiệu quả kinh tế, chất lượng sản phẩm và tác động của dung dịch chất tạo bột chữa cháy lên môi trường.

Số hồ sơ lưu: 17525

### 3. Khoa học y, dược

#### 301. Y học cơ sở

##### 30103. Miễn dịch học

78303. 08-2021. **Đánh giá hoạt tính kháng ung thư và kháng viêm của các hợp chất phân lập từ các loài thuộc chi Chisocheton ở Việt Nam/** PGS.TS. Nguyễn Thị Hoài, TS. Hồ Việt Đức; PGS.TS. Đỗ Thị Thảo; ThS. Võ Quốc Hùng; ThS. Hoàng Xuân Huyền Trang; ThS. Lê Tuấn Anh; ThS. Lê Thị Bích Hiền; ThS. Nguyễn Việt Khẩn; KTV. Phan

Thị Hiền Thu - Thừa Thiên - Huế - Trường Đại học Y dược Huế, 2020 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập mẫu nguyên liệu của các loài thuộc chi Chisocheton. Xác định cấu trúc hóa học các hợp chất phân lập được: xác định các thông số vật lý và đo các phổ cần thiết để biện luận cấu trúc hóa học của các hợp chất đã phân lập. Đánh giá hoạt tính kháng ung thư, kháng viêm của các hợp chất đã phân lập.

Số hồ sơ lưu: 18012

##### 30106. Mô học

78302. 08-2021. **Nghiên cứu xây dựng một số quy trình xét nghiệm mô bệnh học trong giám định Y pháp ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Đức Nhựt, TS. Lưu Sỹ Hùng; BSKKII. Phạm Kim Bình; ThS. Nguyễn Sỹ Lánh; ThS. Lê Anh Cường; ThS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Hà Xuân Hợp; CN. Đào Đức Thao; PGS.TS. Đặng Đức Nhu; ThS. Nguyễn Hồng Long; ThS. Tạ Thị Hường - Hà Nội - Viện Pháp y Quốc gia, 2020 - 11/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Lập bảng thống kê về thực trạng nguồn nhân lực, trang thiết bị, quy trình thực hiện xét nghiệm mô bệnh học tại các Trung tâm Pháp y cấp tỉnh. Thống kê về thực trạng nguồn nhân lực, trang thiết bị, quy trình thực hiện xét nghiệm mô bệnh học tại 63 Trung tâm Pháp y cấp tỉnh bằng hình thức thu thập phiếu khảo sát. Phân tích, đánh thực trạng về nhu cầu con người, trang thiết bị, quy trình thực hiện xét nghiệm mô bệnh học tại các

Trung tâm Pháp y cấp tỉnh. Thực hiện điều tra khảo sát thực tế tại 12 Trung tâm Pháp y trên 3 miền Bắc - Trung - Nam. Tập huấn kỹ thuật chẩn đoán đại thể và vi thể cho cán bộ chuyên môn tại 12 Trung tâm pháp y.

Số hồ sơ lưu: 18020

### 302. Y học lâm sàng

#### 30206. Huyết học và truyền máu

77565. 08-2021. Nghiên cứu phương pháp xác định lượng vết một số dạng Asen trong mẫu huyết thanh bằng phương pháp ghép nối HPLC – ICPMS/ ThS. Nguyễn Mạnh Hà, PGS.TS.Tạ Thị Thảo; PGS.TS.Từ Bình Minh; TS.Phạm Tiến Đức; TS.Chu Đình Bình; ThS.Trần Thị Mai; CN.Nguyễn Thị Liên - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội, 2020 - 02/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng phương pháp xác định đồng thời một số dạng asen trong mẫu huyết tương người bằng phương pháp ghép nối HPLC – ICP/MS. Quy trình phân tích sau khi xác nhận giá trị sử dụng sẽ được áp dụng để phân tích các dạng As trong mẫu huyết thanh nhằm đánh giá độc tính và tích lũy sinh học của chúng với cư dân sống trong vùng nhiễm asen. Tối ưu hóa được các điều kiện tách và xác định được một số dạng asen (vô cơ và hữu cơ) trong mẫu huyết thanh người bằng phương pháp ghép nối HPLC-ICP/MS. Xây dựng được quy trình phân tích và xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp từ đó ứng dụng để phân tích các dạng asen trong mẫu huyết thanh bằng hệ ghép nối HPLC-ICP-MS.

Số hồ sơ lưu: 17684

77566. 08-2021. Nghiên cứu chế tạo, xác định đặc trưng, hình thái cấu trúc của vật liệu tổ hợp nanocompozit alginat/chitosan mang lovastatin định hướng ứng dụng điều trị giảm cholesterol/ GS. TS. Thái Hoàng, TS.Nguyễn Thúy Chinh; TS.Nguyễn Thị Thu Trang; TS.Lê Văn Quân; CN. Thạch Thị Lộc; ThS.Trần Hữu Trung; ThS.Trần Thị Mai - Hà Nội - Viện kỹ thuật nhiệt đới, 2020 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo màng tổ hợp alginat/chitosan/lovastatin/ginsenoside Rb1 và hạt nano alginat/chitosan/lovastatin/ginsenoside RB1 (chiết tách từ bột củ Tam Thất Việt Nam) bằng phương pháp dung dịch, hạt nano alginat/chitosan/lovastatin và alginat/chitosan/lovastatin/ginsenoside Rb1 bằng phương pháp vi nhũ và phương pháp gel ion hoá. Xây dựng được mô hình động học giải phóng lovastatin từ màng tổ hợp và hạt nano alginat/chitosan/lovastatin, alginat/chitosan/lovastatin/ginsenoside Rb1 trong các dung dịch có pH khác nhau. Có được các số liệu đánh giá độc tính, sự hấp thu lovastatin cũng như khả năng giảm cholesterol trong máu chuột trắng của hạt nano alginat/chitosan/lovastatin sau thử nghiệm in –vivo.

Số hồ sơ lưu: 17682

#### 30211. Ngoại khoa (Phẫu thuật)

77599. 08-2021. Nghiên cứu yếu tố nguy cơ gánh nặng biến chứng, chẩn đoán, điều trị và dự



**phòng huyết khối tĩnh mạch sâu ở bệnh nhân phẫu thuật/ PGS. TS. Bùi Mỹ Hạnh, PGS.TS.Nguyễn Trường Sơn; GS.TS.Trần Bình Giang; TS.Dương Đức Hùng; PGS.TS.Phạm Đức Huân; TS.Lê Tuấn Linh; ThS.Nguyễn Thanh Bình; TS.Phạm Thanh Việt; PGS.TS.Trần Đình Thor; PGS.TS.Đoàn Quốc Hưng; TS.Trần Thanh Tùng; TS.Dương Trọng Hiền; GS.TS.Phạm Quang Vinh; GS.TS.Hà Văn Quyết; TS.Nguyễn Văn Hoạt; ThS.Trần Lê Giang; ThS.Nguyễn Mạnh Thành; ThS.Hoàng Thị Hồng Xuyên; CN.Nguyễn Thùy Dung; CN.Nguyễn Hoàng Hiệp - Hà Nội - Trường Đại học Y Hà Nội, 2020 - 12/2016 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xác định tần suất, đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, một số yếu tố nguy cơ và gánh nặng biến chứng huyết khối tĩnh mạch sâu ở người bệnh phẫu thuật. Xây dựng quy trình chẩn đoán, điều trị dự phòng huyết khối tĩnh mạch sâu ở người bệnh phẫu thuật. Đánh giá hiệu quả điều trị dự phòng huyết khối tĩnh mạch sâu và đề xuất một số biện pháp dự phòng huyết khối tĩnh mạch sâu ở người bệnh phẫu thuật.

Số hồ sơ lưu: 17690

### **30221. Ung thư học và phát sinh ung thư**

77559. 08-2021. **Nghiên cứu vai trò của protein yếu tố khởi đầu phiên mã I (TIF-IA) và đồng phân TIF-90 trên tế bào ung thư trực tràng người Việt Nam/ TS. Nguyễn Đăng Quân, TS.Nguyễn Lê Xuân Trường; TS.Võ Nguyễn Thanh Thảo;**

**TS.Phạm Thị Kim Trâm; ThS.Hồ Hữu Đức; ThS.Huỳnh Vũ - Hồ Chí Minh - Trung tâm Công nghệ sinh học thành phố Hồ chí Minh, 2020 - 05/2016 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu sự biểu hiện và chức năng của protein TIF-IA và TIF-90 trong sự điều hòa tổng hợp rRNA và tăng sinh tế bào trên tế bào ung thư đại - trực tràng ở người Việt Nam; tìm hiểu cơ chế phân tử của quá trình TIF-IA và TIF-90 điều hòa tế bào ung thư đại - trực tràng. Phân tích mức độ biểu hiện của protein TIF-IA từ mỗi cặp mẫu thu nhận được. Nghiên cứu mối liên quan giữa sự biểu hiện của TIF-IA và mức độ tổng hợp rRNA ở khối u sơ cấp và mô bình thường, trong các khối u có mức độ biểu hiện thấp cũng như khối u có mức độ biểu hiện cao TIF-IA.

Số hồ sơ lưu: 17677

### **30230. Y học thể thao, thể dục**

76906. 08-2021. **Nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật nội soi trong chẩn đoán và điều trị đứt dây chằng chéo trước, rách sụn chêm khớp gối trong chấn thương thể thao tại Bệnh viện Thể thao Việt Nam/ Lê Thanh Tùng, TS. Võ Tường Kha; BS. Vũ Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Văn Phú; BS. Nguyễn Khắc Vỹ; BS. Vũ Minh Tân; ThS. Đỗ Văn Chinh; ThS. Đào Thị Chinh; CN. Nguyễn Thị Thu Hiền - Hà Nội - Bệnh viện Thể thao Việt Nam, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Tổng hợp những nguyên nhân tổn thương đứt dây chằng chéo trước, rách sụn chêm khớp gối trong chấn



thương thể thao tại Bệnh viện Thể thao Việt Nam. Xây dựng quy trình kỹ thuật cho phẫu thuật tổn thương đứt dây chằng chéo trước và rách sụn chêm khớp gối trong chấn thương thể thao.

Số hồ sơ lưu: 17367

### 303. Y tế

#### 30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..)

77600. 08-2021. **Nghiên cứu thực trạng ô nhiễm một số yếu tố hóa học, sinh học trong môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng vùng ven biển, hải đảo miền Bắc và đề xuất biện pháp can thiệp/** GS. TS. Phạm Văn Thúc, PGS.TS.Nguyễn Văn Khải; PGS.TS.Nguyễn Văn Ba; PGS.TS.Hồ Anh Sơn; PGS.TS.Phạm Văn Hán; TS.Nguyễn Văn Chuyên; PGS.TS.Phạm Minh Khuê; PGS.TS.Đặng Văn Chức; TS.Nguyễn Bảo Trân; ThS.Nguyễn Thị Minh Ngọc - Hải Phòng - Trường Đại học Y dược Hải Phòng, 2020 - 10/2016 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mô tả thực trạng ô nhiễm một số tác nhân hóa học, sinh học trong môi trường. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng của các tác nhân trên tới sức khỏe cộng đồng. Đề xuất và thử nghiệm một số biện pháp can thiệp hạn chế tác động của các yếu tố hóa học, sinh học trong môi trường đến sức khỏe cộng đồng vùng ven biển, hải đảo miền Bắc.

Số hồ sơ lưu: 17691

### 304. Dược học

#### 30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

77554. 08-2021. **Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học chi Mussaenda ở Việt Nam/** TS.Vũ Kim Thư, TS.Nguyễn Thị Thu Hiền; TS.Công Tiến Dũng; TS.Trương Thị Thu Hiền; TS.Nguyễn Văn Thắng; TS.Nguyễn Thị Kim Thoa - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sàng lọc được một số loài thuộc chi Mussaenda có hoạt tính sinh học, từ đó phân lập và xác định cấu trúc hóa học các hợp chất, tiếp tục thử nghiệm in vitro các hợp chất để tìm ra các hoạt chất sinh học tiềm năng của chi Mussaenda. Kết quả nghiên cứu góp phần xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về các loài thuộc chi Mussaenda tạo cơ sở khoa học cho những nghiên cứu ứng dụng tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: 17674

78338. 08-2021. **Lưu giữ và bảo tồn nguồn gen dược liệu năm 2018-2019/** PGS.TSKH. Nguyễn Minh Khởi, ThS. Nguyễn Xuân Nam; CN. Trần Thu Thủy; ThS. Nguyễn Quỳnh Nga; ThS. Phạm Ngọc Khánh; ThS. Lê Hùng Tiến; ThS. Lê Văn Minh; KS. Tạ Quốc Vượng; KS. Nguyễn Thị Thúy; KS. Trần Văn Lộc - Hà Nội - Viện Dược Liệu, 2020 - 06/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Điều tra khảo sát thu thập cây thuốc tại các vùng sinh thái khác nhau: Ninh Bình, Phú Thọ, Hòa Bình,

Tuyên Quang, Lào Cai, Sơn La, Hà Tĩnh, Nghệ An, Bắc Cạn, Hà Giang. Thu thập bổ sung mới 50 nguồn gen quý hiếm, đặc hữu, nguồn gen có giá trị kinh tế, khoa học, y tế, văn hóa, nguồn gen có nguy cơ tuyệt chủng cao. Bảo tồn an toàn 713 mẫu nguồn gen (thuộc 552 loài) đang được bảo tồn. Đánh giá các chỉ tiêu nông sinh học cho 100 nguồn gen. Bảo tồn trong kho lạnh 232 mẫu hạt giống cây thuốc. Thu mới đưa vào bảo tồn trong kho lạnh 50 mẫu hạt giống cây thuốc.

Số hồ sơ lưu: 18008

#### 4. Khoa học nông nghiệp

##### 401. Trồng trọt

##### 40102. Thổ nhưỡng học

77488. 08-2021. **Nghiên cứu tương tác giữa Phytolith và cacbon hữu cơ trong đất lúa đồng bằng sông Hồng và đề xuất các giải pháp ứng dụng/** PGS. TS. Nguyễn Ngọc Minh, ThS. Nguyễn Xuân Huân; TS. Lê Thị Hoàng Oanh; PGS. TS. Bùi Thị Kim Anh; ThS. Phạm Văn Quang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Thịnh; CN. Đào Thị Hoan - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 02/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá được mức độ tích lũy cacbon trong hệ thống canh tác lúa nước thông qua việc hoàn trả phytolith lại đồng ruộng và xác định mối quan hệ của hai nguyên tố C và Si trong môi trường đất; Xác định được tiềm năng cung cấp các khoáng chất dinh dưỡng cho cây lúa thông qua đánh giá ảnh hưởng của dòng cacbon đến sự hòa tan của phytolith

trong đất lúa; Nhận diện được xu thế biến đổi của phytolith trong đất canh tác lúa nhằm đề xuất giải pháp quản lý bền vững nguồn dinh dưỡng khoáng trong môi trường đất.

Số hồ sơ lưu: 17629

##### 40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

76776. 08-2021. **Nghiên cứu chọn tạo giống ngô lai chịu hạn, năng suất cao phục vụ chuyển đổi cây trồng cho vùng trung du miền núi phía Bắc/** TS. Nguyễn Tiến Trường, TS. Mai Xuân Triệu; ThS. Vũ Duy Tuấn; TS. Ngô Thị Minh Tâm; TS. Nguyễn Hữu Hùng; ThS. Đỗ Việt Tiệp; ThS. Lương Thái Hà; ThS. Bùi Văn Hiệu; KS. Vũ Thanh Hòa; TS. Nguyễn Văn Thu; ThS. Nguyễn Đức Thành - Hà Nội - Viện Nghiên cứu ngô, 2020 - 01/2015 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Chọn tạo được giống ngô thích ứng cho sản xuất ở các vùng trồng ngô miền núi phía Bắc có khả năng chịu hạn đầu vụ hè thu, và cuối vụ thu đông (sau gieo 2 tuần không mưa tỷ lệ mọc đạt 75 - 80%, trước trổ 1 - 2 tuần không mưa tỷ lệ kết hạt đạt 80 - 85%, 2 tuần trước thu hoạch không mưa năng suất giảm nhiều nhất 10%), chất lượng hạt tốt, năng suất đạt từ 8 - 10 tấn/ha.

Số hồ sơ lưu: 17322

76895. 08-2021. **Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao công nghệ nhân giống dạng dịch thể trong sản xuất nấm linh chi, nấm sò tại Quảng Bình/** ThS. Trần Ngọc Dũng, ThS. Trần Thị Hồng Dung;

CN. Nguyễn Vũ Diệu Linh; KS. Nguyễn Thị Vân Nhu; CN. Phạm Thị Thanh Trà; CN. Đặng Anh Bằng; CN. Cao Trung Thành; KS. Hoàng Minh Hưng; KS. Đặng Thị Lệ Hà; ThS. Trần Hoàn - Quảng Bình - Trung tâm Ứng dụng và thông kê Khoa học và công nghệ Quảng Bình, 2020 - 10/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận và ứng dụng thành công các quy trình nhân giống nấm dạng dịch thể với 2 loại nấm linh chi, nấm sò từ các đơn vị chuyển giao công nghệ. Tiếp nhận các quy trình chuyển giao về sản xuất các loại nấm thương phẩm, bao gồm: quy trình kỹ thuật sản xuất nấm sò, nấm linh chi thương phẩm sử dụng giống nấm dịch thể; quy trình xử lý phế thải sau trồng nấm; quy trình sơ chế và bảo quản nấm sò, nấm linh chi.

Số hồ sơ lưu: 17342

76899. 08-2021. **Sản xuất thử giống ngô nếp lai HUA601 tại các tỉnh phía Bắc/** TS. Phạm Quang Tuân, KS. Nguyễn Thị Nguyệt Anh; GS. TS. Vũ Văn Liết; KS. Đoàn Thị Yên; ThS. Vũ Thị Bích Hạnh; KS. Nguyễn Trung Đức; PGS. TS. Nguyễn Thế Hùng; Lê Thanh Hải; Võ Thị Nhung; Hà Văn Lán - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2020 - 01/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình sản xuất hạt lai F1 giống ngô nếp lai HUA601 (ADI668). Quy trình sản xuất thương phẩm giống ngô nếp lai HUA601 (ADI668) cho vùng đồng bằng sông Hồng. Sản xuất hạt lai F1. Xây dựng

mô hình thâm canh giống ngô nếp lai thương phẩm HUA601 (ADI668).

Số hồ sơ lưu: 17351

76935. 08-2021. **Nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ công nghệ chọn tạo giống ngô lai năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu điều kiện bất thuận (phi sinh học và sinh học) thích ứng với biến đổi khí hậu/** TS. Bùi Mạnh Cường, TS. Nguyễn Xuân Thắng; ThS. Đặng Thị Vân Hà; ThS. Lê Thị Hải Yên; ThS. Trần Quang Diệu; ThS. Nguyễn Chí Thành; ThS. Nguyễn Thị Huyền; TS. Vương Huy Minh; ThS. Đoàn Thị Bích Thảo; TS. Nguyễn Hữu Hùng; TS. Lê Văn Hải; TS. Kiều Xuân Đàm - Hà Nội - Viện Nghiên cứu ngô, 2019 - 06/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ công nghệ chọn tạo dòng ngô đơn bội kép bằng cây kích tạo đơn bội, rút ngắn 1/2 thời gian tạo dòng thuần và nâng cao hiệu quả chọn tạo giống ngô lai; Làm chủ công nghệ chọn tạo giống ngô lai bằng chỉ thị phân tử (SNPs) kết hợp với phương pháp truyền thống để tạo giống ngô năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu các điều kiện bất thuận sinh học và phi sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu; Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, phát triển nguồn nhân lực bền vững và hoàn thiện cơ sở vật chất, đồng bộ hóa trang thiết bị để phục vụ nghiên cứu chọn tạo giống ngô năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu điều kiện bất thuận, thích ứng với biến đổi khí hậu, hướng tới trở thành đơn vị nghiên cứu cây ngô và chuyển giao

công nghệ đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 17370

77327. 08-2021. **Nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ công nghệ genom học (Genomics-Assisted Breeding - GAB) và công nghệ chọn giống ứng dụng chỉ thị phân tử (Marker-Assisted Backcrossing - MABC) để chọn tạo các giống lúa kháng đa yếu tố ứng phó với biến đổi khí hậu/ GS.TS. Phạm Xuân Hội, GS.TS. Lê Huy Hàm; PGS.TS. Khuất Hữu Trung; KS. Phạm Thị Thúy Hằng; TS. Phạm Thị Lý Thu; PGS.TS. Lê Hùng Lĩnh; PGS.TS. Trần Đăng Khánh; TS. Võ Thị Minh Tuyền; TS. Đồng Thị Kim Cúc; TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; TS. Nguyễn Thúy Diệp; TS. Chu Đức Hà; ThS. Phan Thanh Phương; ThS. Đoàn Văn Sơn; KS. Nguyễn Trường Khoa; TS. Khuất Thị Mai Lương; ThS. Trần Thị Thúy; ThS. Kiều Thị Dung; ThS. Đặng Thị Thanh Hà - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2019 - 06/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Công nghệ genom học để xác định các gen có tầm quan trọng trong chọn tạo giống, phát triển các chỉ thị phân tử SSR, SNPs, FMs liên kết với các gen đích, ứng dụng trong chọn giống. Làm chủ và thành thạo công nghệ chọn tạo giống lúa bằng phương pháp ứng dụng chỉ thị phân tử kết hợp lai trở lại (MABC). Xây dựng, phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ bền vững và hoàn thiện các trang thiết bị phục vụ nghiên cứu trong lĩnh vực genom học, sinh học phân tử để chọn tạo giống lúa kháng

đa yếu tố. Đảm bảo tính tự chủ vững chắc của Viện Di truyền Nông nghiệp thông qua việc tăng nguồn thu.

Số hồ sơ lưu: 17537

77462. 08-2021. **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ kích tạo đơn bội trong chọn tạo giống ngô lai/ TS. Đặng Ngọc Hạ, ThS. Nguyễn Đức Thành; TS. Vũ Xuân Long; TS. Nguyễn Thị Nhài; TS. Kiều Xuân Đàm; ThS. Kiều Quang Luận; TS. Vũ Ngọc Quý; ThS. Vũ Hoài Sơn; ThS. Lương Thái Hà; TS. Nguyễn Hữu Hùng; KS. Nguyễn Duy Duyên; TS. Phạm Quang Tuân; TS. Nguyễn Hữu Hỷ; ThS. Nguyễn Văn Chinh; ThS. Bùi Văn Hùng; KS. Lộc Mậu Triển - Hà Nội - Viện Nghiên cứu ngô, 2020 - 01/2015 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xác định các dòng ngô đơn bội kép có năng suất cao, chống chịu tốt, khả năng kết hợp cao và sử dụng để tạo giống ngô lai mới có năng suất cao, khả năng thích ứng rộng, thích hợp với các vùng sinh thái khác nhau. 8-10 dòng ngô đơn bội kép có năng suất từ 2,5-3 tấn/ha, sinh trưởng phát triển tốt, thích ứng rộng và có khả năng kết hợp cao. 2-3 giống ngô lai được công nhận năng suất 8-10 tấn/ha trong điều kiện nước trời, 12-13 tấn trong điều kiện thâm canh. Trong đó, ít nhất 01 giống ngô lai được công nhận chính thức.

Số hồ sơ lưu: 17614

77522. 08-2021. **Xây dựng mô hình trồng dong riềng giống mới và thâm canh tổng hợp tại miền núi phía Bắc/ PGS.TS. Nguyễn Việt Hưng, GS.TS. Trần Ngọc Ngoan;**



GS.TS. Nguyễn Thế Hùng; ThS. Hà Việt Long; TS. Hoàng Kim Diệu; ThS. Trần Nho Hương; ThS. Phạm Quốc Toán; ThS. Vũ Thị Hải Anh; ThS. Nguyễn Trọng Hiên; ThS. Phạm Thu Hà - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên - Đại học Thái Nguyên, 2020 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng 300 ha mô hình (15 mô hình); năm thứ nhất thực hiện 65 ha; năm thứ 2 trồng 120 ha củ giống được thu mua từ một phần sản phẩm của mô hình năm thứ nhất; năm thứ 3 trồng 115 ha củ giống được thu mua từ một phần sản phẩm của mô hình năm thứ 2. Hiệu quả kinh tế của mô hình trồng giống mới và thâm canh tổng hợp, mô hình trồng giống mới kết hợp hướng dẫn nông dân lựa chọn củ dong riêng đạt tiêu chuẩn làm giống có năng suất dong củ đạt trên 60 tấn/ha. Thu nhập của người sản xuất tăng  $\geq 20\%$  so với trồng dong riêng ngoài mô hình. Tổ chức các hoạt động đào tạo tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình theo quy định.

Số hồ sơ lưu: 17645

77527. 08-2021. Sản xuất thử giống lúa ngắn ngày DCG72 tại các tỉnh phía Bắc và Duyên hải Nam trung bộ/ PGS.TS. Tăng Thị Hạnh, GS.TS. Phạm Văn Cường; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Trần Thị Minh Ngọc; KS. Đinh Mai Thùy Linh; KS. Hà Thị Quỳnh; KS. Trần Thị Hiên; ThS. Phan Thị Hồng Nhung; ThS. Nguyễn Hồng Hạnh; ThS. Võ Thị Nhung; PGS.TS. Nguyễn Văn Hoan - Hà Nội - Học

viện Nông nghiệp Việt Nam, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình sản xuất hạt giống DCG72, quy trình canh tác lúa thương phẩm theo phương thức cấy lúa và gieo thẳng. Tổ chức sản xuất hạt giống các cấp. Xây dựng mô hình sản xuất lúa thương phẩm đạt trên 60 tạ/ha trong vụ xuân hoặc đông xuân và trên 55 tạ/ha trong vụ mùa hoặc hè thu. Đào tạo và tập huấn cán bộ kỹ thuật và nông dân quy trình canh tác lúa thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: 17654

77538. 08-2021. Nghiên cứu chọn tạo giống ngô lai ngắn ngày, năng suất cao thích hợp cho cơ cấu vụ Đông vùng đồng bằng sông Hồng/ GS.TS. Vũ Văn Liệt, PGS.TS. Nguyễn Việt Long; ThS. Vũ Thị Bích Hạnh; ThS. Nguyễn Văn Hà; ThS. Trần Thị Thanh Hà; ThS. Phạm Quang Tuân; ThS. Dương Thị Loan; ThS. Hoàng Thị Thùy; ThS. Nguyễn Thị Phương Hạnh; ThS. Vũ Hoài Sơn - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2020 - 01/2015 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập bổ sung, đánh giá nguồn vật liệu di truyền. Chọn tạo và đánh giá dòng tự phối phục vụ cho phát triển triển giống ngô lai. Đánh giá và khảo nghiệm tổ hợp triển vọng. Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất hạt lai F1. Nghiên cứu kỹ thuật canh tác phù hợp cho tổ hợp ngô lai mới chọn tạo mang các tính trạng ngắn ngày, lá đứng và chống chịu bệnh thối thân, thối bắp, từ đó xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm.



Số hồ sơ lưu: 17664

#### **40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả**

77329. 08-2021. Sản xuất thử hai giống chè Hương Bắc Sơn và TRI 5.0 tại một số tỉnh miền núi phía Bắc và Lâm Đồng, góp phần nâng cao giá trị chè Việt Nam/ TS. Nguyễn Thị Minh Phương, ThS. Nguyễn Thị Thuận; PGS.TS. Nguyễn Văn Toàn; ThS. Phùng Lê Quyên; ThS. Nguyễn Mạnh Hà; TS. Nguyễn Thị Hồng Lam; ThS. Lê Thị Xuyên; ThS. Lê Đình Chiến; TS. Nguyễn Ngọc Bình; ThS. Nguyễn Hoài Thu - Phú Thọ - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, 2020 - 01/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình nhân giống, trồng mới, thâm canh và công nghệ chế biến hai giống chè mới Hương Bắc Sơn và TRI5.0 của dự án. Các địa phương, đơn vị cùng phối hợp với cơ quan chủ trì dự án xây dựng các mô hình, kế hoạch mở rộng kết quả trong sản xuất, cung cấp giống, tập huấn chuyên gia quy trình sản xuất mới, công nghệ chế biến cho các vùng chè mà các đơn vị tham gia thực hiện dự án là hạt nhân.

Số hồ sơ lưu: 17544

#### **40106. Bảo vệ thực vật**

77508. 08-2021. Phân tích đặc điểm chức năng các gene đáp ứng với stress vô sinh GmNAC019 và GmNAC109 ở cây mô hình *Arabidopsis thaliana*/ PGS.TS. Nguyễn Phương Thảo, TS. Nguyễn Tường Vân; ThS. Hoàng Thị Lan Xuân; CN. Đoàn Ngọc Hiếu; CN.

Dur Ngọc Hải Nhi; CN. Ông Đăng Quang - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Quốc tế, 2020 - 05/2016 - 03/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chức năng của 2 gene GmNAC019 và GmNAC109, đề tài đã tạo ra cây *Arabidopsis* mang 2 gene đích biểu hiện vượt mức liên tục nhờ sử dụng promoter 35S, từ đó đánh giá và phân tích tỷ lệ cây sống, hình thái cũng như một số chỉ tiêu sinh lý khác. Sự biểu hiện của các gene quan trọng đáp ứng stress vô sinh ở cây *Arabidopsis* biểu hiện vượt mức GmNAC dưới điều kiện xử lý stress và ABA cũng được nghiên cứu nhằm hiểu rõ cơ chế điều hòa của các gene GmNAC cũng như các gene downstream của chúng trong các đáp ứng stress.

Số hồ sơ lưu: 17640

#### **40107. Bảo quản và chế biến nông sản**

77524. 08-2021. Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý và chính sách phát triển bền vững chuỗi nông sản thực phẩm an toàn/ PGS.TS. Đào Thế Anh, TS. Hoàng Xuân Trường; TS. Phạm Công Nghiệp; KS. Nguyễn Thị Phương; KS. Nguyễn Thị Diệu Linh; CN. Trương Khánh Tấn; ThS. Bùi Quang Duẩn; KS. Nguyễn Thị Hiền; TS. Trịnh Văn Tuấn; CN. Vũ Hồng Nhật; ThS. Lê Thủy Ngân; CN. Nguyễn Hà Thanh - Hải Dương - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2020 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng kết kinh nghiệm trong nước và quốc tế để rút ra các bài học quan trọng về xây dựng mô hình quản

lý an toàn thực phẩm (ATTP) và phát triển bền vững chuỗi nông sản thực phẩm (NSTP) an toàn tại Việt Nam. Nghiên cứu đã rà soát các văn bản chính sách liên quan đến tổ chức quản lý ATTP để xác định, đánh giá hiệu quả thực thi chính sách cũng như xác định những vấn đề chồng chéo trong các chính sách dẫn đến khó khăn trong thực hiện các chính sách ATTP từ trung ương đến địa phương. Đề xuất một số giải pháp, chính sách và mô hình quản lý chuỗi NSTP an toàn, góp phần phát triển bền vững các chuỗi NSTP cho các ngành hàng rau, quả và chè.

Số hồ sơ lưu: 17649

## 402. Chăn nuôi

### 40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi

77504. 08-2021. **Nghiên cứu chọn tạo dòng lợn nái Landrace và Yorkshire kháng vi khuẩn gây tiêu chảy bằng chỉ thị phân tử/ PGS.TS. Đỗ Đức Lực, TS. Hà Xuân Bộ; PGS. Đỗ Đức Lực; GS.TS. Vũ Đình Tôn; TS. Nguyễn Hoàng Thịnh; ThS. Nguyễn Chí Thành; TS. Nguyễn Thị Vinh; ThS. Nguyễn Thị Châu Giang; ThS. Hoàng Ngọc Mai; ThS. Nguyễn Thị Phương; PGS.TS. Huỳnh Thị Mỹ Lệ - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2019 - 05/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu nhằm chọn tạo được dòng lợn Landrace và Yorkshire mang gen FUT1/MUC4 kháng vi khuẩn gây tiêu chảy bằng chỉ thị phân tử phù hợp với điều kiện chăn nuôi ở Việt Nam. Thông qua tiểu dự án này để nâng cao năng lực nghiên cứu của

Học viện và hợp tác với các đơn vị sản xuất và chăn nuôi lợn.

Số hồ sơ lưu: 17643

### 40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi

77558. 08-2021. **Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ chế biến thức ăn dạng lỏng từ sắn, ngô, phụ phẩm còn tươi cho chăn nuôi lợn trang trại và nông hộ/ ThS. Lê Quang Thành, KS.Lê Quý Tùng; PGS.TSKH.Vũ Văn Hạnh; KS.Nguyễn Đình Lâm; KS.Trần Quốc Tuấn; KS.Trần Xuân Thành; KS.Nguyễn Thị Thúy; ThS.Nguyễn Đức Hải; KS.Nguyễn Văn Nam; TS.Lê Quý Tường - Hưng Yên - công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi Thái Dương, 2020 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu quy trình công nghệ sử dụng nguyên liệu tươi (ngô, sắn), phế phụ phẩm còn tươi, lợn loại để chế biến ngay trong trại chăn nuôi để nâng cao khả năng tiêu hóa, giảm giá thành chăn nuôi từ 10 -20%. Tạo ra công thức thức ăn (cho lợn nái mang thai, lợn nái đẻ, lợn con, lợn hậu bị và lợn choai) sử dụng nguyên liệu tươi, phế phụ phẩm bã bia tươi, lợn loại nấu chín và các nguyên liệu khác. Sản xuất thức ăn chăn nuôi lợn từ nguyên liệu tươi, với thành phần vật chất khô 20%, và protein 15,9% trong 1 kg VCK.

Số hồ sơ lưu: 17676

### 40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

77813. 08-2021. **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển nghề nuôi ong mật theo**

**hướng sản xuất hàng hóa tại tỉnh Hưng Yên/ CN. Trần Thị Hùng Phi, KTV. Hoàng Hà; CN. Trần Thị Chi; CN. Phạm Thị Hồng Dung; KTV. Phạm Xuân Phú; CN. Tạ Gia Phương; CN. Trần Quốc Hoàn; CN. Phạm Hương Khê - Hưng Yên - Công ty TNHH Ong Hưng Yên, 2020 - 11/2016 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng mô hình nuôi ong ngoại tại công ty và các hộ dân quy mô 1.000 đàn, sản lượng mật 36kg/đàn và sản lượng mật ong thu được 80 tấn, phân hoa 01 tấn, sáp ong 0,5 tấn. Chuyển giao 10 quy trình kỹ thuật, công nghệ phù hợp với điều kiện của địa phương và xây dựng 01 mô hình tinh lọc giảm thủy phần mật ong. Xây dựng và phát triển nghề nuôi ong mật tỉnh Hưng Yên trở thành một ngành sản xuất hàng hóa, góp phần phát triển kinh tế và xã hội cho các xã, huyện và thành phố trên địa bàn tỉnh.

Số hồ sơ lưu: 17771

**78300. 08-2021. Ứng dụng công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Chiên (*Bagarius rutilus*) và cá Trắm đen (*Mylopharyngodon piceus*) trong lồng trên hồ chứa tại Thái Nguyên/ ThS. Trần Việt Cường, ThS. Trần Việt Cường; ThS. Trần Việt Vinh; CN. Nguyễn Thanh Huyền; KS. Trần Thảo Vân; KS. Nguyễn Thị Mai; KS. Nguyễn Văn Tuấn; KS. Nguyễn Thanh Tùng; KTV. Nguyễn Quang Hùng; KTV. Nguyễn Văn Trường - Thái Nguyên - Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Thảo Vân, 2020 -**

08/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận sự hỗ trợ 04 quy trình công nghệ (Quy trình công nghệ sản xuất giống cá Chiên; Quy trình công nghệ sản xuất giống cá Trắm đen; Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá Chiên trong lồng khung sắt và Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá Trắm đen trong lồng khung sắt). Xây dựng thành công 01 mô hình sản xuất giống cá Chiên (Số lượng cá Chiên 10.000 con cỡ từ 80-100 gam/con). Xây dựng thành công 01 mô hình sản xuất giống cá Trắm đen (Số lượng cá Trắm đen 30.000 con cỡ từ 200 - 300 gam/con). Xây dựng thành công 02 mô hình nuôi thương phẩm cá Chiên và cá Trắm đen trong lồng đạt sản lượng 45 tấn/2 năm; Trong đó: 10 tấn cá Chiên kích cỡ 2,5kg/con; 35 tấn cá Trắm đen kích cỡ 3,5kg/con; Đào tạo 10 kỹ thuật viên và tập huấn cho 100 nông dân áp dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Chiên và cá Trắm đen trong lồng trên hồ chứa.

Số hồ sơ lưu: 18013

#### **40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác**

**78567. 08-2021. Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình nuôi bò thịt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại một số tỉnh trung du, miền núi phía Bắc/ TS. Nguyễn Hồng Vĩ, ThS. Phương Đoàn; ThS. Hoàng Lê Nhật; TS. Đậu Thế Tung; ThS. Nguyễn Văn Huân; TS. Tăng Xuân Lưu; TS. Phùng Quang Trường; CN. Bùi Thùy**

Trang; ThS. Mai Đức Hùng; ThS. Hà Thị Hòa; ThS. Đinh Thị Thu Thảo; ThS. Nguyễn Thị Phương Thanh; ThS. Lê Thanh Bình; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; ThS. Lê Thị Huyền; ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo; KS. Hoàng Thanh Bình; KS. Lữ Văn Chín; KS. Nguyễn Thiệu Huy; ThS. Hà Quang Khuê - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách dân tộc, 2020 - 08/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt theo hướng thâm canh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi, đảm bảo vệ sinh môi trường, góp phần giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi Phú Thọ, Tuyên Quang và Vĩnh Phúc. Chuyển giao cho kỹ thuật viên và người chăn nuôi làm chủ được 12 quy trình kỹ thuật tiên tiến trong chăn nuôi bò sinh sản, bò thịt, phối giống, chăn nuôi, thú y, trồng cỏ và chế biến thức ăn thô cho bò, vệ sinh chuồng trại; xử lý chất thải trong chăn nuôi phù hợp với điều kiện thực tế của các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc. Đào tạo kỹ thuật viên làm chủ được các công nghệ và tập huấn cho 300 lượt người chăn nuôi trong vùng dự án tiếp thu và làm chủ các quy trình kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 18065

### 403. Thú y

#### 40304. Miễn dịch học thú y

77335. 08-2021. Nghiên cứu chế tạo vắc xin tái tổ hợp phòng bệnh tụ huyết trùng (*Pasteurella multocida*) ở lợn/ TS. Vũ Khắc

Hùng, ThS. Trịnh Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thị Thu Giang; ThS. Nguyễn Xuân Trường; TS. Võ Thành Thìn; TS. Lê Lập; ThS. Nguyễn Thị Thắm; CN. Phạm Khánh Nam - Khánh Hòa - Viện thú y, 2020 - 01/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tạo chủng E. coli mang plasmid tái tổ hợp mã hóa cho protein độc tố PMT của vi khuẩn *Pasteurella multocida* để sử dụng trong sản xuất vắc xin phòng bệnh tụ huyết trùng lợn. Xây dựng quy trình sản xuất, kiểm nghiệm, bảo quản và sử dụng vắc xin tái tổ hợp phòng bệnh tụ huyết trùng lợn. Chế tạo thành công vắc xin tái tổ hợp phòng bệnh tụ huyết trùng (*Pasteurella multocida*) ở lợn, có độ an toàn 100% và hiệu lực  $\geq 80\%$  so với nhóm đối chứng (ở quy mô phòng thí nghiệm hiệu lực  $\geq 90\%$ , ở quy mô hẹp hiệu lực  $\geq 75\%$ ).

Số hồ sơ lưu: 17546

### 404. Lâm nghiệp

77303. 08-2021. Nghiên cứu hiện trạng, xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp quản lý bệnh cháy lá hại rừng trồng bạch đàn tại vùng Trung tâm Bắc Bộ/ KS. Bùi Đức Giang, ThS. Hà Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Tạ Văn Thảo; ThS. Nguyễn Văn Chinh; ThS. Hoàng Ngọc Hải; KS. Triệu Hoàng Sơn; ThS. Trần Hữu Chiến; ThS. Lê Thị Yến - Hà Nội - Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá nguyên nhân và đề xuất giải pháp quản lý bệnh cháy lá rừng trồng bạch đàn có hiệu quả ở



vùng Trung tâm Bắc Bộ. Xác định hiện trạng bệnh cháy lá rừng trồng bạch đàn ở vùng Trung tâm Bắc Bộ. Xác định được nguyên nhân gây bệnh cháy lá rừng trồng bạch đàn ở vùng Trung tâm Bắc Bộ. Đề xuất được giải pháp quản lý bệnh cháy lá rừng trồng bạch đàn.

Số hồ sơ lưu: 17528

#### **40405. Giống cây rừng**

77304. 08-2021. **Lưu giữ và bảo tồn nguồn gen cây nguyên liệu giấy/** KS. Triệu Hoàng Sơn, KS. Nguyễn Văn Chinh; KS. Bùi Đức Giang; KS. Phạm Văn Hưng; KS. Nguyễn Thị Thìn; ThS. Phạm Đức Huy; ThS. Tạ Văn Thảo - Hà Nội - Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Chăm sóc, quản lý bảo vệ an toàn được 8 ha rừng bảo tồn và 5000 m<sup>2</sup> vườn cây mẹ các nguồn gen cây nguyên liệu giấy (xây dựng từ năm 2018 trở về trước). Lưu giữ an toàn được 15 mẫu hạt giống cây nguyên liệu giấy. Bảo tồn an toàn được các mẫu giống của 37 nguồn gen bằng kỹ thuật nuôi cấy invitro.

Số hồ sơ lưu: 17523

#### **40407. Bảo quản và chế biến lâm sản**

77333. 08-2021. **Nghiên cứu công nghệ biến tính và bảo quản gỗ rừng trồng nâng cao độ bền cơ học, độ ổn định kích thước của gỗ đáp ứng yêu cầu nguyên liệu sản xuất đồ mộc, ván sàn chất lượng cao/** GS.TS. Phạm Văn Chương, GS.TS. Phạm Văn Chương; PGS.TS. Vũ

Mạnh Tường; TS. Nguyễn Trọng Kiên; ThS. Lê Ngọc Phước; PGS.TS. Lê Xuân Phương; PGS.TS. Cao Quốc An; PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; TS. Nguyễn Văn Đức; ThS. Đoàn Thị Bích Ngọc; ThS. Hoàng Trung Hiếu - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2019 - 05/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình công nghệ xử lý biến tính nâng cao độ bền cơ học, độ ổn định kích thước gỗ rừng trồng làm nguyên liệu sản xuất đồ mộc chất lượng cao bằng giải pháp nhiệt-cơ. Công nghệ sản xuất ván sàn chất lượng cao từ gỗ rừng trồng được xử lý bằng giải pháp nhiệt-cơ và gỗ hộp kích thước lớn từ gỗ rừng trồng làm nguyên liệu sản xuất đồ gỗ cao cấp. Đề xuất quy trình công nghệ tạo 02 loại thuốc bảo quản gỗ dạng boracol dễ sử dụng, an toàn với môi trường và quy trình công nghệ bảo quản gỗ rừng trồng làm nguyên liệu để sản xuất đồ mộc bằng 02 loại thuốc dạng boracol.

Số hồ sơ lưu: 17539

#### **405. Thủy sản**

##### **40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản**

77330. 08-2021. **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen và giống thủy sản khu vực Nam Bộ/** ThS. Nguyễn Hữu Thanh, ThS. Huỳnh Hữu Ngãi; KS. Phạm Thanh Hà; ThS. Nguyễn Văn Hiệp - Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập bổ sung 05 nguồn gen là cá vồ cừ, cá hổ sọc nhỏ, cá sừu, cá



trê Phú Quốc và móng tay chúa. Lưu giữ an toàn 8 nguồn gen thủy sản quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng, có tiềm năng và giá trị kinh tế. Đánh giá nguồn gen: đặc điểm hình thái phân loại cá trê Phú Quốc và móng tay chúa, đánh giá chi tiết đối với 06 nguồn gen đang lưu giữ. Thăm dò khả năng khai thác cá vô cừ, vô đém, mó đầu khum. Xây dựng cơ sở dữ liệu 8 nguồn gen, hoàn thành xây dựng các chỉ tiêu về thuần dưỡng, hình thái, sinh học và khả năng khai thác sử dụng đối với 4 nguồn gen.

Số hồ sơ lưu: 17540

77531. 08-2021. **Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học một số loài thuộc chi *Wedelia* phân bố ở Việt Nam/ TS. Nguyễn Phương Thảo, PGS.TS. Lê Minh Hà; ThS. Phạm Thanh Bình; ThS. Dương Thu Trang; CN. Nguyễn Thị Luyến - Hà Nội - Viện Hoá sinh biển, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Thu thập khoảng 5-7 mẫu *Wedelia*. Xác định tên khoa học các mẫu thu thập được, tạo tiêu bản phục vụ cho việc lưu trữ mẫu; Tạo dịch chiết MeOH và các dịch chiết phân đoạn. Sàng lọc hoạt tính gây độc tế bào, kháng viêm và ức chế enzyme  $\alpha$ -glucosidase,  $\alpha$ -amylase; Nghiên cứu thành phần hóa học: Phân lập các hợp chất từ 2-3 loài *Wedelia* có hoạt tính tốt; Xác định cấu trúc hóa học của các hợp chất phân lập được. Đánh giá hoạt tính gây độc tế bào, kháng viêm và ức chế enzyme  $\alpha$ -glucosidase,  $\alpha$ -amylase các hợp chất sạch phân lập được.

Số hồ sơ lưu: 17652

#### **40503. Bệnh học thủy sản**

77601. 08-2021. **Đánh giá tác động của một số sinh vật ngoại lai xâm hại trong lĩnh vực thủy sản đến môi trường sinh thái và đề xuất biện pháp quản lý/ ThS. Vũ Thị Hồng Nguyên, ThS. Nguyễn Hải Sơn; ThS. Nguyễn Đức Tuấn; ThS. Kim Thị Thoa; ThS. Ngô Sỹ Vân; TS. Nguyễn Thị Hạnh Tiên; ThS. Trần Long Phượng; TS. Võ Văn Bình; ThS. Nguyễn Nguyễn Du - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)**

Thống kê, rà soát và đánh giá hiện trạng một số loài thủy sinh ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại diện hình đã du nhập vào Việt Nam. Đánh giá tác động và nguy cơ xâm hại của 5 đối tượng nghiên cứu (cá tỳ bà lớn *Pterygoplichthys pardalis*, cá vược miệng rộng *Micropterus salmoides*, cá hồ *Pygocentrus nattereri*, cá ăn muỗi *Gambusia affinis* và rùa tai đỏ *Trachemys scripta*) đến môi trường, hệ sinh thái và kinh tế xã hội; Đề xuất biện pháp quản lý diệt trừ một số loài ngoại lai xâm hại và kiểm soát, phòng ngừa loài có nguy cơ xâm hại.

Số hồ sơ lưu: 17693

#### **40504. Nuôi trồng thủy sản**

76778. 08-2021. **Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng nguồn lợi và khả năng khai thác, nuôi trồng các loài rong biển kinh tế tại các đảo tiền tiêu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội/ ThS. Đỗ Anh Duy, PGS. TS. Đỗ Văn Khương; TS. Nguyễn Văn Nguyên; ThS. Đinh Thanh Đạt; PGS.**

TS. Nguyễn Xuân Lý; GS. TS. Đặng Diễm Hồng; ThS. Trần Mai Đức; TS. Phạm Đức Thịnh; PGS. TS. Đàm Đức Tiến; KS. Lê Nhứt - Hà Nội - Viện nghiên cứu hải sản, 2020 - 11/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, đánh giá đặc trưng về điều kiện tự nhiên, sinh thái, môi trường các đảo tiền tiêu. Đánh giá đa dạng thành phần loài, đặc điểm phân bố và trữ lượng các loài rong biển kinh tế tại các đảo tiền tiêu. Tiềm năng nguồn lợi, khả năng khai thác, nuôi trồng các loài rong biển kinh tế ở các đảo tiền tiêu. Xây dựng định hướng phát triển và quản lý nguồn lợi rong biển ở các đảo tiền tiêu. Đề xuất, xây dựng mô hình; đào tạo tập huấn, phổ biến kỹ thuật nuôi trồng rong biển kinh tế tại các đảo tiền tiêu.

Số hồ sơ lưu: 17326

77789. 08-2021. **Phát triển công nghệ thu nhận astaxanthin từ mô hình nuôi tảo Haematococcus pluvialis trong hệ thống photobioreator/** PGS.TS. Nguyễn Đức Bách, ThS. Tống Văn Hải; ThS. Phí Thị Cẩm Miện; KS. Đặng Phú Hoàng; KS. Phạm Khắc Tâm - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2019 - 10/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát thu thập mẫu vi tảo, thiết lập các quy trình lưu giữ, nhân giống và bảo quản chủng giống vi tảo trong phòng thí nghiệm. Lắp đặt và vận hành hệ thống photobioreactor 3000 lít. Xây dựng quy trình tách chiết astaxanthin từ sinh khối vi tảo H. pluvialis nuôi trong hệ thống

photobioreactor. Đào tạo và tập huấn cho đoàn cán bộ Việt Nam nâng cao năng lực nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 17763

78304. 08-2021. **Tìm hiểu thị trường thiết bị và giải pháp quan trắc và kiểm soát môi trường nước sử dụng trong nuôi tôm thẻ chân trắng theo hình thức siêu thâm canh, thâm canh và bán thâm canh tại các vùng nuôi tập trung ở Đồng bằng sông Cửu Long/** TS. Nguyễn Duy Tài, ThS. Nguyễn Thị Hạnh Uyên; ThS. Nguyễn Văn Hương; PGS.TS. Trần Thị Năng Thu; ThS. Đào Duy Minh; TS. Nguyễn Hữu Thanh; Trần Tuấn Thanh; Giang Sỹ Chung; Nguyễn Văn Hiến; Trần Tình; Nguyễn Thụy Sỹ; Nguyễn Anh Thư; Nguyễn Thanh Phong - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc, 2020 - 11/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Điều tra các thiết bị, giải pháp trong việc đo đạc và kiểm soát các chỉ số cơ bản về môi trường và chất lượng trong nuôi trồng thủy sản. Điều tra nhu cầu, mức độ sẵn sàng chi trả của người nuôi trồng thủy sản cho việc sử dụng thiết bị và giải pháp đo đạc và kiểm soát môi trường nước cho nuôi tôm thẻ chân trắng theo hình thức siêu thâm canh, thâm canh và bán thâm canh tại các vùng nuôi tập trung ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 18010

**406. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp****40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;**

77540. 08-2021. Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của một số loài thực vật chi *Zanthoxylum* họ Rutaceae ở Việt Nam/ PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Vân, PGS.TS. Vũ Đình Hoàng; TS. Trần Thị Thu Thủy; TS. Đỗ Hữu Nghị; KS. Phạm Cao Bách - Hà Nội - Viện hóa học các hợp chất thiên nhiên, 2020 - 05/2016 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, thu hái và xác định tên khoa học của 02 loài thực vật thuộc chi *Zanthoxylum* họ Cam (Rutaceae) là *Zanthoxylum nitidum* và *Zanthoxylum rhetsa*. Sàng lọc các đối tượng nghiên cứu theo định hướng hoạt tính kháng sinh và gây độc tế bào để tìm kiếm các thành phần có hoạt tính cao phát triển các thuốc kháng sinh thế hệ mới và chất chống ung thư. Nghiên cứu về hóa học, chiết tách phân lập và xác định cấu trúc hóa học các hợp chất từ các thành phần có hoạt tính cao, phát hiện các chất mới. Kết quả đạt được sẽ đóng góp các nghiên cứu mới vào lĩnh vực hóa học các hợp chất thiên nhiên đồng thời giúp định hướng sử dụng có hiệu quả các thực vật chi này.

Số hồ sơ lưu: 17663

**40604. Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp**

78299. 08-2021. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ bức xạ trong sản xuất phân bón vi sinh vật dạng

hạt và phân bón lá/ TS. Trần Minh Quỳnh, ThS. Nguyễn Văn Bính; TS. Dương Kim Thoa; ThS. Nguyễn Thu Hà; ThS. Lê Thị Minh Lương; ThS. Trần Bằng Diệp; CN. Hoàng Đăng Sáng; CN. Nguyễn Thị Thơm; CN. Phạm Duy Dưỡng; CN. Trần Quang Minh - Hà Nội - Trung tâm Chiếu xạ Hà Nội, 2020 - 10/2016 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Áp dụng các kỹ thuật phân tích đặc tính polysaccharide, phương pháp xử lý chiếu xạ để xây dựng các quy trình công nghệ chiếu xạ tạo tinh bột biến tính, cắt mạch chitosan, xanthan tạo phân đoạn có khối lượng phân tử thấp; các phương pháp nghiên cứu vi sinh, theo dõi sinh trưởng và phát triển của cây trồng để xây dựng các quy trình công nghệ và sản xuất phân bón vi sinh vật dạng hạt và phân bón lá. Nghiên cứu cũng bao gồm các biện pháp canh tác, thực nghiệm đồng ruộng để đánh giá hiệu quả phân bón khảo nghiệm đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng cây rau.

Số hồ sơ lưu: 18014

**5. Khoa học xã hội**

78417. 08-2021. Điều tra bổ sung, dịch thuật và phân loại tư liệu Hán Nôm liên quan đến chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và Biển Đông/ PGS.TS. Nguyễn Công Việt, TS. Nguyễn Tô Lan; PGS.TS. Trịnh Khắc Mạnh; PGS.TS. Nguyễn Tá Nhí; TS. Nguyễn Hữu Mùi; TS. Trần Trọng Dương; TS. Đỗ Thị Bích Tuyền; TS. Trương Thị Thủy; TS. Hoàng Phương Mai; ThS. Phạm Thị Hường - Hà Nội - Văn phòng - Viện

Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2020 - 07/2014 - 12/2015. (Đề tài cấp Bộ)

Điều tra, phân loại văn bản bằng chữ Hán Nôm liên quan đến hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và Biển Đông. Điều tra bổ sung tư liệu Hán Nôm tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và các cơ quan hữu quan để đánh giá thực trạng tổng thể tư liệu Hán Nôm, gồm các tư liệu thư tịch, tư liệu hiện vật liên quan đến chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và Biển Đông. Biên dịch, hệ thống hóa tư liệu Hán Nôm tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và các tài liệu thu thập được liên quan đến chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và Biển Đông.

Số hồ sơ lưu: 18018

## 502. Kinh tế và kinh doanh

77312. 08-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển xuất khẩu bền vững mặt hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường Liên minh châu Âu (EU) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030/** TS. Phạm Nguyên Minh, ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa; TS. Đinh Công Hoàng; ThS. Hoàng Thị Vân Anh; ThS. Nguyễn Khánh Linh; ThS. Hoàng Thị Hương Lan; CN. Phạm Ngọc Dũng; CN. Phạm Hồng Lam - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về phát triển xuất khẩu bền vững mặt hàng rau quả sang thị trường EU. Đánh giá thực trạng

xuất khẩu và các chính sách thúc đẩy xuất khẩu mặt hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường EU giai đoạn 2014-2018. Đánh giá thực trạng chính sách nhập khẩu và khả năng đáp ứng các quy định về nhập khẩu đối với mặt hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường EU. Dự báo nhu cầu thị trường của EU đối với mặt hàng rau quả của Việt Nam trong thời gian tới và đề xuất các giải pháp, chính sách nhằm phát triển xuất khẩu bền vững mặt hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường EU đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 17535

77315. 08-2021. **Ảnh hưởng của Fintech (Công nghệ Tài chính) đến các định chế tài chính Việt Nam - Một số khuyến nghị chính sách đến 2025/** PGS.TS. Nguyễn Thị Hoài Lê, TS. Trần Thị Xuân Anh; TS. Đặng Thị Phương Hoa; TS. Trần Thị Việt Thạch; TS. Nguyễn Duy Lợi; ThS. Dương Thị Nhi; TS. Đào Hồng Nhung; ThS. Ngô Thị Hằng; ThS. Lương Minh Hà; CN. Nguyễn Thu Hiền - Hà Nội - Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2020 - 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu FinTech và sự phát triển của FinTech về ảnh hưởng đến các định chế tài chính. Xây dựng khung đánh giá mức độ ảnh hưởng của FinTech đến các định chế tài chính. Đánh giá thực trạng mức độ ảnh hưởng của FinTech đến sự phát triển của các định chế tài chính Việt Nam. Nghiên cứu xu thế phát triển của FinTech trên thế giới và Việt Nam và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam đến 2025.



Số hồ sơ lưu: 17530

77328. 08-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp tạo thuận lợi thương mại giữa Việt Nam và EU trong điều kiện thực hiện EVFTA/ TS.** Nguyễn Văn Long, CN. Trần Thị Ngọc Ánh; ThS. Phùng Thị Vân Kiều; ThS. Phạm Vũ Quang Huy; PGS.TS. Trần Văn Bảo - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát cơ sở lý luận và kinh nghiệm của các nước về tạo thuận lợi thương mại với thị trường EU. Nghiên cứu kinh nghiệm của các nước về tạo thuận lợi thương mại với thị trường EU. Đánh giá thực trạng thực hiện tạo thuận lợi thương mại của Việt Nam trong các hiệp định, tương thích với các nội dung trong AVFTA giai đoạn 2014- 2018. Nghiên cứu bối cảnh trong nước và ngoài nước đánh giá cơ hội, thách thức và những vấn đề đặt ra để thực hiện thuận lợi hoá thương mại. Đề xuất giải pháp thực hiện thuận lợi hoá thương mại giữa Việt Nam và EU trong điều kiện thực hiện EVFTA.

Số hồ sơ lưu: 17541

77787. 08-2021. **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất chính sách, giải pháp nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo (innovation) của doanh nghiệp Việt Nam/ TS.** Trịnh Ngọc Thạch, PGS.TS. Đào Thanh Trường; ThS. Nguyễn Thị Thúy Hiền; TS. Đặng Kim Khánh Ly; ThS. Nguyễn Hoàng Hải; ThS. Lưu Hoàng Long; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh; ThS.

Phạm Minh Thúy; ThS. Trần Tiến Anh - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2020 - 09/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở lý luận về năng lực đổi mới của doanh nghiệp. Kinh nghiệm về xây dựng năng lực đổi mới của doanh nghiệp ở một số quốc gia và bài học cho Việt Nam. Thực trạng năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Giải pháp chính sách nhằm nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17764

77788. 08-2021. **Giải pháp nâng cao chất lượng việc làm trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài/ TS.** Nguyễn Thị Hoa Tâm, ThS. Nguyễn Quốc Thắng; TS. Phạm Ngọc Thành; TS. Trần Ngọc Diễm; ThS. Trần Quốc Việt; ThS. Vũ Phạm Dũng Hà; TS. Lê Ngọc Thạnh; ThS. Lê Quang Anh; ThS. Văn Hữu Quang Nhật; CN. Trần Hoàng Tuấn - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Lao động - Xã hội (CSII), 2019 - 01/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng về chất lượng việc làm và nâng cao chất lượng việc làm trong các doanh nghiệp (DN) có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam. Làm rõ cơ sở lý luận chất lượng việc làm trong các DN có vốn đầu tư nước ngoài (khái niệm, nội hàm, tiêu chí tác động). Từ đó đưa ra các giải pháp để nâng cao chất lượng việc làm trong các DN có vốn đầu tư nước ngoài.

Số hồ sơ lưu: 17766



77831. 08-2021. **Nghiên cứu đề xuất cơ chế tài chính bền vững trong hoạt động kinh doanh và dịch vụ du lịch sinh thái tại các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam/** PGS.TS. Trần Quang Bảo, TS. Đào Lan Phương; ThS. Nguyễn Minh Đạo; TS. Bùi Thị Minh Nguyệt; ThS. Nguyễn Trọng Cương; ThS. Võ Thị Thu Hiền; TS. Hoàng Vũ Hải; TS. Trần Ngọc Thê; ThS. Thái Hữu Thọ; KS. Võ Minh Hoàn - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về cơ chế tài chính bền vững trong hoạt động kinh doanh và dịch vụ du lịch sinh thái (HĐKD&DVDLST) tại các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên (VQG&KBTTN). Đánh giá thực trạng cơ chế tài chính trong HĐKD&DVDLST tại các VQG&KBTTN của Việt Nam. Định hướng, giải pháp và đề xuất cơ chế tài chính bền vững trong HĐKD&DVDLST tại các VQG&KBTTN của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17777

77841. 08-2021. **Nhân rộng áp dụng các công cụ: Quản lý tinh gọn (Lean), duy trì hiệu suất thiết bị tổng thể (TPM) và chỉ số đánh giá hoạt động chính (KPI) vào doanh nghiệp Việt Nam/** ThS. Nguyễn Anh Tuấn, ThS. Nguyễn Thanh Hải; ThS. Cao Hoàng Long; CN. Vũ Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Phương Nhung; CN. Hồ Vĩnh Lộc; ThS. Nguyễn Ngọc Thi; ThS. Nguyễn Thị Vân; ThS. Lê Quang Vũ; KS. Lê Công Đê;

CN. Nguyễn Thị Trà My; CN. Vũ Nguyễn Xoái; CN. Lê Xuân Nhất; ThS. Tôn Nữ Như Huyền; CN. Nguyễn Duy Dũng; ThS. Nguyễn Thị Lê Hoa; CN. Đặng Thị Mai Phương; ThS. Vũ Hồng Quân; CN. Trần Sỹ Quân; CN. Lê Xuân Biên; CN. Nguyễn Hữu Nam; ThS. Nguyễn Thành Trung; ThS. Nguyễn Hồng Phương; CN. Vũ Lộc An - Hà Nội - Viện Năng suất Việt Nam, 2019 - 01/2016 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam áp dụng các mô hình cải tiến năng suất chất lượng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Việt Nam. Tạo bước chuyển biến về nhận thức trong cộng đồng doanh nghiệp về lợi ích của việc áp dụng các công cụ nâng cao năng suất chất lượng, qua đó duy trì và nâng cao phong trào năng suất chất lượng trong cả nước. 180 doanh nghiệp được hướng dẫn áp dụng mô hình quản lý tinh gọn (Lean), duy trì hiệu suất thiết bị tổng thể (TPM) và chỉ số đánh giá hoạt động chính (KPI), cụ thể như sau: 150 doanh nghiệp được hướng dẫn áp dụng quản lý tinh gọn (Lean); 15 doanh nghiệp được hướng dẫn áp dụng công cụ duy trì hiệu suất thiết bị tổng thể (TPM); 15 doanh nghiệp được hướng dẫn áp dụng công cụ chỉ số đánh giá hoạt động chính (KPI).

Số hồ sơ lưu: 17785

**50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh**

76814. 08-2021. **Nghiên cứu các cơ chế chuyển hóa nhận thức và thái độ về vấn đề môi trường thành các nhóm hành vi mua sản phẩm xanh phục vụ phát triển bền vững tại Việt Nam/** TS. Nguyễn Vũ Hùng, PGS.TS. Nguyễn Thị Tuyết Mai; TS. Nguyễn Thị Hoàng Yến; TS. Vũ Thị Hoài Thu; TS. Cao Thị Thanh; ThS. Hoàng Thị Bảo Thoa; ThS. Hà Tuấn Anh - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2020 - 07/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định các nhóm hành vi mua sản phẩm xanh của người tiêu dùng Việt Nam theo mục đích khác nhau. Ảnh hưởng của nhận thức và thái độ về các vấn đề môi trường tới các nhóm hành vi mua sản phẩm xanh. Lý thuyết về những cơ chế quan trọng, chuyển hóa nhận thức, thái độ về các vấn đề môi trường thành các dạng hành vi mua sản phẩm xanh. Đưa ra kiến nghị thể chế hóa các cơ chế này nhằm thúc đẩy hành vi mua sản phẩm xanh phục vụ phát triển bền vững tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17334

76815. 08-2021. **Thương mại hóa sáng chế của các nhà nghiên cứu: Cơ hội, thách thức và nhân tố thành công/** PGS. TS. Nguyễn Văn Thắng, PGS. TS. Lê Quang Cảnh; TS. Bạch Ngọc Thắng; PGS. TS. Nguyễn Thanh Hà; TS. Lương Thái Bảo; TS. Phan Quốc Nguyên; TS. Phạm Hồng Quát; ThS. Lương Văn Thường - Hà Nội - Trường Đại học

kinh tế Quốc dân, 2020 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích hiện trạng thương mại hóa và tổng quan các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách hiện hành liên quan tới thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Phân tích cơ hội và thách thức, lực cản và nguyên nhân lực cản nào đang đặt ra với việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu của các nhà nghiên cứu ở Việt Nam. Các con đường thương mại hóa cơ bản của nhà nghiên cứu ở Việt Nam. Các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định thương mại hóa kết quả nghiên cứu, bao gồm tiếp cận vốn, mạng lưới quan hệ xã hội, kinh nghiệm của lãnh đạo khoa/phòng chuyên môn, và động lực của nhà nghiên cứu. Đề xuất giải pháp thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 17335

76870. 08-2021. **Nghiên cứu giải pháp phát triển hệ thống các trung tâm dịch vụ logistics tại thành Phố Cần Thơ và vùng phụ cận/** TS. Dương Hữu Tuyền, PGS. TS. Nguyễn Việt Thanh; TS. Nguyễn Thị Vân Hà; TS. Nguyễn Cao Ý; TS. Nguyễn Cao Đức; ThS. Ngô Thùy Linh; ThS. Trần Thị Thanh; KS. Nguyễn Thị Hạnh; CN. Dương Thị Phương Thùy; ThS. Lương Đức Hùng - Hà Nội - Cục đường Thủy Nội địa Việt Nam, 2019 - 01/2019 - 02/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích đánh giá thực trạng hệ thống cơ sở hạ tầng liên quan đến hoạt động logistics và hệ thống các trung tâm dịch vụ logistics tại thành Phố Cần Thơ và vùng phụ cận. Dự

báo nhu cầu phát triển dịch vụ logistics tại thành Phố Cần Thơ và vùng phụ cận. Đề xuất giải pháp để phát triển hệ thống các trung tâm dịch vụ logistics đồng bộ và có tính kết nối tại thành phố Cần Thơ và vùng phụ cận.

Số hồ sơ lưu: 17344

76894. 08-2021. **Nghiên cứu mô hình ra quyết định tối ưu cho doanh nghiệp và tổ chức dựa trên tích hợp lý thuyết mô phỏng và phương pháp quản trị tinh gọn Made in Vietnam/** TS. Nguyễn Đăng Minh, TS. Đỗ Thị Đông; TS. Nguyễn Thị Vân Hà; ThS. Nguyễn Đăng Toàn; ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung; ThS. Phạm Bích Ngọc - Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa và cập nhật các lý thuyết mô phỏng và quản trị tinh gọn trên thế giới. Khảo sát hiện trạng việc ra quyết định của các doanh nghiệp hiện nay ở Việt Nam và nhận thức về kỹ thuật mô phỏng trong việc ra quyết định. Khảo sát nhận thức về tư duy quản trị tinh gọn made in Vietnam và thực trạng áp dụng các phương pháp quản trị tinh gọn made in Vietnam trong các doanh nghiệp Việt Nam. Nghiên cứu xây dựng hệ thống khung lý thuyết mô phỏng cho quản trị doanh nghiệp ở Việt Nam. Xây dựng mô hình ra quyết định tích hợp tư duy mô phỏng và phương pháp quản trị tinh gọn made in Vietnam phù hợp với điều kiện thực tiễn của doanh nghiệp Việt Nam. Áp dụng thực nghiệm mô hình ra quyết định tại một số doanh nghiệp tiêu biểu để

phân tích kiểm tra tính khả thi và hiệu quả của mô hình đề xuất. Đề xuất các giải pháp tăng cường và hỗ trợ việc ứng dụng lý thuyết mô phỏng và tư duy quản trị tinh gọn Made in Vietnam vào trong việc đưa ra quyết định và quản trị doanh nghiệp ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17347

76909. 08-2021. **Bất ổn về chính sách của Chính phủ, lưu giữ tiền mặt của doanh nghiệp và giá trị của tiền/** TS. Nguyễn Thu Hiền, TS. Phan Văn Hiếu; ThS. Trần Duy Thanh; KS. Trịnh Văn Long; KS. Phan Xuân Huy - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2020 - 07/2017 - 01/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các tác động bất ổn về chính sách đối với việc nắm giữ tiền mặt của công ty và giá trị của tiền mặt đối với các cổ đông. Sử dụng số liệu kế toán của các doanh nghiệp Hoa Kỳ từ cơ sở dữ liệu Compustat, giá trị cổ phiếu và tỷ suất sinh lợi từ Trung tâm nghiên cứu giá chứng khoán (CRSP). Sử dụng chỉ số bất ổn về chính sách (chỉ số BBD) được xây dựng bởi Baker et al (2016) để đo bất ổn về chính sách.

Số hồ sơ lưu: 17363

77621. 08-2021. **Tiền lương tối thiểu theo giờ và áp dụng tiền lương tối thiểu theo giờ ở Việt Nam/** ThS. Tống Văn Lai, ThS. Nguyễn Trọng Hiệp; ThS. Nguyễn Thùy Linh; ThS. Nguyễn Thị Khương; TS. Đoàn Thị Yên; TS. Đặng Thị Thu Hoài; ThS. Nguyễn Huyền Lê; ThS. Nguyễn Duy Cường; ThS. Nguyễn Thế Quân;

PGS.TS.Lê Bạch Mai - Hà Nội - Cục Quan hệ lao động và Tiền lương, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ phương pháp, yêu cầu và yếu tố căn cứ để xác định lương tối thiểu giờ tại Việt Nam; đánh giá tương quan giữa lương tối thiểu giờ với tháng, bảo hiểm xã hội, thu nhập của người lao động và các yếu tố khác có liên quan. Xác định cơ chế thực hiện lương tối thiểu giờ tại Việt Nam (đối tượng áp dụng, phạm vi áp dụng, miễn trừ, chế tài xử lý). Tính toán cụ thể mức lương tối thiểu giờ, dự báo tác động và đưa ra giải pháp triển khai lương tối thiểu giờ tại Việt Nam (hoàn thiện pháp luật, thể chế, lộ trình triển khai).

Số hồ sơ lưu: 17694

78455. 08-2021. **Nghiên cứu, đánh giá tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với ngành da giày Việt Nam, định hướng chiến lược, chính sách và giải pháp phát triển ngành da giày Việt Nam đến năm 2030/** CN. Nguyễn Đức Thuấn, ThS. Phan Thị Thanh Xuân; CN. Diệp Thành Kiệt; KS. Lê Xuân Dương; ThS. Nguyễn Hải Trung; PGS.TS. Bùi Văn Huân; ThS. Nguyễn Quang Vinh; TS. Đào Ngọc Tiên; CN. Nguyễn Thị Thục Oanh; ThS. Lê Thị Tuyết Mai - Hà Nội - Hiệp hội Da - Giày - Túi xách Việt Nam, 2020 - 12/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, ứng dụng các thành tựu của Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư trong ngành da giày thế giới.

Đánh giá thực trạng của ngành da giày Việt Nam, xu hướng phát triển của ngành da giày thế giới và Việt Nam đến năm 2030. Đánh giá tác động của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đối với sự phát triển của ngành da giày Việt Nam. Đề xuất các mô hình doanh nghiệp da giày Việt Nam ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư. Đề xuất định hướng chiến lược, chính sách, giải pháp phát triển ngành da giày Việt Nam đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 18029

### **50202. Kinh doanh và quản lý**

76806. 08-2021. **Nghiên cứu, đề xuất và áp dụng thử nghiệm một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp logistics vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc/** TS. Nguyễn Thị Bích Thủy, ThS. Lâm Tuấn Hưng; ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai; TS. Nguyễn Thị Đường; ThS. Trần Văn Cốc; TS. Lục Thị Thu Hường; ThS. Nguyễn Ngọc Chính; ThS. Vũ Thị Thúy - Hà Nội - Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thương mại, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp logistics; thực trạng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp logistics Việt Nam tại vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc; giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam tại vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và áp dụng thử nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 17333



76896. 08-2021. **Hoạt động ngân hàng xuyên biên giới và rủi ro hệ thống: trường hợp ASEAN/** PGS. TS. Hạ Thị Thiều Dao, TS. Võ Đình Trí; GS. TS. Nguyễn Đức Khương; TS. Philippe Gillet; ThS. Lê Nguyễn Minh Phương; ThS. Châu Hồ Quốc Bảo - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Ngân hàng TP HCM, 2019 - 11/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích hoạt động ngân hàng xuyên biên giới của các nước ASEAN; hoạt động ngân hàng xuyên biên giới của Việt Nam. Phân tích rủi ro hệ thống tại ASEAN; rủi ro hệ thống tại Việt Nam. Nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro hệ thống tại Việt Nam trong biến kiểm soát là các biến ngoài biên hoạt động ngân hàng xuyên biên giới.

Số hồ sơ lưu: 17350

77459. 08-2021. **Xây dựng danh mục các sản phẩm thân thiện môi trường được ưu tiên phát triển đến năm 2025/** ThS. Trần Anh Tấn, ThS. Vũ Đức Thắng; ThS. Phạm Biên Cương; CN. Dương Việt Anh; CN. Trần Mạnh Đạt; KS. Đào Quốc Huy; ThS. Phí Thị Hiền; ThS. Bùi Thị Thom - Hà Nội - Trung tâm Môi trường và Sản xuất sạch, 2019 - 03/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng sản phẩm thân thiện môi trường đã được các nước trên thế giới quan tâm từ khoảng 40 năm trước. Định hướng thúc đẩy sản xuất và sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường trong nước đã được quan tâm xây dựng từ năm 2009. Các cơ quan nhà

nước có trách nhiệm tăng cường truyền thông, giới thiệu, quảng bá về sản phẩm thân thiện môi trường, ưu tiên mua sắm sản phẩm thân thiện môi trường và doanh nghiệp được hưởng những chính sách ưu đãi về thuế, trợ giá sản phẩm khi sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường. Do vậy, mục tiêu của nhiệm vụ là giúp cơ quan quản lý nhà nước có sở khoa học và thực tiễn để lựa chọn danh mục các loại sản phẩm cần ưu tiên phát triển trong 3 giai đoạn tới nhằm thúc đẩy sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường là hoàn toàn phù hợp với xu hướng phát triển hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 17613

77478. 08-2021. **Tái cơ cấu nền kinh tế Việt Nam và Lào hướng tới phát triển nhanh và bền vững/** PGS. TS. Nguyễn Chiến Thắng, PGS. TS. Nguyễn Chiến Thắng; ThS. Dương Hồ Điệp; TS. Lê Văn Hùng; TS. Phạm Sỹ An; TS. Tô Thị Ánh Dương; PGS. TS. Đặng Thị Phương Hoa; PGS. TS. Nguyễn Huy Hoàng; PGS. TS. Nguyễn Duy Dũng; ThS. Vũ Ngọc Quyên - Hà Nội - Văn phòng, 2020 - 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về tái cơ cấu kinh tế theo hướng nhanh và bền vững. Nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước về tái cơ cấu kinh tế. Phân tích thực trạng của nền kinh tế hai nước trước khi tái cơ cấu. Theo mục tiêu này, đề tài sẽ đánh giá thực trạng của nền kinh tế trước khi thực hiện tái cơ cấu, những thành tựu và những vấn đề mà các nền kinh tế đang gặp phải. Phân tích đánh giá các giải pháp tái cơ cấu nền kinh tế hai nước

được thực hiện trong giai đoạn vừa qua, đánh giá những kết quả đạt được và chưa đạt được của quá trình tái cơ cấu, chỉ ra các nút thắt, điểm nghẽn của quá trình tái cơ cấu.

Số hồ sơ lưu: 17622

**77951. 08-2021. Đánh giá năng lực cạnh tranh và đề xuất các chính sách, giải pháp phát triển ngành sản xuất thiết bị điện trong bối cảnh hội nhập/** TS. Vũ Quang Hùng, ThS. Đỗ Văn Long; KS. Tạ Đức Tuấn; ThS. Bùi Thị Phương Lý; CN. Trần Thị Ngọc Diệp; KS. Nguyễn Đức Bảo; CN. Lê Thị Thanh Hải; KS. Trần Ngọc Luân; CN. Trần Minh Phương; CN. Nguyễn Thị Trang - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan làm rõ cơ sở khoa học của việc nâng cao năng lực cạnh tranh ngành sản xuất thiết bị điện; Phân tích, đánh giá hiện trạng năng lực cạnh tranh của ngành sản xuất thiết bị điện. Rà soát một số cơ chế, chính sách; nghiên cứu tiềm năng và lợi thế, cơ hội và thách thức của ngành sản xuất thiết bị điện trong bối cảnh hội nhập. Đề xuất một số giải pháp, chính sách phát triển ngành sản xuất thiết bị điện trong bối cảnh hội nhập.

Số hồ sơ lưu: 17635

**77953. 08-2021. Nghiên cứu đề xuất giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam trong bối cảnh thực thi cam kết về Lao động và Công đoàn trong Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)/**

TS. Lê Huy Khôi, ThS. Hoàng Thị Hương Lan; ThS. Hoàng Trung Hiếu; ThS. Hoàng Thị Vân Anh; CN. Đặng Đức Anh; CN. Tạ Thúy Hạnh; ThS. Nguyễn Tiến Đức; ThS. Phạm Hồng Nhung; CN. Phạm Hồng Lam - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tác động của việc thực thi các cam kết về lao động và công đoàn trong CPTPP đến xuất khẩu nhóm hàng dệt may của Việt Nam; Đánh giá thực trạng đáp ứng các cam kết về lao động và công đoàn trong CPTPP của dệt may Việt Nam; Đề xuất giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam trong bối cảnh thực thi cam kết về lao động và công đoàn trong Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

Số hồ sơ lưu: 17621

### **50299. Kinh tế học và kinh doanh khác**

**78317. 08-2021. Nghiên cứu cơ sở khoa học về các cơ chế tự nguyện, linh hoạt về môi trường nhằm thực thi những cam kết môi trường trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới/** TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hương, TS. Nguyễn Hải Yên; CN. Hoàng Tố Phương; ThS. Lã Đức Nhân; ThS. Hoàng Xuân Huy; TS. Dương Phước Hùng; ThS. Trương Văn Đạt; ThS. Lưu Thị Hương; CN. Nguyễn Thị Tâm; ThS. Trần Phong - Hà Nội - Viện Khoa học Môi trường, 2020 - 06/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về cơ chế tự nguyện, linh hoạt về môi trường, đặc biệt cơ chế được quy định trong các hiệp định thương mại thế hệ mới. Nghiên cứu luận giải các cơ sở lý luận về cơ chế tự nguyện, linh hoạt về môi trường; Làm rõ cơ sở khoa học về cơ chế tự nguyện, linh hoạt về môi trường trong các FTA thế hệ mới. Nghiên cứu tiến hành đánh giá thực trạng áp dụng cơ chế tự nguyện, linh hoạt về môi trường tại Việt Nam từ đó đề xuất các giải pháp và lộ trình triển khai các cơ chế tự nguyện, linh hoạt về môi trường nhằm thực thi những cam kết môi trường trong các FTA thế hệ mới

Số hồ sơ lưu: 18021

78425. 08-2021. **Lựa chọn mô hình và đánh giá tác động của chính sách thuế đối với Kinh tế Xã hội/ PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Linh, TS. Phan Thị Hằng Nga PGS.TS. Hồ Thủy Tiên; TS. Bùi Hữu Phước; ThS. Hồ Thu Hoài; ThS. Bùi Ngọc Toàn; ThS. Trần Xuân Hằng; ThS. Thái Duy Tùng; ThS. Nguyễn Thị Hoa - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài chính - Marketing, 2019 - 08/2018 - 08/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát ý kiến chuyên gia để nhận dạng thêm các vấn đề mới và khắc phục những hạn chế trong các bài nghiên cứu trước, kết hợp với phương pháp nghiên cứu định lượng để có cơ sở đáng tin cậy nhằm đánh giá sự tác động của chính sách thuế đến kinh tế xã hội tại Việt Nam. Dựa trên kết quả nghiên cứu có được, đề xuất kiến nghị hoàn thiện chính sách

thuế góp phần phát triển kinh tế xã hội tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18022

### 503. Khoa học giáo dục

#### 50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..

76777. 08-2021. **Nâng cao năng lực đội ngũ viên chức ngành Bảo hiểm xã hội thông qua việc thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức/ PGS. TS. Nguyễn Văn Định, ThS. Bùi Thị Kim Loan; CN. Trần Sơn; ThS. Dương Mạnh Hùng; ThS. Trương Thị Hoài Trang; ThS. Nguyễn Hồng Đức; ThS. Hoàng Mai Anh; ThS. Vũ Thanh Hà; ThS. Hồ Thanh Tùng - Hà Nội - Vụ Tổ chức Cán bộ, 2018 - 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Cơ sở lý luận thực tiễn chức danh nghề nghiệp viên chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; việc nâng cao năng lực đội ngũ viên chức thông qua việc thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Đánh giá thực trạng đội ngũ viên chức theo từng hạng chức danh nghề nghiệp; yêu cầu về trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức của viên chức đối với từng hạng chức danh nghề nghiệp. Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực đội ngũ viên chức ngành bảo hiểm xã hội thông qua thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 17324

76867. 08-2021. **Phát triển nhân lực chất lượng cao để phát triển bền vững ở Việt Nam/ GS. TS. Đặng Nguyên Anh, PGS. TS. Nguyễn**

Đức Vinh; PGS. TS. Vũ Mạnh Lợi; PGS. TS. Mạc Văn Tiến; PGS. TS. Nguyễn Chí Dũng; PGS. TS. Nguyễn Đức Chiện; TS. Trần Nguyệt Minh Thu; TS. Nghiêm Thị Thủy; ThS. Phạm Ngọc Tân - Hà Nội - Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2019 - 06/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan chiến lược, chính sách về phát triển nhân lực chất lượng cao ở một số quốc gia trong khu vực, rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Đánh giá thực trạng và điều kiện phát triển nhân lực chất lượng cao của Việt Nam. Xác định các lĩnh vực ưu tiên và dự báo nhu cầu về nhân lực chất lượng cao phục vụ tăng trưởng nhanh và bền vững của Việt Nam. Nhiệm vụ sẽ đề xuất một số khuyến nghị khả thi và các giải pháp hiệu quả cho phát triển nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam đáp ứng mục tiêu phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Số hồ sơ lưu: 17343

77314. 08-2021. **Xây dựng mô hình sách giáo khoa và hệ thống tài liệu tham khảo bổ trợ theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông trong giai đoạn mới/ PGS.TS. Phan Doãn Thoại, GS.TS. Nguyễn Minh Thuyết; PGS.TS. Nghiêm Đình Vỳ; PGS.TS. Trần Đức Tuấn; GS.TS. Đỗ Đức Thái; TS. Nguyễn Thị Lan Phương - Hà Nội - Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2020 - 12/2014 - 06/2017. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu xác định một số quan điểm, quan niệm về mô hình sách giáo khoa và tài liệu tham khảo bổ trợ. Xây dựng mô hình sách giáo khoa và tài liệu tham khảo bổ trợ theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông trong giai đoạn mới. Sử dụng mô hình này để xây dựng một số chương, bài ở một số môn học phổ thông ở các cấp khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 17534

77336. 08-2021. **Chương trình đào tạo giáo viên, học giả nghiên cứu cho khu vực Thái Bình Dương - Ứng dụng công nghệ hình ảnh trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập/ GS.TS. Nguyễn Quý Thanh, TS. Phạm Thị Thanh Hải; TS. Tôn Quang Cường; TS. Phạm Kim Chung; TS. Đoàn Nguyệt Linh; TS. Vũ Minh Trang; TS. Nguyễn Thúy Quỳnh; TS. Lã Phương Thúy; CN. Phạm Thị Thanh Hoa - Hà Nội - Trường Đại học Giáo dục, 2019 - 03/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tìm hiểu cơ sở lý luận về sử dụng công nghệ hình ảnh nói riêng, công nghệ thông tin nói chung trong dạy học. Điều tra khảo sát thực trạng để tìm hiểu về mức độ đáp ứng với các công nghệ dạy học của giáo viên và sinh viên sư phạm, từ đó có cơ sở đề xuất các biện pháp, các phương tiện công nghệ trong dạy học. Xây dựng bộ dữ liệu hình ảnh để phục vụ việc thiết kế và biên soạn các chủ đề trong dạy học các môn STEAM. Đề xuất mô hình TPACK trong xây dựng kế hoạch dạy học và thực nghiệm sư phạm để kiểm chứng những biện pháp đã đề xuất.



Số hồ sơ lưu: 17545

77465. 08-2021. **Tổng quan tình hình thanh niên, công tác Hội và phong trào thanh niên giai đoạn 2014 - 2019 và giải pháp đẩy mạnh công tác Hội và phong trào thanh niên giai đoạn 2019 - 2024/** TS. Nguyễn Tường Lâm, ThS. Cao Hồng Hưng; CN. Kiều Mỹ Nhung; CN. Dương Thị Thu Hiền; CN. Đỗ Trung Kiên; CN. Đặng Vũ Tùng; CN. Vũ Thị Quỳnh Hoa; CN. Phạm Đình Hoàng; ThS. Vũ Thị Bích Thảo; ThS. Nguyễn Hữu Tú - Hà Nội - Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng tình hình thanh niên giai đoạn 2014 – 2019, kết quả công tác Hội và phong trào thanh niên giai đoạn 2014 – 2019; rút ra những hạn chế, tồn tại và những bài học kinh nghiệm. Đề xuất, phân tích những giải pháp đẩy mạnh công tác Hội và phong trào thanh niên nhiệm kỳ 2019 – 2024 và một số khuyến nghị nhằm hiện thực hóa và thực hiện tốt hơn những giải pháp đã đề xuất.

Số hồ sơ lưu: 17616

77854. 08-2021. **Đổi mới hoạt động giảng dạy và đánh giá kết quả học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực pháp luật của Trường Đại học Luật Hà Nội/** PGS.TS. Bùi Đăng Hiếu, ThS. Phạm Thị Hằng; PGS.TS. Nguyễn Thị Quế Anh; TS. Tôn Quang Cường; TS. Nguyễn Bá Bình; PGS.TS. Trần Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Đức Ngọc; TS. Nguyễn Minh Oanh; CN. Vũ Hồng Cường - Hà Nội - Trường Đại học

Luật Hà Nội, 2018 - 01/2017 - 07/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ bản chất của hoạt động giảng dạy và hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học trong đào tạo đại học. Nghiên cứu hệ thống các luận điểm khoa học về bản chất của hoạt động giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học trong đào tạo đại học. Kinh nghiệm giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học định hướng tiếp cận năng lực của người học tại một số cơ sở đào tạo pháp luật trong và ngoài nước. Khảo sát hiện trạng giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học tại Trường Đại học Luật Hà Nội. Xác định nhu cầu và các yêu cầu đổi mới hoạt động giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học. Đề xuất hệ thống các giải pháp mang tính đồng bộ nhằm đổi mới hoạt động giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học theo định hướng tiếp cận năng lực của người học của Trường Đại học Luật Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 17791

77855. 08-2021. **Sử dụng án lệ trong hoạt động đào tạo cán bộ pháp luật, tư pháp ở Việt Nam hiện nay/** TS. Nguyễn Bá Bình, ThS. Nguyễn Thị Anh Thơ; TS. Hoàng Xuân Châu; ThS. Nguyễn Hùng Cường; GS.TS. Nguyễn Bá Diên; ThS. Nguyễn Đức Lam; TS. Nguyễn Thanh Tâm; TS. Đồng Thị Kim Thoa; TS. Nguyễn Văn Nam - Hà Nội - Trường Đại học Luật Hà Nội, 2018 - 01/2017 - 07/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định nội hàm khái niệm án lệ và vai trò của án lệ với tư cách là

một nguồn luật. Cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn của việc đưa án lệ vào chương trình đào tạo cán bộ pháp luật, tư pháp tại các cơ sở đào tạo luật của Việt Nam. Đánh giá vai trò của việc sử dụng án lệ trong đào tạo cán bộ pháp luật, tư pháp tại các cơ sở đào tạo luật của Việt Nam, nhất là tại Trường Đại học Luật Hà Nội (tại sao sử dụng án lệ trong đào tạo? việc sử dụng án lệ ở từng bậc đào tạo luật như thế nào? những thuận lợi, khó khăn, lợi ích và tác động có thể có khi sử dụng án lệ trong đào tạo luật?). Đề xuất định hướng, giải pháp cụ thể đối với việc sử dụng án lệ trong đào tạo cán bộ pháp luật, tư pháp tại các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam, nhất là tại Trường Đại học Luật Hà Nội với tư cách là trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật.

Số hồ sơ lưu: 17789

77952. 08-2021. **Đổi mới giáo dục chính trị cho sinh viên các trường đại học hiện nay/** TS. Phạm Thị Hằng, ThS. Mai Thị Vũ Hương; PGS. TS. Vũ Hồng Tiến; TS. Hồ Kim Hương; TS. Trần Thị Thúy Ngọc; ThS. Hoàng Thị Ngân; ThS. Trần Thị Yên; ThS. Phạm Thanh Hằng; ThS. Nguyễn Hoàng Ngân - Hà Nội - Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ những vấn đề lý luận về đổi mới giáo dục chính trị cho sinh viên, trên cơ sở đó đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục đổi mới giáo dục chính trị cho sinh viên các trường đại học hiện nay. Nghiên cứu cơ sở lý luận về đổi mới giáo dục cho sinh viên. Phân tích

thực trạng đổi mới giáo dục chính trị cho sinh viên hiện nay, thành tựu, hạn chế của đổi mới giáo dục chính trị cho sinh viên. Đề xuất một số giải pháp tiếp tục đổi mới giáo dục chính trị cho sinh viên.

Số hồ sơ lưu: 17615

### **50302. Giáo dục chuyên biệt**

78314. 08-2021. **Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp huyện/** ThS. Phạm Xuân Thu, ThS. Phan Thị Hằng; TS. Nguyễn Đức Hồ; TS. Trần Việt Đức; ThS. Phí Mạnh Thắng; ThS. Lê Thị Thảo; ThS. Đào Trọng Độ; ThS. Nguyễn Hải Cường; ThS. Trần Quốc Huy - Hà Nội - Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về mô hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) cấp huyện: xác định vị trí, vai trò của các cơ sở GDNN cấp huyện; chức năng, nhiệm vụ của các cơ sở GDNN cấp huyện; những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các cơ sở GDNN cấp huyện; các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động cơ sở GDNN cấp huyện và kinh nghiệm của một số nước về quản trị cơ sở GDNN. Đánh giá thực trạng hiệu quả hoạt động của các cơ sở GDNN cấp huyện (hiệu quả trong, hiệu quả ngoài), cơ chế, chính sách về phát triển cơ sở GDNN; đánh giá những ưu điểm và hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế trong công tác đảm bảo hiệu quả hoạt động tại các cơ sở GDNN cấp huyện. Đề xuất mục tiêu, giải pháp nâng cao hiệu quả

hoạt động của các cơ sở GDNN cấp huyện.

Số hồ sơ lưu: 18025

### **50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác**

77338. 08-2021. **Nghiên cứu chế tạo giáo cụ trực quan phục vụ giảng dạy STEM bằng công nghệ in 3D/** TS. Nguyễn Anh Tuấn, TS. Đặng Thị Thanh Thủy; TS. Bùi Hồng Vân; ThS. Trần Trọng Đức; ThS. Nguyễn Thị Huệ; ThS. Soái Công Doanh - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2019 - 01/2018 - 01/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Lắp ráp thử nghiệm các máy in 3D FDM cỡ nhỏ sử dụng những linh kiện sẵn có trên thị trường. Tiến hành in thử, khảo sát ảnh hưởng của các thông số vận hành máy in đến chất lượng bản in cuối. Rút ra quy trình từ thiết kế đến hoàn thiện sản phẩm cuối phục vụ việc in ra các giáo cụ trực quan sử dụng trong giảng dạy STEM. Thực hiện việc chế tạo các giáo cụ trực quan giảng dạy STEM, cùng với việc chế tạo nhanh các thiết bị hỗ trợ thí nghiệm vật lý xuất phát từ nhu cầu thực tế. Đưa ra sáng chế nhằm cải tiến kỹ thuật in 3D FDM dựa trên những kinh nghiệm vận hành thực tế.

Số hồ sơ lưu: 17549

### **504. Xã hội học**

#### **50404. Dân tộc học**

77603. 08-2021. **Bảo đảm quyền của các dân tộc thiểu số ở nước ta trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế/** PGS. TS. Lê Văn Lợi, TS. Nguyễn Duy Sơn;

PGS.TS. Vũ Công Giao; TS. Vũ Trường Giang; TS. Trần Thị Thu Hiền; TS. Trần Thị Hòe; PGS.TS. Tường Duy Kiên; PGS.TS. Nguyễn Thị Ngân; PGS.TS. Phạm Minh Tuấn; PGS.TS. Trần Trung - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2020 - 06/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ hiệu quả, tác động thực hiện chính sách, pháp luật bảo đảm quyền của các dân tộc thiểu số nước ta từ đổi mới đến nay. Phân tích đánh giá rõ thực trạng và những vấn đề đặt ra trong việc bảo đảm quyền của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam từ đổi mới đến nay. Cung cấp những luận cứ khoa học, góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm quyền của các dân tộc thiểu số ở nước ta.

Số hồ sơ lưu: 17689

78568. 08-2021. **Biến đổi văn hóa các dân tộc thiểu số - những vấn đề đặt ra và giải pháp trong thời gian tới/** PGS.TS. Nguyễn Thị Song Hà, TS. Võ Thị Mai Phương; PGS.TS. Lê Ngọc Thắng; PGS.TS. Bùi Văn Đạo; PGS.TS. Đặng Thị Hoa; PGS.TS. Đoàn Minh Huân; TS. Đậu Tuấn Nam; PGS.TS. Bùi Nguyên Khánh; PGS.TS. Hồ Việt Hạnh; TS. Nguyễn Quỳnh Trâm; ThS. Trần Minh Đức; TS. Vi Văn An; TS. Nguyễn Thắm Thu Hà; TS. Phạm Quang Linh; ThS. Phan Lan Hương; TS. Nguyễn Đình Phúc; ThS. Bùi Lê Anh; ThS. Nguyễn Mai Hương; ThS. Nguyễn Văn Phong; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Mai - Hà Nội - Học viện

Khoa học xã hội, 2020 - 06/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nhận diện sự biến đổi của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam thời kỳ đổi mới; làm rõ những nhân tố tác động đến biến đổi văn hóa của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam; xu hướng biến đổi của văn hóa của các dân tộc thiểu số, những vấn đề đang đặt ra; bước đầu làm rõ hiệu quả, tác động của các chính sách văn hóa góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các DTTS; đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 18064

**50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội**

77507. 08-2021. **Hoạt động khuyến học ở Việt Nam giai đoạn 1075-1919: Nghiên cứu và khai thác giá trị phục vụ việc khuyến học hiện nay/** TS. Nguyễn Hữu Mùi, TS. Phạm Văn Thắm; ThS. Đặng Anh Vân; ThS. Lê Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Yến; CN. Vũ Việt Bằng; CN. Nguyễn Văn Thanh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2017 - 10/2013 - 10/2015. (Đề tài cấp Quốc gia)

Từ góc độ của nghiên cứu Lịch sử / Dân tộc học đánh giá vị trí, vai trò của tri thức và kinh nghiệm trong hoạt động khuyến học trước đây. Nghiên cứu, khai thác các tri thức và kinh nghiệm của người Việt Nam trong lịch sử từ hoạt động khuyến học

trên hai phương diện là khuyến học bằng vật chất và khuyến học bằng tinh thần. Đề xuất một số kiến nghị và giải pháp vào hoạt động khuyến học khuyến tài trong giai đoạn hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 17639

77543. 08-2021. **Sự xung đột giữa quyền con người và quyền sở hữu trí tuệ: Tiếp cận từ triết lý pháp luật và thực tiễn pháp lý/** TS. Trần Kiên, TS. Nguyễn Thị Phương Châu; PGS.TS. Nguyễn Thị Quê Anh; PGS.TS. Ngô Huy Cường; PGS.TS. Võ Trí Hào; TS. Nguyễn Bích Thảo; ThS. Nguyễn Quang Duy - Hà Nội - Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019 - 11/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khái quát và phân tích các triết lý pháp luật căn bản về quyền con người và quyền sở hữu trí tuệ. Tìm hiểu, so sánh các quy định pháp luật, các mô hình pháp luật về quyền con người và sở hữu trí tuệ trên thế giới. Thu thập, phân tích các bản án, quyết định tiêu biểu của các cơ quan có thẩm quyền của các nước trên thế giới về quyền con người và quyền sở hữu trí tuệ. Nêu và phân tích các hướng tiếp cận và giải quyết xung đột giữa quyền con người và quyền sở hữu trên cả lý thuyết và thực tế.

Số hồ sơ lưu: 17661

77849. 08-2021. **Mạng xã hội trong bối cảnh phát triển xã hội thông tin ở Việt Nam/** PGS.TS. Phạm Huy Kỳ, PGS.TS. Đỗ Thị Thu Hằng; PGS.TS. Trương Ngọc Nam; PGS.TS. Nguyễn Thế Kỳ; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Oanh; PGS.TS. Hoàng Anh; PGS.TS. Phan Bá Toàn; TS.



Cao Minh Thắng; ThS. Phạm Thị Mai Liên - Hà Nội - Học viện Báo chí và Tuyên truyền, 2019 - 11/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn về mạng xã hội và những yêu cầu, thách thức về quản lý thông tin, truyền thông trên mạng xã hội trong bối cảnh phát triển xã hội thông tin ở Việt Nam. Khảo sát thực trạng tham gia và sử dụng mạng xã hội, thực trạng phát triển các hoạt động thông tin, truyền thông trên mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay. Dự báo xu hướng phát triển mạng xã hội ở Việt Nam, xác định những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý thông tin, truyền thông trên mạng xã hội ở Việt Nam giai đoạn hiện nay. Đề xuất hệ thống giải pháp và mô hình quản lý thông tin, truyền thông trên mạng xã hội trong bối cảnh phát triển xã hội thông tin ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 17788

**78305. 08-2021. Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng mô hình bảo hiểm xã hội tại Việt Nam theo định hướng cải cách chính sách bảo hiểm xã hội giai đoạn 2020-2030/** ThS. Vũ Hải Nam, ThS. Nguyễn Thị Hà; ThS. Nguyễn Thị Diệu Hồng; ThS. Phạm Trọng Cường; TS. Nguyễn Thùy Linh; ThS. Bùi Quốc Anh; ThS. Lưu Quang Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Giang; ThS. Vũ Phạm Dũng Hà; PGS.TS. Nguyễn Văn Định - Hà Nội - Vụ Bảo hiểm xã hội, 2020 - 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ lý luận chung về mô hình bảo hiểm xã hội (BHXH) trong kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; Tổng quan làm rõ xu hướng quốc tế về phát triển mô hình BHXH; Đánh giá thực trạng mô hình hiện nay ở Việt Nam; Đánh giá tác động của các cải cách mô hình BHXH tại Việt Nam. Đề xuất các khuyến nghị xây dựng mô hình BHXH tại Việt Nam theo định hướng cải cách chính sách BHXH giai đoạn 2020-2030.

Số hồ sơ lưu: 18015

**78325. 08-2021. Mô hình phát triển Thể dục thể thao Quần chúng ở miền núi/** PGS.TS. Đỗ Hữu Trường, TS. Mai Thị Bích Ngọc; TS. Phạm Thế Vượng; TS. Phạm Đức Toàn; TS. Trần Anh Vương; TS. Nguyễn Ngọc Anh; TS. Trần Văn Trường; TS. Trương Đức Thăng; TS. Phạm Tuấn Dũng; TS. Vũ Quỳnh Như - Bắc Ninh - Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng phát triển thể dục thể thao (TDTT) quần chúng ở miền núi trên cơ sở khảo sát phong trào TDTT tại khu vực miền núi thuộc 7 tỉnh đại diện cho 3 miền: miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Xây dựng mô hình vĩ mô quản lý TDTT quần chúng ở miền núi và mô hình phát triển TDTT quần chúng ở miền núi gắn với văn hóa truyền thống. Tiến hành xác định các điều kiện để triển khai mô hình phát triển TDTT quần chúng ở miền núi trên cơ sở nhóm điều kiện về chính sách, nhóm điều kiện về nguồn lực. Xây dựng định hướng triển khai mô hình theo giai đoạn 5 năm và kế hoạch chi tiết triển

khai năm 2020-2025. Xác định các biện pháp hỗ trợ triển khai của các cơ quan và tổ chức có liên quan và đặc biệt, lựa chọn và xây dựng nội dung các giải pháp triển khai mô hình phát triển TDDT quần chúng ở miền núi thuộc 4 nhóm: Nhóm giải pháp về chính sách, nhóm giải pháp về tuyên truyền, nhóm giải pháp về nguồn lực và nhóm giải pháp về đa dạng hóa các hoạt động TDDT quần chúng.

Số hồ sơ lưu: 18017

### 505. Pháp luật

77812. 08-2021. **Xác định những định hướng chính sách lớn phục vụ cho việc xây dựng Luật Thừa phát lại/** TS. Dương Thị Thanh Mai, TS. Nguyễn Đức Chính; TS. Lưu Bình Nhưỡng; TS. Nguyễn Minh Khuê; ThS. Mai Lương Khôi; ThS. Trần Thị Nga; ThS. Phan Thị Bình Thuận; ThS. Kiều Thị Hảo; ThS. Ngô Thanh Xuyên; CN. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Đinh Công Tuấn - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2018 - 03/2016 - 09/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ bối cảnh, sự cần thiết và yêu cầu đặt ra đối với việc xây dựng, ban hành Luật Thừa phát lại (TPL) trong tiến trình cải cách tư pháp và cải cách hành chính ở Việt Nam. Xác định những vấn đề chính thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật TPL. Đề xuất định hướng chính sách, các giải pháp chính sách chủ yếu để giải quyết các vấn đề đó nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của TPL với tính chất là một nghề dịch vụ pháp lý phù hợp với bối cảnh chính trị, phát triển kinh tế-xã hội ở Việt Nam hiện nay. Đề xuất cơ cấu nội dung, kỹ thuật lập pháp và

hướng xử lý mối quan hệ giữa luật TPL với các luật liên quan trong hệ thống pháp luật hiện hành.

Số hồ sơ lưu: 17773

77835. 08-2021. **Quyền tự do kinh doanh và bảo đảm quyền tự do kinh doanh theo Hiến pháp năm 2013/** ThS. Lê Thị Hoàng Thanh, CN. Nguyễn Mai Trang; TS. Nguyễn Văn Cương; TS. Nguyễn Am Hiểu; TS. Nguyễn Thanh Tú; TS. Trần Thị Quang Hồng; ThS. Đỗ Thị Thúy Hằng; ThS. Lê Thị Thúy Nga; CN. Lưu Thị Phấn; CN. Đinh Văn Linh; CN. Bùi Thị Phương Anh; PGS.TS. Dương Đăng Huệ - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2017 - 03/2016 - 03/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Nêu một số vấn đề lý luận cơ bản về quyền tự do kinh doanh. Thực trạng pháp luật Việt Nam về quyền tự do kinh doanh và bảo đảm quyền tự do kinh doanh. Thực trạng thi hành pháp luật các quyền cơ bản đảm bảo quyền tự do kinh doanh và thực tiễn thi hành vai trò của các cơ quan, tổ chức trong việc đảm bảo thực hiện quyền tự do kinh doanh của công dân. Đề xuất yêu cầu, giải pháp hoàn thiện, tổ chức thi hành hệ thống pháp luật đảm bảo quyền tự do kinh doanh ở nước ta trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 17780

77839. 08-2021. **Hiến pháp năm 2013 và sự phát triển tư tưởng về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam/** PGS.TS. Tô Văn Hòa, PGS.TS. Nguyễn Thị Hòì; PGS.TS. Hoàng Thế Liên; GS.TS. Thái Vĩnh Thắng; TS. Trần Thái Dương; TS. Đoàn Thị Tố Uyên; TS.

Nguyễn Văn Hiền; TS. Hoàng Minh Hiếu; ThS. Mai Thị Mai; ThS. Thái Thị Thu Trang; TS. Hoàng Ly Anh; CN. Nguyễn Thu Hường - Hà Nội - Trường Đại học Luật Hà Nội, 2017 - 03/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định, phân tích, làm rõ và đánh giá những nội dung mang tính phát triển trong tư tưởng nhà nước pháp quyền XHCN của Việt Nam thể hiện qua các quy định của Hiến pháp năm 2013 và những vấn đề lớn như: Tính thượng tôn của hiến pháp, pháp luật; Tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước và giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước; Thực thi quyền làm chủ của nhân dân. Đối chiếu, so sánh để khẳng định những điểm tương đồng trong tư tưởng về nhà nước pháp quyền ở Việt Nam, thể hiện qua Hiến pháp 2013, so với quan điểm hiện đại trên thế giới về nhà nước pháp quyền, đồng thời cũng khẳng định những điểm khác biệt phù hợp với đặc thù của Việt Nam. Bổ sung và hoàn thiện thêm lý luận về nhà nước pháp quyền XHCN của Việt Nam, góp phần bảo đảm xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17787

77856. 08-2021. **Các khía cạnh pháp lý của tiền ảo: Thực tiễn các nước và một số kinh nghiệm cho Việt Nam/** TS. Nguyễn Minh Oanh, ThS. Nguyễn Văn Hối; PGS.TS. Phùng Trung Tập; TS. Nguyễn Minh Tuấn; TS. Vương Thanh Thúy; ThS. Kiều Thị Thùy Linh; TS. Hà Công Anh Bảo; TS. Trần Văn Biên; ThS. Chu Thị Lam Giang; ThS. Lê Thị Giang; ThS. Nguyễn Huy Hoàng

Nam - Hà Nội - Trường Đại học Luật Hà Nội, 2018 - 01/2017 - 07/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan vấn đề lý luận về pháp lý của tiền ảo. Thực trạng pháp luật và thực tiễn về tiền ảo ở Việt Nam, thực trạng và thực tiễn về tiền ảo, kinh nghiệm pháp luật của một số nước phát triển và các nước trong khu vực về tiền ảo từ đó rút ra kinh nghiệm phù hợp có khả năng ứng dụng ở Việt Nam. Trên cơ sở đó đề xuất những khuyến nghị hoàn thiện các chính sách, pháp luật về tiền ảo tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17790

### 50501. Luật học

77464. 08-2021. **Vấn đề xâm hại trẻ em trên môi trường mạng ở Việt Nam hiện nay- Hình thức, nguy cơ và giải pháp phòng ngừa/** TS. Bùi Phương Thanh, ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh; ThS. Nguyễn Duy Hiệp; ThS. Trần Thị Thu Ngân; ThS. Phạm Ngọc Thúy Hằng; ThS. Nguyễn Thị Dinh; ThS. Trần Quang Thái; ThS. Ngô Thị Hoàng Liên; ThS. Phạm Nguyễn Duy Trang - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý luận làm rõ thực trạng về các hình thức xâm hại trẻ em trên môi trường mạng, phân tích các yếu tố nguy cơ dẫn đến xâm hại trẻ em trên môi trường mạng hiện nay nhằm đề xuất một số giải pháp phòng ngừa xâm hại trẻ em trên môi trường mạng ở Việt Nam trong thời gian tới. Hệ thống hóa một số khái niệm về trẻ em, xâm hại trẻ em, môi trường

mạng, xâm hại trẻ em trên môi trường mạng và một số lý thuyết nghiên cứu như lý thuyết Sử dụng và sự hài lòng, lý thuyết tương tác xã hội, thuyết hành vi nhằm thiết kế nghiên cứu và lựa chọn phương pháp nghiên cứu về xâm hại trẻ em trên môi trường mạng hiện nay. Mô tả thực trạng các hình thức xâm hại trẻ em trên môi trường mạng. Phân tích các yếu tố nguy cơ xâm hại trẻ em trên môi trường mạng. Đề xuất một số giải pháp phòng ngừa xâm hại trẻ em trên môi trường.

Số hồ sơ lưu: 17617

77474. 08-2021. **Luận cứ Khoa học cho việc hình thành và phát triển Thị trường mua bán nợ của doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng của Việt Nam/** PGS. TS. Đào Văn Hùng, TS. Đào Hoàng Tuấn; PGS. TS. Nguyễn Thị Minh Huệ; PGS. TS. Trần Thị Thanh Tú; TS. Phạm Minh Tú; TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy; TS. Nguyễn Thị Nhung; TS. Phùng Thế Đông; ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh; TS. Trần Thị Vân Anh; TS. Cán Văn Lục; ThS. Nguyễn Ngọc Trâm; ThS. Trần Thị Diệu Hương; ThS. Nguyễn Tiến Đạt; PGS. TS. Trần Đăng Khâm; TS. Đỗ Hồng Nhung; ThS. Mai Văn Sáu; TS. Phạm Mỹ Hằng Phương; ThS. Lê Hoàng Anh; PGS. TS. Đặng Ngọc Đức; TS. Đỗ Hương Lan; TS. Lương Văn Khôi; TS. Nguyễn Đức Kiên - Hà Nội - Học viện Chính sách và Phát triển, 2019 - 07/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thông nhất nhận thức về những vấn đề lý luận về sự cần thiết, các điều kiện cần và đủ, các nhân tố ảnh

hưởng/tác động đến sự hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ nói chung và thị trường mua bán nợ của doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng (TCTD) nói riêng trong nền kinh tế thị trường. Đánh giá thực trạng nợ và mua bán nợ của doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng của Việt Nam hiện nay, những hạn chế, nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, cũng như tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến việc hình thành thị trường mua bán nợ của các doanh nghiệp và các TCTD của Việt Nam. Đề xuất quan điểm, giải pháp và điều kiện hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ các doanh nghiệp và các TCTD của Việt Nam thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 17627

77832. 08-2021. **Xác định những định hướng chính sách lớn phục vụ việc sửa đổi, bổ sung Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước/** TS. Nguyễn Mạnh Cường, ThS. Trần Thu Trang; ThS. Nguyễn Văn Bốn; ThS. Trần Việt Hưng; ThS. Lê Thái Phương; ThS. Trần Minh Trọng; TS. Nguyễn Quang Thái; TS. Mai Anh Thông; PGS.TS. Trần Thị Huệ; PGS.TS. Vũ Thị Hải Yến; ThS. Đỗ Thị Thúy Hằng; CN. Dương Thu Hương; CN. Trần Xuân Tùng; CN. Bùi Phương Anh - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2017 - 03/2016 - 09/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá các quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành để tìm ra những điểm hạn chế, bất cập cần sửa đổi, bổ sung. Đánh giá thực trạng tổ chức thi hành và áp dụng Luật Trách nhiệm



bồi thường của Nhà nước trong thời gian qua. Nhận diện những hành vi của người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án. Phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong giải quyết yêu cầu bồi thường của Nhà nước đối với hoạt động quản lý hành chính, hoạt động tố tụng và hoạt động thi hành án. Đưa ra được những định hướng, chính sách lớn phục vụ cho việc sửa đổi, bổ sung Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Hình thành những luận điểm cho việc tổ chức thi hành, áp dụng pháp luật đối với Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

Số hồ sơ lưu: 17779

77834. 08-2021. **Nâng cao hiệu quả công tác pháp chế đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền/** TS. Trần Văn Đạt, TS. Chu Mạnh Hùng; TS. Hoàng Xuân Châu; TS. Đoàn Thị Tố Uyên; ThS. Đỗ Thị Thanh Hương; TS. Lê Thị Kim Dung; CN. Nguyễn Thanh Hương - Hà Nội - Trường Đại học Luật Hà Nội, 2017 - 03/2016 - 09/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về pháp chế, công tác pháp chế, Nhà nước pháp quyền, những yêu cầu chung của Nhà nước pháp quyền, cũng như những yêu cầu của Nhà nước pháp quyền về công tác pháp chế. Phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách hệ thống các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các quy định của pháp luật Việt Nam qua các thời kỳ và các quy định hiện hành về công tác pháp chế. Đánh giá thực trạng công tác pháp chế tại Việt Nam, những tồn tại hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân của những

tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc; phân tích và xác định rõ những yêu cầu đặt ra đối với công tác pháp chế trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Đề xuất nguyên tắc, định hướng, lộ trình cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tiễn, hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác pháp chế, đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17778

### **50502. Tội phạm học**

77505. 08-2021. **Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong hoạt động Tư pháp phục hồi đối với thanh thiếu niên vi phạm pháp luật/** ThS. Nguyễn Tuấn Dũng, ThS. Trần Thị Thu Ngân; TS. Đỗ Thị Thu Hằng; ThS. Đặng Văn Nhân; ThS. Bùi Đình Cầu; CN. Trần Nam Trung; TS. Đỗ Thị Tuyết; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang; ThS. Cao Thị Hồng Minh; CN. Đặng Quang Hưng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát các vấn đề lý luận và thực tiễn về tư pháp phục hồi, kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới về mô hình tư pháp phục hồi và những mô hình mang tư tưởng tư pháp phục hồi ở Việt Nam. Phân tích cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý của hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ, bảo vệ quyền lợi cho thanh thiếu niên vi phạm pháp luật của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Phân tích, đánh giá thực trạng thanh thiếu niên vi phạm pháp luật; các hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh mang tư tưởng tư pháp phục hồi hỗ trợ, giúp đỡ thanh thiếu

niên vi phạm pháp luật. Đưa ra những giải pháp, khuyến nghị cụ thể về tổ chức và hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cũng như hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức đoàn tham gia tư pháp phục hồi cho thanh thiếu niên vi phạm pháp luật.

Số hồ sơ lưu: 17633

### **50599. Các vấn đề pháp luật khác**

77551. 08-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ/** ThS. Nguyễn Thanh Thủy, ThS. Nguyễn Thị Mai Hương; ThS. Nghiêm Thanh Hải; KS. Nguyễn Quốc Tuấn; ThS. Đỗ Hồng Giang; ThS. Phạm Thị Phương Thảo; KS. Trần Đức Thái; CN. Đỗ Thanh Tùng; ThS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Trần Quốc Quân - Hà Nội - Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, thay thế các nội dung chưa phù hợp với quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN, Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN, Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN. Nghiên cứu, bổ sung các quy định về quản lý chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ theo đúng quy định tại

Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP. Xây dựng dự thảo Thông tư quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP, nhằm thống nhất, đồng bộ và tinh gọn hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, khả thi trong quá trình triển khai thực hiện.

Số hồ sơ lưu: 17671

### **506. Khoa học chính trị**

#### **50601. Khoa học chính trị**

76767. 08-2021. **Chiến lược biển của một số quốc gia trên thế giới và gợi ý chính sách cho Việt Nam/** PGS. TS. Bùi Nhật Quang, TS. Kiều Thanh Nga; PGS. TS. Trần Thị Lan Hương; TS. Nguyễn Thủy Lan; TS. Phạm Sỹ An; TS. Phạm Anh Tuấn; TS. Nguyễn Xuân Cường; TS. Hoàng Xuân Trung - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2019 - 04/2018 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ các khái niệm, đặc điểm về chiến lược biển, mối quan hệ giữa chiến lược biển và sức mạnh quốc gia trên biển. Phân tích vai trò của biển đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia châu Á. Nghiên cứu, đánh giá vị trí địa chiến lược biển, sự hình thành, nội dung chiến lược biển và việc thực hiện chiến lược biển của các quốc gia Nhật Bản, Ấn Độ và Philippines. Phân tích, đánh giá những lợi thế và thách thức về không gian biển của Việt Nam, những kết quả và hạn chế trong thực hiện chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020,

làm cơ sở để đề xuất kiến nghị chính sách. Nghiên cứu rút ra các bài học kinh nghiệm và gợi ý chính sách cho Việt Nam từ kinh nghiệm của Nhật Bản, Ấn Độ và Philippines.

Số hồ sơ lưu: 17318

77562. 08-2021. **Văn hóa chính trị Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế/** GS. TSKH. Phan Xuân Sơn, TS.Nguyễn Thị Thanh Dung; GS.TS.Nguyễn Văn Huyền; PGS.TS.Lưu Văn Quảng; TS.Lê Thị Thu Mai - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2020 - 01/2016 - 09/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ về mặt lý luận và nhận thức tính tất yếu khách quan và sự tác động của bối cảnh hội nhập trên hai mặt tích cực và tiêu cực đến văn hóa chính trị Việt Nam, mặt khác làm rõ vai trò của văn hóa chính trị của Việt Nam trong định hình những giá trị và chuẩn mực chung của hội nhập quốc tế. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng biến đổi văn hóa chính trị Việt Nam nói chung, trong bối cảnh hội nhập quốc tế nói riêng, đề xuất những quan điểm, giải pháp nhằm phát huy những yếu tố tích cực, loại bỏ những yếu tố tiêu cực, tiếp biến những giá trị văn hóa tiên bộ của nhân loại, xây dựng văn hóa chính trị Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 17680

78297. 08-2021. **Nhân tố Mỹ trong quan hệ Việt - Trung và gợi ý chính sách cho Việt Nam thời kỳ sau chiến tranh lạnh/** TS. Nguyễn Thị Phương Hoa, GS.TS. Đỗ Tiến Sâm; PGS.TS. Hoàng Khắc Nam;

TS.Lê Khương Thùy; ThS. Chu Thùy Liên; ThS. Trần Lê Minh Trang; ThS. Trần Thị Hải Yến - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Trung Quốc, 2018 - 12/2014 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ vai trò, vị trí của nhân tố Mỹ trong cấu trúc quyền lực quốc tế cũng như chiến lược, chính sách của Mỹ đối với khu vực, Việt Nam, Trung Quốc, mối quan hệ tương tác giữa Mỹ và Trung Quốc, Việt Nam trong tam giác quan hệ Mỹ - Trung - Việt dưới sự tác động của chiến lược, chính sách này. Làm rõ vị trí, vai trò của nhân tố Mỹ đối với quan hệ Việt - Trung, đặc biệt trong thời kỳ từ sau Chiến tranh lạnh đến nay. Nêu rõ sự chuyển biến, diễn tiến của quan hệ Việt - Trung dưới tác động của nhân tố Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh đến nay, đặc biệt từ năm 2009-2016. Từ những so sánh, đánh giá về vị trí, vai trò tác động của nhân tố Mỹ trong hai giai đoạn trên, đề tài rút ra kết luận và khuyến nghị để các nhà hoạch định chiến lược có thể hạn chế tác động từ nhân tố Mỹ, từ quan hệ Mỹ - Trung, tận dụng cơ hội để phát triển song song quan hệ Việt - Mỹ và quan hệ Việt - Trung trong giai đoạn hiện nay và sau này.

Số hồ sơ lưu: 18026

### **50602. Hành chính công và quản lý hành chính**

77040. 08-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn và đề xuất giải pháp thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai ở Việt Nam/** ThS. Đinh Thu Trang, KS. Tô Ngọc

Vũ; ThS. Phạm Thị Minh Thủy; ThS. Nguyễn Thị Lý; CN. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh; ThS. Lưu Lê Hương; ThS. Phạm Kim Long; ThS. Nguyễn Mạnh Tường; ThS. Nguyễn Văn Chiến; ThS. Nguyễn Minh Khoa - Hà Nội - Viện Chiến lược, Chính sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2019 - 07/2016 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về thủ tục hành chính và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai. Đánh giá thực trạng việc cải cách thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất đai ở Việt Nam. Đề xuất các giải pháp thúc đẩy việc cải cách thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất đai trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Đề xuất cải cách quy trình thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất đai.

Số hồ sơ lưu: 17352

**77317. 08-2021. Đánh giá mô hình và hiệu quả đầu tư của Nhà nước cho dịch vụ công thiết yếu trong thời gian qua và đề xuất mô hình, giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà nước cho dịch vụ công thiết yếu đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035/ PGS.TS. Nguyễn Vĩnh Thanh, PGS.TS. Hoàng Văn Hoan; TS. Nguyễn Mạnh Hải; PGS.TS. Hồ Đình Bảo; PGS.TS. Ngô Tuấn Nghĩa; TS. Trần Hoàng Long; TS. Nguyễn Phương Bắc; TS. Đoàn Văn Dũng; TS. Hoàng Đình Minh; TS. Trương Bảo Thanh - Hà Nội - Học viện chính trị khu vực I, 2020 - 09/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Hệ thống hóa làm rõ cơ sở lý luận về mô hình và hiệu quả đầu tư

của Nhà nước cho dịch vụ công thiết yếu. Phân tích kinh nghiệm quốc tế về đầu tư và nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà nước cho các dịch vụ công thiết yếu, từ đó, rút ra các bài học cho Việt Nam. Đánh giá thực trạng đầu tư và đánh giá hiệu quả đầu tư của Nhà nước cho dịch vụ công thiết yếu theo các tiêu chí và đánh giá tổng quát làm rõ các thành công, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế. Phân tích thực trạng các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của Nhà nước cho dịch vụ công thiết yếu. Đề xuất quan điểm, định hướng đổi mới mô hình và giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà nước cho dịch vụ công thiết yếu trong giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

Số hồ sơ lưu: 17533

**77563. 08-2021. Nhà nước kiến tạo phát triển qua mô hình một số nước và kinh nghiệm đối với Việt Nam/ TS. Nguyễn Thị Thanh Dung, TS.Ngô Huy Đức; TS.Bùi Việt Hương; TS.Lê Thị Thu Mai; PGS.TS.Lại Quốc Khánh; GS.TSKH.Phan Xuân Sơn - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2020 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)**

Làm rõ những vấn đề lý luận về nhà nước kiến tạo phát triển: khái niệm, nguồn gốc, đặc điểm, bối cảnh mới và những thách thức đối với nhà nước kiến tạo phát triển. Khảo sát mô hình nhà nước kiến tạo phát triển qua một số nước điển hình để tìm thấy những giá trị gợi mở cho quá trình xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển ở Việt Nam. Đề xuất một số giải



pháp nhằm xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17679

77602. 08-2021. **Đổi mới quản lý nhà nước về quan hệ lao động/** CN. Lê Xuân Thành, ThS. Bùi Ngọc Mạnh; TS. Nguyễn Duy Phúc; ThS. Nguyễn Huyền Lê; TS. Nguyễn Văn Bình; CN. Phạm Thị Minh Nguyệt; ThS. Vũ Hữu Tuyên; TS. Nguyễn Thị Hồng; CN. Nguyễn Thị Phương Nga; ThS. Bùi Quốc Anh - Hà Nội - Cục Quan hệ lao động và Tiền lương, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý nhà nước về quan hệ lao động trong thời gian qua. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp, lộ trình và điều kiện thực hiện đổi mới quản lý nhà nước về quan hệ lao động ở nước ta. Hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý nhà nước về quan hệ lao động; Tổng quan kinh nghiệm quốc tế về quản lý nhà nước về quan hệ lao động; Thực trạng quản lý nhà nước về quan hệ lao động ở Việt Nam; Đề xuất các giải pháp, lộ trình và điều kiện thực hiện đổi mới quản lý nhà nước về quan hệ lao động.

Số hồ sơ lưu: 17692

77786. 08-2021. **Xây dựng tiêu chí, mô hình, quy trình và phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với các dịch vụ công thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tư pháp/** TS. Nguyễn Quốc Hoàn, CN. Lê Văn Anh; ThS. Nguyễn Tùng Phong; ThS. Đỗ Xuân Quý; ThS. Lê Tuấn Phong; CN. Phạm Văn Huân;

CN. Bùi Đức Hiên; CN. Đào Quang Vinh; CN. Nguyễn Thị Quỳnh Giang; CN. Nguyễn Thị Cẩm Tú; ThS. Dương Bạch Long; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS. Lưu Kiếm Anh; ThS. Lê Lan Anh; CN. Nguyễn Văn Vẻ; ThS. Phạm Ngọc Thắng; ThS. Nhâm Ngọc Hiên; ThS. Trần Thị Minh Phương; ThS. Nguyễn Thị Lý - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 03/2016 - 09/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực trạng và kinh nghiệm quốc tế về đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, cụ thể là đối với các dịch vụ công (DVC). Xây dựng tiêu chí, mô hình, quy trình và phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với DVC thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tư pháp. Đề xuất các giải pháp thực hiện hiệu quả việc đo lường sự hài lòng của người dân đối với DVC thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tư pháp trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 17767

### **50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị**

78339. 08-2021. **Phương thức, hình thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực tư tưởng/** PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc, TS. Tạ Văn Nam; ThS. Nguyễn Thị Ánh; TS. Nguyễn Duy Hạnh; ThS. Lê Trung Kiên; TS. Tống Đức Thảo; PGS.TS. Trần Đăng Thanh; PGS.TS. Lâm Quốc Tuấn; TS. Vũ Thế Tùng; PGS.TS. Nguyễn Thị Quế - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí

Minh, 2020 - 02/2019 - 08/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nêu những vấn đề lý luận chung về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực tư tưởng. thực trạng sử dụng các phương thức, hình thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực tư tưởng. Phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả các phương thức, hình thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực tư tưởng.

Số hồ sơ lưu: 17531

## **507. Địa lý kinh tế và xã hội**

### **50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị**

76683. 08-2021. **Nghiên cứu cơ sở khoa học, đề xuất đổi mới phương pháp luận và ứng dụng công nghệ trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm góp phần quản lý, sử dụng tài nguyên đất hiệu quả, bền vững/ TS.** Nguyễn Đắc Nhân, PGS. TS. Nguyễn Khắc Thời; TS. Lê Đức Thịnh; TS. Phạm Lan Hương; TS. Ninh Minh Phương; ThS. Đinh Văn Thường; ThS. Nguyễn Xuân Kiên; ThS. Nguyễn Mạnh Thường; ThS. Vũ Lê Hà; ThS. Phạm Thị Hồng - Hà Nội - Viện nghiên cứu quản lý đất đai, 2020 - 12/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở khoa học, kinh nghiệm quốc tế về việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Thực trạng việc

ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và việc tổ chức thực hiện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp. Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp có tính đến yếu tố liên vùng và các tác động của biến đổi khí hậu; bộ tiêu chí về kinh tế, xã hội và môi trường để đánh giá hiệu quả của phương án quy hoạch sử dụng đất. Đề xuất đổi mới phương pháp luận trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Xây dựng quy trình, công nghệ xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Hoàn thiện phần mềm hỗ trợ xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất và ứng dụng GIS, phương pháp phân tích đa chỉ tiêu hỗ trợ lựa chọn phương án quy hoạch sử dụng đất tối ưu đảm bảo quản lý, sử dụng đất hiệu quả, bền vững. Ứng dụng thử nghiệm kết quả nghiên cứu khoa học lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Nam Định (lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Nam Định và huyện Hải Hậu).

Số hồ sơ lưu: 17309

### **599. Khoa học xã hội khác**

77371. 08-2021. **Tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến lao động - việc làm trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo/ ThS.** Lê Ngự Bình, ThS. Phạm Ngọc Toàn; ThS. Nguyễn Thị Hoàng Nguyên; ThS. Nguyễn Thành Tuấn; ThS. Lê Thị Lương; TS. Ninh Thị Minh Tâm; ThS. Ngô Xuân Liễu; ThS. Nghiêm Thị Ngọc Bích - Hà Nội - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định tác động của cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ 4 đến lao động và những thay đổi về việc làm, vị trí việc làm trong 2 ngành dệt may và chế biến thực phẩm. Dự báo xu hướng tác động của CMCN lần thứ 4 đến nhu cầu của doanh nghiệp về lao động, việc làm và nhu cầu đào tạo của người lao động trong 2 ngành dệt may và chế biến thực phẩm ở Việt Nam đến 2025. Đề xuất các giải pháp đối với nhà nước, doanh nghiệp, người lao động để tận dụng cơ hội và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực từ CMCN lần thứ 4.

Số hồ sơ lưu: 17548

## 6. Khoa học nhân văn

### 601. Lịch sử và khảo cổ học

#### 60101. Lịch sử Việt Nam

77549. 08-2021. **Khảo cứu, biên dịch, chú thích 20 quyển sách địa dư Việt Nam trong bộ "Tiểu Phương Hồ trai dư địa từng sao" của Vương Tích Kỳ/ TS. Nguyễn Tuấn Cường, ThS. Dương Văn Hoàn; ThS. Trương Văn Thắng; ThS. Bùi Quốc Linh; ThS. Nguyễn Đình Hưng; CN. Hoàng Ngọc Hiếu; CN. Nguyễn Mai Hạnh - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2020 - 11/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)**

Khảo cứu văn bản, tác phẩm, biên dịch, chú thích 20 quyển sách viết về địa lý và biển đảo Việt Nam do người Trung Quốc biên soạn trước thế kỷ 20 được sưu tập trong bộ sách Tiểu Phương Hồ trai dư địa từng sao (phần Việt Nam) của Vương Tích Kỳ. Cung cấp thêm các tư liệu có giá

trị viết về lịch sử, địa lý và biển đảo, văn hóa, phong tục nước ta do người Trung Quốc biên soạn trước thế kỷ 20, góp phần khẳng định chủ quyền biển đảo Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17669

#### 60102. Lịch sử thế giới; Lịch sử từng nước, từng vùng; từng khu vực

77199. 08-2021. **Điều chỉnh bản thảo, biên dịch tiếng Anh và hiệu đính bản dịch để xuất bản cuốn sách "Một số tư liệu Hán Nôm khẳng định chủ quyền lịch sử của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa"/ TS. Nguyễn Tuấn Cường, TS. Trần Trọng Dương; ThS. Nguyễn Quốc Vinh; CN. Nguyễn Mai Hạnh - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2019 - 10/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Giám định tính chân xác, khả tín của hệ thống tư liệu văn bản Hán Nôm khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa thông qua các phương pháp văn bản học, sử liệu học, khảo cổ học lịch sử. Tính khả tín của các nguồn thông tin, của các mảnh sử liệu có đề cập trực tiếp đến quá trình khai thác, xác lập chủ quyền của Việt Nam trong lịch sử đối với quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa. Tiến hành nghiên cứu tổng quan để xác định và làm nổi bật tính pháp lý và tính hệ thống của nguồn tư liệu. Áp dụng các tiêu chuẩn của khoa học quốc tế về văn bản học, công bố học, sử liệu học đối với các nguồn tư liệu nguyên cấp này. Biên dịch các văn bản sử liệu gốc từ tiếng

Hán sang tiếng Việt, thực hiện chú thích, hiệu điểm, hiệu đính, đối với các bản dịch. Sửa chữa văn phong của các nghiên cứu và bản dịch tiếng Việt (tiếng Việt bằng ngôn ngữ khoa học), để có thể xuất bản và dịch thuật sang các ngoại ngữ khác. Dịch thuật từ bản tiếng Việt sang bản tiếng Anh.

Số hồ sơ lưu: 17327

## 602. Ngôn ngữ học và văn học

### 60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung

76898. 08-2021. **Văn hóa biển đảo Việt Nam - theo tiếp cận bảo tàng học**/ PGS. TS. Nguyễn Duy Thiệu, CN. Vũ Phương Nga; PGS.TS.Võ Quang Trọng; PGS.TS.Phạm Văn Dương; TS.Võ Thị Thường; TS.Võ Thị Mai Phương; CN. Vũ Thị Hà; CN. Lê Anh Hòa; CN. Lê Phương Thảo; ThS.Phạm Thị Thủy Chung; TS.Nguyễn Vũ Hoàng; ThS.Nguyễn Thị Thùy Dương - Hà Nội - Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, 2020 - 10/2018 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu các khía cạnh văn hóa của các loại thuyền, bè ở Việt Nam. Các loại ngư cụ, kỹ thuật và các tri thức, kinh nghiệm dân gian về sử dụng ngư cụ để đánh bắt thủy sản. Các phương thức chế biến và tiêu thụ sản phẩm nghề cá, đặc biệt là việc chế biến và sử dụng các loại sản phẩm theo theo cách lên men làm chín thức ăn không qua lửa (mắm, nước mắm). Tìm hiểu đời sống tín ngưỡng của các cộng đồng ngư dân, tập trung vào những tín ngưỡng mang tính chất biển đảo rõ nét (mẫu Thoái, tục thờ "cô bác", tín ngưỡng thờ Cá Ông).

Trên cơ sở dữ liệu khoa học thu thập được, đề tài đề xuất đề cương ý tưởng trưng bày chuyên đề về văn hóa biển đảo Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17353

77561. 08-2021. **Văn hóa vỉa hè ở Hà Nội hiện nay**/ PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Châm, Lê Hồng Lý; Nguyễn Giáo; Hồ Thị Thanh Nga; Nguyễn Thị Huệ; Hoàng Thị Thu Hằng; Nguyễn Thu Hương; Lương Thu Trang - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Văn hóa, 2020 - 03/2018 - 02/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu, phân tích, đánh giá về cuộc sống thường nhật đã và đang diễn ra trên các phương diện sinh kế, xã hội, văn hoá, và biểu trưng của vỉa hè Hà Nội. Trên cơ sở đó chỉ rõ những đặc trưng của vỉa hè Hà Nội, cung cấp những luận cứ khoa học cho việc nhìn nhận đa chiều hơn về văn hóa vỉa hè Hà Nội và những gợi ý khả thi trong xây dựng, quy hoạch không gian vỉa hè Hà Nội nói riêng và vỉa hè ở các thành phố lớn của Việt Nam nói chung. Tổng quan tình hình nghiên cứu của các học giả nước ngoài và Việt Nam về văn hoá vỉa hè từ góc nhìn văn hoá học và nhân học văn hoá. Nhận diện về các thực hành văn hóa trên vỉa hè Hà Nội hiện nay, nhìn ra các chủ thể sử dụng và sáng tạo văn hóa vỉa hè, các phương diện của đời sống văn hoá, xã hội và sinh kế của các nhóm người khác nhau trên vỉa hè.

Số hồ sơ lưu: 17681



**603. Triết học, đạo đức học và tôn giáo****60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ**

77486. 08-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng dự thảo đề án phát triển, nâng cao năng lực của hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ/** ThS. Trần Thị Tuyết, ThS. Nguyễn Ngọc Minh; CN. Nguyễn Thành Dũng; ThS. Nguyễn Trung Dũng; CN. Phạm Công Túc; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Lan; ThS. Phạm Lê Cường; ThS. Nguyễn Ngọc Châm; CN. Nguyễn Thanh Tuấn; ThS. Lê Minh Tâm - Hà Nội - Vụ Tổ chức Cán bộ, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Rà soát, đánh giá thực trạng và chính sách phát triển các tổ chức KH&CN trong giai đoạn hiện nay. Đề xuất những giải pháp về chính sách, định hướng, nguồn lực phát triển, nâng cao năng lực của hệ thống các tổ chức KH&CN. Xây dựng dự thảo Đề án phát triển, nâng cao năng lực của hệ thống các tổ chức dịch vụ KH&CN.

Số hồ sơ lưu: 17631

**Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN**

**1. Tên thủ tục hành chính:** Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

**2. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá

nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

### **3. Cách thức thực hiện:**

- Đăng ký trực tuyến tại trang thông tin điện tử: <http://dangkykqnv.vista.gov.vn/>;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;
- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

### **4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ**

- 01 Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (Phiếu đăng ký để rời, đóng dấu giáp lai nếu 2 tờ, không đóng vào báo cáo tổng hợp).
- 01 bản giấy Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (đã hoàn thiện sau khi nghiệm thu chính thức), báo cáo đóng bìa cứng, gáy vuông (in tên chủ nhiệm vụ, và mã số nhiệm vụ), trên trang bìa lót bên trong có xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.
- 01 bản điện tử Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (file hoàn chỉnh, không tách riêng các file chương, mục,...); 01 bản điện tử Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.
- 01 bản sao Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (biên bản không đóng kèm vào báo cáo tổng hợp); văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 Bản sao đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.

- 01 Phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

**5. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**9. Lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Phiếu mô tả công nghệ.

- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.

- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:**

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30



Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: dangky@vista.gov.vn

*\* Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*